

## PHẦN I: LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1945 – 2000

### BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945-1949)

**Câu 1:** Trật tự hai cực Ian ta hoàn toàn tan rã khi

- A. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động.
- B. Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.
- C. chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.
- D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) giải thể.

**Câu 2:** Mọi nghị quyết của Hội đồng Bảo an được thông qua với điều kiện nào?

- A. Phải quá nửa số thành viên của Hội đồng tán thành.
- B. Phải có 2/3 số thành viên đồng ý.
- C. Phải được tất cả thành viên tán thành.
- D. Phải có sự nhất trí của Liên Xô (Nga), Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây **không** phải là quyết định của Hội nghị Ianta?

- A. Tiêu diệt tận gốc CNPX Đức và Quân phiệt Nhật.
- B. Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.
- C. Hình thành khối Đồng minh chống phát xít.
- D. Thỏa thuận khu vực đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng.

**Câu 4:** Theo thỏa thuận hội nghị Pôtxđam việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương phía Bắc vĩ tuyến 16 giao cho quân đội nước nào?

- A. Liên Xô.      B. Anh.      C. Mĩ.      D. Quân đội Trung Hoa Dân Quốc.

**Câu 5:** Mục đích hàng đầu của Liên Hợp Quốc là gì? (Duy trì hòa bình và an ninh thế giới là mục đích của tổ chức nào?)

- A. Duy trì hòa bình thế giới.      B. Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. Tiến hành hợp tác giữa các nước.      D. Tôn trọng chủ quyền các nước.

**Câu 6:** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, tiến hành hợp tác quốc tế là mục đích chính của tổ chức

- A. Liên minh châu Âu.      B. Thương mại thế giới.
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.      D. Liên hợp quốc.

**Câu 7:** Trật tự thế giới mới hình thành sau những quyết định của Hội nghị Ianta 1945 là gì?

- A. Thế giới hình thành hai hệ thống.
- B. Trật tự thế giới đơn cực do Mĩ đứng đầu.
- C. Trật tự hai cực Ianta.
- D. Thế giới chia thành hai phe.

**Câu 8:** Hội nghị Ianta (2-1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. đã hoàn toàn kết thúc.      B. bước vào giai đoạn kết thúc.
- C. đang diễn ra vô cùng ác liệt.      D. bùng nổ và ngày càng lan rộng.

**Câu 9:** Theo thỏa thuận của các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị Ianta, quân đội nước nào chiếm đóng các nước Đông Âu, Đông Đức và Đông Béclin?

- A. Mĩ.      B. Liên Xô.      C. Anh.      D. Pháp.

**Câu 10:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là vấn đề cấp bách đặt ra đối với các cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh vào đầu năm 1945?

- A. Nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít.      B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.
- C. Phân chia thành quả chiến thắng.      D. Ký hòa ước với các nước bại trận.

**Câu 11:** Trật tự hai cực Ianta được xác lập sau chiến tranh thế giới thứ hai khẳng định vị thế hàng đầu của hai quốc gia nào?

- A. Liên Xô và Mĩ.      B. Mĩ và Anh.      C. Liên Xô và Anh.      D. Liên Xô và Pháp.

**Câu 12:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của LHQ là

- A. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với nhau.
- B. chung sống hòa bình vừa hợp tác vừa đấu tranh.

- C. tiến hành hợp tác quốc tế giữa các thành viên.
- D. không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

**Câu 13:** Hội nghị Ianta có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Làm nảy sinh mâu thuẫn giữa các cường quốc.
- B. Đánh dấu sự hình thành trật tự thế giới trật tự Véc xai- Oa sinh ton.
- C. Trở thành khuôn khổ trật tự thế giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945-1949.
- D. Đánh dấu sự xác lập vai trò thống trị toàn cầu của Mỹ.

**Câu 14:** Đặc điểm nổi bật của Trật tự hai cực Ianta sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. các nước thắng trận đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.
- B. các nước tư bản thao túng hoàn toàn trên thế giới.
- C. thế giới chia thành hai phe do hai siêu cường Xô- Mỹ đứng đầu.
- D. các nước thắng trận trong phe Đồng minh cùng hợp tác lãnh đạo thế giới.

**Câu 15:** Bản Hiến chương là văn bản quan trọng nhất của LHQ vì

- A. đề ra nguyên tắc hoạt động của LHQ.
- B. nêu rõ mục đích của LHQ.
- C. quy định tổ chức bộ máy và hoạt động của LHQ.
- D. là cơ sở pháp lí để các nước tham gia vào LHQ.

**Câu 16:** Vì sao LHQ xác định nguyên tắc giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình?

- A. Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân thế giới.
- B. Vì mục đích của LHQ là duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. Vì hòa bình là xu thế chung của nhân loại.
- D. Vì LHQ không can thiệp vào nội bộ các nước.

**Câu 17:** Hội nghị Pốttxdam (1945) thông qua quyết định nào?

- A. Liên Xô tham gia chống Nhật ở châu Á.
- B. Thành lập Liên hợp Quốc.
- C. Liên quân Anh Mỹ mở mặt trận Tây Âu để tiêu diệt phát xít Đức.
- D. Phân công quân đội Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.

**Câu 18.** Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945). Liên Xô **không** đóng quân tại khu vực nào sau đây?

- A. Đông Đức.                      B. Đông Âu.                      C. Bắc Triều Tiên.                      D. Tây Đức.

**Câu 19.** Nhận xét nào sau đây là đúng về điểm chung của trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai-Oasinhton và trật tự thế giới hai cực Ianta?

- A. Chứng tỏ quan hệ quốc tế bị chi phối bởi các cường quốc.
- B. Bảo đảm việc thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc.
- C. Hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các nước cùng chế độ chính trị.
- D. Có sự phân cực rõ rệt giữa hai hệ thống chính trị xã hội khác nhau.

## **BÀI 2 . LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU (1945-1991). LIÊN BANG NGA (1991-2000)**

**Câu 1:** Trong thời gian 1945-1950, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Liên Xô là

- A. phá thế bị bao vây, cấm vận.                      B. mở rộng quan hệ đối ngoại.
- C. xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật.                      D. khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

**Câu 2:** Trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô những năm 50, 60 và nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX, thành tựu có ý nghĩa lớn nhất là (quốc gia nào có nền công nghiệp đứng 2 thế giới vào nửa đầu những năm 70 của thế kỷ XX?)

- A. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ 2 thế giới.
- B. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. phóng tàu vũ trụ Phương Đông.

D. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

**Câu 3:** Khái quát về chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 70 thế kỉ XX ?

- A. Giúp đỡ các nước trong hệ thống CNXH.
- B. Bảo vệ hòa bình, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
- C. Tích cực ngăn chặn vũ khí có nguy cơ hủy diệt loài người.
- D. Kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mĩ.

**Câu 4:** Sự kiện nào đánh dấu chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước (Liên Xô) và bước đầu trở thành hệ thống thế giới?

- A. Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.
- B. Sự ra đời nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.
- C. Sự ra đời của nước Cộng hòa Ấn Độ.
- D. Sự ra đời của nước Cộng hòa Cu Ba.

**Câu 5:** Một trong những biểu hiện của Liên Xô là thành trì của cách mạng thế giới từ đầu những năm 1950-1970 là

- A. tích cực giúp đỡ các nước XHCN.
- B. trực tiếp đối đầu với các cường quốc phương Tây.
- C. làm phá sản chiến lược toàn cầu của Mĩ.
- D. thúc đẩy sự hình thành xu thế hợp tác thế giới.

**Câu 6:** Từ những năm 50 đến nửa đầu những năm 70 thế kỉ XX, Liên Xô thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là

- A. khôi phục kinh tế hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của CNXH.
- C. củng cố hoàn thiện hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội.
- D. thành lập và phát triển Hội đồng tương trợ kinh tế.

**Câu 7:** Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở

- A. châu Á.
- B. châu Âu.
- C. châu Phi.
- D. châu Mĩ.

**Câu 8:** Sự kiện nào được xem mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người? (quốc gia nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người? Liên Xô)

- A. Phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Gagarin bay vòng quanh trái đất.
- B. Phóng con tàu Apollo đưa nhà phi hành gia Armstrong lên mặt trăng đầu tiên.
- C. Phóng con tàu “Thần Châu 5” đưa nhà du hành Dương Lợi Vĩ bay vòng quanh trái đất.
- D. Tổ chức các chuyến thám hiểm sao Mộc thành công.

**Câu 9:** Năm 1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành, quy định thể chế chính trị của Nga là gì?

- A. Nhà nước Xô Viết.
- B. Nhà nước Liên minh.
- C. Tổng thống Liên bang.
- D. Tổng thống Cộng hòa.

**Câu 10:** Sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử năm 1949 có ý nghĩa

- A. cân bằng lực lượng quân sự giữa Mĩ và Liên Xô.
- B. chứng tỏ Liên Xô là nước đầu tiên chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. phá vỡ thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.
- D. làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mĩ.

**Câu 11:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, điều kiện khách quan nào có lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- A. Sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Sự giúp đỡ trực tiếp của Liên Xô.
- C. Sự xác lập trật tự hai cực Ianta.
- D. Sự suy yếu của đế quốc Anh và Pháp.



- B. Hình thành trật tự thế giới đơn cực do Mỹ đứng đầu.
- C. Hình thành nên trật tự đa cực.
- D. Phong trào cách mạng thế giới mất chỗ dựa.

**Câu 29:** Điểm tương đồng về địa vị quốc tế giữa Liên Xô và Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. cả hai đều là cường quốc công nghiệp thế giới.
- B. đều là trụ cột của trật tự hai cực Ianta.
- C. đều là ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.
- D. đều đi tiên phong trong chinh phục vũ trụ.

**Câu 30:** Sự sụp đổ CNXH ở Liên Xô năm 1991, Việt Nam rút ra bài học kinh nghiệm gì?

- A. Tôn trọng quy luật phát triển kinh tế khách quan.
- B. Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản.
- C. Cảnh giác âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.
- D. Thực hiện dân chủ và công bằng xã hội.

**Câu 31:** Sự sụp đổ CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu tác động như thế nào đến tình hình thế giới?

- A. Mỹ vươn lên xác lập trật tự thế giới đơn cực.
- B. Chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang trên qui mô toàn cầu.
- C. Dẫn đến sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ XHCN.
- D. CNXH lâm vào thời kì thoái trào, trật tự hai cực Ianta tan rã.

### BÀI 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

**Câu 1:** Đối phong trào giải phóng dân tộc thế giới, sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chấm dứt 100 năm nô dịch của đế quốc.
- B. Đưa Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập.
- C. Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- D. CNXH nổi lên từ châu Âu sang châu Á.

**Câu 2:** Đối với Trung Quốc sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu cuộc cách mạng dân chủ nhân dân Trung Quốc hoàn thành triệt để.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.
- C. Đưa Trung Quốc trở thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trên thế giới.
- D. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

**Câu 3:** Trên con đường đổi mới từ năm 1978, nhiệm vụ trung tâm của Trung Quốc là

- A. xây dựng chính trị ổn định.
- B. phát triển kinh tế.
- C. phát triển văn hóa.
- D. xây dựng vị trí trên thế giới.

**Câu 4:** Trung Quốc bắt đầu công cuộc cải cách kinh tế xã hội khi nào?

- A. Tháng 12 năm 1976.
- B. Tháng 12 năm 1977.
- C. Tháng 12 năm 1978.
- D. Tháng 3 năm 1985.

**Câu 5:** Người khởi xướng công cuộc cải cách kinh tế xã hội ở Trung Quốc vào tháng 12 năm 1978 là

- A. Mao Trạch Đông.
- B. Lưu Thiệu Kỳ.
- C. Đặng Tiểu Bình.
- D. Chu Ân Lai.

**Câu 6:** Công cuộc cải cách kinh tế xã hội ở Trung Quốc nhằm mục tiêu đưa Trung Quốc thành quốc gia

- A. giàu mạnh, dân chủ và văn minh.
- B. sánh ngang các cường quốc.
- C. giàu mạnh, văn hóa, văn minh.
- D. dẫn đầu hệ thống các nước XHCN.

**Câu 7:** Cuối những năm 90, vùng lãnh thổ nào đã trở về với đại lục Trung Quốc?

- A. Hồng Kông, Đài Loan.
- B. Hồng Kông, Ma Cao.

C. Đài Loan, Ma Cao.

D. Ma Cao, Tây Tạng.

**Câu 8:** Cho biết sự kiện nào thể hiện sự biến đổi lớn về chính trị của khu vực Đông Bắc Á sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Trung Quốc thu hồi được Hồng Kông.

B. Sự ra đời của nước CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc.

C. Sự ra đời của nước CHND Trung Hoa và sự thành lập hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.

D. Tập đoàn Tưởng Giới Thạch chạy ra Đài Loan và tuyên bố tự trị.

**Câu 9:** cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc được đánh giá là

A. góp phần củng cố hệ thống CNXH trên thế giới.

B. thành công, đưa Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh nhất.

C. là bước đi đúng đắn, phù hợp với hoàn cảnh đất nước trong những năm 80.

D. đưa Trung Quốc thoát khỏi khủng hoảng kinh tế thế giới.

**Câu 10:** Khu vực Đông Bắc Á có các “con rồng” kinh tế vào thập niên 70 thế kỉ XX là

A. Hồng Kông, Đài Loan, CHDCND Triều Tiên.

B. Hồng Kông, Ma Cao, Hàn Quốc.

C. Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc.

D. CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, Trung Quốc.

**Câu 11:** Với sự kiện phóng tàu “Thần Châu 5”, Trung Quốc trở thành quốc gia thứ mấy trên thế giới phóng con tàu cùng con người bay vào không gian vũ trụ ?

A. Thứ ba.

B. Thứ tư.

C. Thứ năm.

D. Thứ sáu.

**Câu 12:** Sự kiện có tính đột phá làm xói mòn trật tự hai cực Ianta là

A. thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam (1954).

B. cách mạng Cuba lật đổ chế độ độc tài Batista (1959).

C. ba nước Indônêxia, Việt Nam, Lào tuyên bố độc lập (1954).

D. cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Trung Quốc thành công (1949).

**Câu 13:** Trước năm 1945, quốc gia duy nhất ở khu vực Đông Bắc Á không bị chủ nghĩa thực dân nô dịch là

A. Trung Quốc.

B. Triều Tiên.

C. Hàn Quốc.

D. Nhật Bản.

**Câu 14:** Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, bán đảo Triều Tiên có sự biến đổi chính trị nào?

A. Hình thành hai nhà nước: Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên.

B. Tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

C. Mĩ can thiệp sâu vào Triều Tiên.

D. Diễn ra cuộc khủng hoảng hạt nhân.

**Câu 15:** Thành công của Cách mạng Trung Quốc ảnh hưởng như thế nào đến Việt Nam?

A. Ảnh hưởng tích cực, động viên giúp đỡ Việt Nam.

B. Tạo điều kiện đào tạo cán bộ lãnh đạo cho Việt Nam.

C. Giúp Việt Nam phát triển kinh tế.

D. Giúp Việt Nam giao lưu, phát triển văn hóa.

**Câu 16:** Sự ra đời hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên bị chi phối bởi

A. quan hệ Mĩ-Trung.

B. xu thế toàn cầu hóa.

C. trật tự hai cực Ianta.

D. chiến tranh lạnh.

**Câu 17:** Công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc và Việt Nam có điểm gì giống nhau?

A. Kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản.

B. Kiên trì sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

C. Xây dựng CNXH mang màu sắc riêng.

D. Xuất phát từ nước nông nghiệp lạc hậu.



C. lúc mới thành lập có 6 nước sau phát triển thêm.

D. từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX, trở thành khu vực năng động có địa vị quốc tế cao.

**Câu 12:** Việc mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại chủ yếu là do

A. có nhiều khác biệt về văn hóa giữa các quốc gia.

B. nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với một số nước.

C. tác động của chiến tranh lạnh và cục diện 2 phe, 2 cực.

D. các nước thực hiện chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

**Câu 13:** Nguyên nhân quyết định thắng lợi của cách mạng Lào và Việt Nam năm 1945 là

A. thời cơ thuận lợi - Nhật đầu hàng Đồng minh.

B. tinh thần đoàn kết của nhân dân hai nước.

C. truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân hai nước.

D. vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

**Câu 14:** Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á( trừ Thái Lan) là thuộc địa của

A. Mĩ, Nhật.

B. Pháp, Nhật .

C. Anh, Pháp, Mĩ.

D. các nước đế quốc Âu – Mĩ.

**Câu 15:** Sự kiện đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương kết thúc thắng lợi là

A. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

B. Hiệp định Viêng Chăn.

C. chiến dịch Điện Biên Phủ.

D. Hiệp định Pari.

**Câu 16:** Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN thi hành chiến lược kinh tế công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu nhằm mục tiêu gì?

A. Xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ văn minh.

B. Xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

C. Xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững.

D. Nâng cao đời sống nhân dân, phát triển đất nước.

**Câu 17:** Nhân dân Lào chống Mĩ ( 1954- 1975) trên những mặt trận nào?

A. Kinh tế - chính trị - quân sự.

B. Kinh tế - chính trị - binh vận.

C. Kinh tế - chính trị - ngoại giao.

D. Chính trị - quân sự - ngoại giao.

**Câu 18:** Kết quả cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á năm 1945 chứng tỏ

A. lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định.

B. điều kiện khách quan giữ vai trò quyết định.

C. tầng lớp trung gian đóng vai trò nòng cốt.

D. điều kiện chủ quan giữ vai trò quyết định.

**Câu 19:** Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia ĐNA thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

A. Toàn cầu hóa.

B. Liên kết khu vực.

C. Hòa hoãn Đông –Tây.

D. Đa cực, nhiều trung tâm.

**Câu 20:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời nhằm

A. giảm bớt sức ép của các nước lớn và hạn chế ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.

B. phát triển kinh tế, văn hoá trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

C. hợp tác giữa các nước tạo nên cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh.

D. xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do, trung lập.

**Câu 21:** Từ những năm 70 thế kỉ XX, Ấn Độ tự túc được lương thực nhờ tiến hành

A. “cách mạng công nghiệp”.

B. “cách mạng xanh”.

C. “cách mạng công nghệ”.

D. “cách mạng chất xám”.

**Câu 22:** Một trong những mục tiêu quan trọng của ASEAN là

A. xóa bỏ áp bức bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu.

B. xây dựng khối liên minh chính trị, quân sự.

C. xây dựng khối liên minh kinh tế, quân sự.

D. tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa.

**Câu 23:** tổ chức nào lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh giành độc lập.?

A. Đảng Dân tộc. B. Đảng Quốc đại.

C. Đảng Dân chủ. D. Đảng Quốc dân.



**Câu 24:** Từ thành công của 5 nước sáng lập ASEAN trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, có thể rút ra bài học nào cho các nước còn lại trong khu vực?

- A. Giải quyết nạn thất nghiệp và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.
- B. Mở cửa kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật của nước ngoài.
- C. Xây dựng nền kinh tế tự chủ phát triển nội thương.
- D. Ưu tiên sản xuất hàng tiêu dùng nội địa để chiếm lĩnh thị trường.

**Câu 25:** Sau CTTG 2, Đông Nam Á có những thuận lợi nào trong cuộc đấu tranh giành độc lập?

- A. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- B. Quân Đồng minh chiếm đóng Nhật Bản.
- C. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- D. Được Liên Xô giúp đỡ để tiến hành giải phóng.

**Câu 26:** Việt Nam có thể rút ra bài học gì từ sự phát triển kinh tế của Ấn Độ?

- A. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng.
- B. Chú trọng công nghiệp nặng.
- C. Áp dụng triệt để thành tựu khoa học kỹ thuật.
- D. Khai thác triệt để nguồn tài nguyên.

**Câu 27:** Theo phương án Maobátton, trên cơ sở tôn giáo, Ấn Độ chia thành quốc gia nào?

- A. Ấn Độ, Pakixtan.
- B. Ấn Độ, Butan.
- C. Ấn Độ, Apganixtan.
- D. Ấn Độ, Băng-la-đét.

**Câu 28:** Trước chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của các nước đế quốc Âu-Mĩ, ngoại trừ

- A. Đông Ti mo.
- B. Thái Lan.
- C. Philippin.
- D. Xingapo.

**Câu 29:** Những năm 60-70 thế kỉ XX, các nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo là do

- A. chiến lược kinh tế hướng nội bộc lộ nhiều hạn chế cần phải khắc phục.
- B. tác động của cuộc chiến tranh Đông Dương lan rộng đến khu vực.
- C. các tầng lớp nhân dân trong nước phản đối chiến lược kinh tế hướng nội.
- D. cuộc kháng chiến chống Mĩ ở Đông Dương kết thúc, các nước này điều chỉnh chiến lược.

**Câu 30:** Điểm tương đồng trong quá trình ra đời của ASEAN và Liên minh châu Âu EU

- A. đều là những đồng minh tin cậy của Mĩ.
- B. đều là đối tác quan trọng của Nhật Bản.
- C. xuất phát từ nhu cầu liên kết khu vực và hợp tác giữa các nước.
- D. nhằm hạn chế ảnh hưởng và tác động bên ngoài.

**Câu 31:** Nội dung cơ bản Hiệp ước Bali (2-1976) là

- A. tuyên bố thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- B. xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
- C. thông qua nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN.
- D. tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN.

**Câu 32:** Trong quá trình thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại từ những năm 60-70 của thế kỉ XX, 5 nước sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đều

- A. trở thành những con rồng kinh tế châu Á.
- B. có mâu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.
- C. trở thành những nước công nghiệp mới.
- D. dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

**Câu 33:** Văn bản được kí kết tại Hội nghị cấp cao ASEAN họp ở Bali (2/1976) là

- A. Hiệp định hoà bình về Campuchia.
- B. Hiệp ước thân thiện và hợp tác.
- C. Hiến chương ASEAN.
- D. Tuyên bố của ASEAN.

**Câu 34:** Theo Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Bali, 1976), các tranh chấp được giải quyết theo nguyên tắc

- A. sử dụng vũ lực.
- B. hợp tác với nước lớn.
- C. sử dụng biện pháp hoà bình.
- D. đe dọa bằng vũ lực.

**Câu 35:** Ý nghĩa của việc kí Hiệp ước Bali (2/1976) là

- A. các mâu thuẫn được giải quyết, ASEAN có điều kiện phát triển.
- B. tạo điều kiện hợp tác xây dựng một cộng đồng ASEAN về kinh tế.
- C. tạo điều kiện hợp tác xây dựng một cộng đồng ASEAN về văn hoá.



C. Nenson Mandêla trở thành tổng thống Nam Phi.

D. Năm 1990, Namibia thoát khỏi sự thống trị của Nam Phi.

**Câu 10:** Một trong những điểm khác biệt trong phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi với Châu Á sau chiến tranh thế giới thứ hai về

A. nhiệm vụ đấu tranh chủ yếu.

B. kết cục của chiến tranh.

C. mục tiêu đấu tranh chủ yếu.

D. tổ chức lãnh đạo thống nhất của châu lục.

**Câu 11:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai điều kiện khách quan nào có lợi cho phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

A. Sự viện trợ của các nước XHCN.

B. Sự giúp đỡ trực tiếp của Liên Xô.

C. Sự xác lập trật tự hai cực Ianta.

D. Sự suy yếu của đế quốc Anh và Pháp.

**Câu 12:** Nước cộng hòa Cuba thành lập năm 1959 là kết quả của

A. cuộc đấu tranh chống thực dân kiểu cũ.

B. cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

C. cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa li khai thân Mỹ.

D. cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ độc tài tay sai thân Mỹ.

**Câu 13:** Nhân định nào dưới đây gắn với tên tuổi Nenson Mandêla?

A. Lãnh tụ phong trào đấu tranh giải phóng các dân tộc ở châu Phi.

B. Lãnh tụ phong trào đấu tranh chống đói nghèo ở châu Phi.

C. Lãnh tụ phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

D. Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa lớn của châu Phi.

**Câu 14:** Thập niên 60-70 của thế kỉ XX, lịch sử thế giới gọi khu vực Mĩ Latinh là “lục địa bùng cháy” vì

A. phong trào chống chế độ độc tài thân Mĩ diễn ra sôi nổi.

B. cuộc nội chiến giữa các đảng phái diễn ra quyết liệt.

C. phong trào công nhân diễn ra sôi nổi.

D. diễn ra tình trạng cháy rừng thường xuyên.

**Câu 15:** Hình thức đấu tranh chủ yếu của Mĩ Latinh sau thắng lợi của cách mạng Cuba 1959 là

A. tiến hành khởi nghĩa vũ trang.

B. đấu tranh nghị trường.

C. đấu tranh kinh tế kết hợp đấu tranh chính trị.

D. đấu tranh ngoại giao.

**Câu 16:** Kẻ thù chủ yếu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của người da màu ở Nam Phi thế kỉ XX

A. chủ nghĩa thực dân cũ.

B. thực dân Âu - Mĩ.

C. chủ nghĩa thực dân mới.

D. chủ nghĩa Apácthai.

**Câu 17:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai Cuba được xem là hòn đảo anh hùng vì

A. Cuba ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh.

B. là nước đi đầu trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ độc tài tay sai thân Mĩ.

C. có lãnh tụ Phi đen Cat-tơ-rô đã đánh bại thế lực tay sai thân Mĩ.

D. đất nước Cuba sinh ra nhiều vị anh hùng.

**Câu 18:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bản đồ chính trị thế giới thay đổi là do tác động của

A. trật tự hai cực Ianta.

B. chiến lược toàn cầu của Mĩ.

C. hàng trăm dân tộc ở Á, Phi, Mĩ latinh giành độc lập.

D. chiến tranh lạnh kéo dài và chiến tranh cục bộ diễn ra nhiều nơi.

**Câu 19:** Nội dung nào là điểm tương đồng giữa phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. chỉ theo khuynh hướng vô sản.

B. kết quả đấu tranh.

C. chỉ sử dụng đấu tranh vũ trang.

D. có tổ chức lãnh đạo thống nhất.

**Câu 20:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới nổ ra đầu tiên ở đâu?

A. Nam phi.

B. Đông Nam Á.

C. Đông Bắc Á.

D. Mĩ Latinh.

**Câu 21:** Phong trào đấu tranh được coi là “lá cờ đầu” của cách mạng Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là cách mạng

- A. Côlômbia.                      B. Cuba.                      C. Mêhicô.                      D. Braxin.

**Câu 22.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự kiện nào sau đây ở châu Phi gắn liền với vai trò lãnh đạo của Nê-xơn-Măng-đê-la?

- A. Cách mạng Ăng-gô-la và Mô-dă-mbích thành công.  
B. Namibia tuyên bố độc lập.  
C. Nước Cộng hòa Đim-ba-buê ra đời.  
D. Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi bị xóa bỏ.

**Câu 23.** Sự kiện mở đầu của cách mạng Cuba (1953 - 1959) là

- A. cuộc tấn công trại lính Môn-ca-đa do Phi-đen Cát-xtô-rô chỉ huy.  
B. cuộc đổ bộ vào đất liền của đội quân 81 chiến sĩ do Phi-đen Cát-xtô-rô chỉ huy.  
C. Phi-đen Cát-xtô-rô thành lập Đảng Cộng sản và dẫn dắt cách mạng Cuba.  
D. nước Cộng hòa Cuba ra đời do Phi-đen Cát-xtô-rô đứng đầu.

**Câu 24.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ tìm cách biến khu vực Mỹ Latinh thành “sân sau” của mình bằng cách

- A. giúp cho các nước bảo vệ nền độc lập.  
B. xây dựng chế độ độc tài thân Mỹ ở nhiều nước.  
C. giúp đỡ về kinh tế - tài chính.  
D. xây dựng các căn cứ quân sự.

**Câu 25.** Phong trào đấu tranh chống thực dân phương Tây ở châu Phi bùng nổ sớm nhất tại

- A. Nam Phi.                      B. Tây Phi.                      C. Đông Phi.                      D. Bắc Phi.

## BÀI 6. NƯỚC MỸ

**Câu 1:** Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. Anh.                      B. Pháp.                      C. Mỹ.                      D. Nhật.

**Câu 2:** Trong 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, thành tựu lớn nhất của Mỹ là

- A. đàn áp được phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.  
B. là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.  
C. sản lượng công nghiệp Mỹ chiếm hơn một nửa của thế giới.  
D. ngành công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh nhất thế giới.

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân đưa nền kinh tế Mỹ phát triển?

- A. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.  
B. Áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất.  
C. Các công ty của Mỹ có sức cạnh tranh lớn.  
D. Tập trung mua lại các phát minh lớn.

**Câu 4:** Chính sách đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1945 đến năm 1973 là

- A. chi phối các tổ chức quốc tế và các liên minh quân sự.  
B. triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.  
C. từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.  
D. chống Liên Xô và các nước chủ nghĩa xã hội Đông Âu.

**Câu 5:** Mục tiêu chủ yếu của Mỹ trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu là

- A. làm sụp đổ hoàn toàn CNXH trên thế giới.  
B. phát động Chiến tranh lạnh.  
C. can thiệp trực tiếp vào các cuộc chiến tranh xâm lược trên thế giới.  
D. cản trở Tây Âu, Nhật Bản trở thành trung tâm kinh tế thế giới.

**Câu 6:** Sau Chiến tranh lạnh kết thúc, chính sách đối ngoại của Mỹ có thay đổi gì?

- A. Quan hệ ngoại giao giữa Mỹ - Trung Quốc được thiết lập.

- B. Thực hiện chính sách hòa hoãn với Liên Xô.
- C. Tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo thế giới.
- D. Liên kết chặt chẽ với Nhật Bản.

**Câu 7:** Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. bị thiệt hại nặng nề về người và của.
- B. phát triển mạnh mẽ vươn lên đứng thứ hai thế giới sau Liên Xô.
- C. phát triển mạnh mẽ trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.
- D. bị suy giảm nghiêm trọng do nặng chi phí quốc phòng.

**Câu 8:** Điểm khác của Mỹ so với các nước đồng minh sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sở hữu vũ khí nguyên tử và vũ khí hiện đại.
- B. đạt nhiều thành tựu về khoa học- kỹ thuật.
- C. không bị tàn phá về cơ sở vật chất do chiến tranh.
- D. lôi kéo các nước đồng minh thành lập NATO.

**Câu 9:** Chính sách đối ngoại của Mỹ với Việt Nam từ 1949 đến 1954 là

- A. can thiệp dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
- B. ủng hộ nhân dân Việt Nam giành độc lập từ Phát xít Nhật.
- C. trung lập không can thiệp vào Việt Nam.
- D. phản đối Pháp xâm lược Việt Nam.

**Câu 10:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô là

- A. đối thoại.
- B. đối đầu.
- C. hợp tác.
- D. đồng minh.

**Câu 11:** Ý nào dưới đây **không** phản ánh sự phát triển kinh tế, KH-KT của Mỹ những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sở hữu  $\frac{3}{4}$  dự trữ vàng của thế giới.
- B. Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới.
- C. Viện trợ cho Tây Âu 17 tỉ đô-la qua kế hoạch phục hưng châu Âu.
- D. Trở thành nước khởi đầu cuộc cách mạng KH-KT.

**Câu 12:** Từ sau cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế năm 1973, vị trí nền kinh tế Mỹ như thế nào?

- A. Vẫn đứng đầu thế giới tư bản với ưu thế tuyệt đối.
- B. Vẫn đứng đầu thế giới tư bản nhưng đã suy giảm hơn trước.
- C. Tụt xuống đứng thứ hai sau Nhật.
- D. Ngang bằng với Tây Âu và Nhật.

**Câu 13:** Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu Mỹ thu được một số kết quả ngoại trừ

- A. lôi kéo nhiều nước đồng minh đi theo ủng hộ Mỹ.
- B. ngăn chặn đẩy lùi CNXH trên phạm vi thế giới.
- C. làm chậm lại quá trình giành độc lập của các nước thuộc địa.
- D. làm cho nhiều nước chia cắt trong thời gian dài.

**Câu 14:** Những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại lớn nhất của Mỹ là

- A. CNXH trở thành hệ thống thế giới, trải dài từ Đông Âu tới đông Châu Á.
- B. Nhật Bản, Tây Âu vươn lên trở thành trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mỹ.
- C. Nước cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa ra đời.
- D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền nguyên tử của Mỹ.

**Câu 15:** Sự kiện nào ảnh hưởng lớn nhất đến tâm lí người dân nước Mỹ trong mấy chục năm cuối thế kỉ XX?

- A. Di chứng chiến tranh Việt Nam (1954-1975).
- B. Sa lầy của quân đội Mỹ ở chiến trường miền Bắc Việt Nam.
- C. Vụ khủng bố 11-9-2001 tại Trung tâm thương mại Mỹ.
- D. Tổng thống Mỹ – Kennơđi bị ám sát năm 1963.

**Câu 16:** Từ năm 1973 đến năm 1982, kinh tế Mỹ khủng hoảng là do tác động của

- A. tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. sự cạnh tranh của Nhật Bản và Tây Âu.
- C. việc Mỹ kí hiệp định Pari với Việt Nam.
- D. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

**Câu 17:** Trong chiến lược “cam kết và mở rộng” để can thiệp vào nội bộ các nước khác, Mỹ

- A. tăng cường tính năng động nền kinh tế Mỹ.
- B. sử dụng lực lượng quân đội mạnh.
- C. sử dụng khẩu hiệu chống chủ nghĩa khủng bố.
- D. sử dụng khẩu hiệu “thúc đẩy dân chủ”.

**Câu 18:** Khi thực hiện kế hoạch Mác-san giúp các nước Tây Âu phục hồi kinh tế, Mỹ còn có mục đích

- A. từng bước chiếm lĩnh thị trường Châu Âu.
- B. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô, Đông Âu.
- C. thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở Tây Âu.
- D. xoa dịu mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước tư bản Tây Âu.

**Câu 19:** Thành tựu khoa học – kĩ thuật nổi bật nhất của Mỹ ở lĩnh vực chinh phục vũ trụ đó là quốc gia đầu tiên trên thế giới

- A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- B. phóng tàu vũ trụ đưa con người đặt chân lên Sao Hỏa.
- C. phóng phi thuyền đưa con người lên Mặt Trăng.
- D. phóng tàu vũ trụ đưa con người bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 20:** Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, Mỹ đạt được kết quả nào?

- A. Duy trì vị trí cường quốc số 1 trên nhiều lĩnh vực.
- B. Trực tiếp xóa bỏ hoàn toàn chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. Duy trì sự tồn tại và hoạt động của các tổ chức quân sự.
- D. Làm chậm quá trình giành thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.

**Câu 21:** Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại các đời Tổng thống Mỹ từ Tru-man đến Ních-xon là

- A. chuẩn bị tiến hành “chiến tranh tổng lực”.
- B. ủng hộ “chiến lược toàn cầu”.
- C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mỹ.
- D. theo đuổi “chủ nghĩa lập chỗ trống”.

**Câu 22:** Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mỹ từ 1945 đến 2000 là

- A. dù hình thức khác nhau nhưng cùng chung tham vọng bá chủ thế giới.
- B. tiến hành chạy đua vũ trang chống lại các nước XHCN.
- C. đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, không chế đồng minh.
- D. tiến hành chiến tranh xâm lược và chống chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 23:** Cuộc Chiến tranh lạnh do Mỹ phát động chống Liên Xô là cuộc chiến tranh

- A. không tiếng súng nhưng đặt thế giới trong tình trạng căng thẳng.
- B. giành thị trường quyết liệt giữa Mỹ và Liên Xô.
- C. xung đột trực tiếp giữa Mỹ- Liên Xô.
- D. không hồi kết về quân sự và ý thức hệ giữa Mỹ và Liên Xô.

**Câu 24.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là nước TBCN giàu mạnh nhất thế giới, vì

- A. Mỹ là nước duy nhất sản xuất được bom nguyên tử.
- B. Mỹ có thực lực về kinh tế và quân sự.
- C. là nước đứng đầu về tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- D. đứng đầu về dự trữ vàng của thế giới.

**Câu 25.** Sự kiện được xem là khởi đầu của “Chiến tranh lạnh” là

- A. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mỹ Rudoven.
- B. “Kế hoạch Mác-san” giúp Tây Âu phục hồi kinh tế.
- C. Thông điệp của Tổng thống Mỹ Truman tại Quốc hội Mỹ.

D. Mĩ lôi kéo 11 nước phương Tây thành lập khối quân sự NATO.

**Câu 26.** Học thuyết Truman tác động đến quan hệ quốc tế như thế nào?

- A. Tăng cường quan hệ đồng minh giữa Mĩ với phương Tây.
- B. Hình thành quan hệ chi phối giữa Mĩ với các nước phương Tây.
- C. Gây quan hệ căng thẳng giữa các nước phương Tây với Liên Xô.
- D. Gây quan hệ căng thẳng giữa Mĩ và phương Tây với Liên Xô và Đông Âu.

**Câu 27.** Kế hoạch Mác-san (6/1947) của Mĩ đề ra nhằm thực hiện mục tiêu

- A. Mĩ muốn giúp Tây Âu khôi phục kinh tế để Tây Âu lệ thuộc vào Mĩ.
- B. Mĩ muốn hạn chế sự phát triển của các nước Tây Âu.
- C. Mĩ muốn thể hiện sức mạnh kinh tế của mình.
- D. Mĩ muốn cho Tây Âu vay để lấy lãi.

**Câu 28.** Việc Mĩ triển khai “Kế hoạch Mác-san” có tác động đến quan hệ quốc tế ở châu Âu như thế nào?

- A. Tạo sự đối lập về quân sự giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô và Đông Âu.
- B. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Tây Âu với Đông Âu.
- C. Tạo sự liên kết kinh tế giữa Mĩ và Tây Âu với Đông Âu.
- D. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô.

**Câu 29.** Liên minh quân sự lớn nhất của các nước TBCN phương Tây do Mĩ cầm đầu là

- A. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- B. Tổ chức Hiệp ước Vác-sava.
- C. Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á (SEATO).
- D. Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 30.** Một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ khi bước vào thế kỉ XXI là

- A. chủ nghĩa khủng bố.
- B. sự lớn mạnh của Nga.
- C. sự lớn mạnh của Trung Quốc.
- D. sự lớn mạnh của cách mạng thế giới.

## BÀI 7. TÂY ÂU

**Câu 1:** Các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế trong hoàn cảnh nào?

- A. Chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. Thu nhiều lợi nhuận nhờ chiến tranh thế giới thứ hai.
- C. Nền kinh tế được các nước Đồng minh giúp đỡ.
- D. Có nhiều thay đổi về kinh tế chính trị.

**Câu 2:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Tây Âu và Nhật Bản có gì khác biệt trong quan hệ với Mĩ?

- A. Tây Âu và Nhật luôn quan hệ chặt chẽ và là đồng minh của Mĩ.
- B. Nhật liên kết chặt chẽ với Mĩ, Tây Âu tìm cách thoát dần khỏi sự ảnh hưởng của Mĩ.
- C. Tây Âu liên kết chặt chẽ với Mĩ, Nhật tìm cách thoát dần khỏi sự ảnh hưởng của Mĩ.
- D. Tây Âu và Nhật liên kết với Mĩ chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 3:** Các nước Tây Âu thực hiện chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1973 là vì

- A. nhận viện trợ về kinh tế của Mĩ và đối trọng với các nước XHCN.
- B. nhận viện trợ của Mĩ nên lệ thuộc vào Mĩ.
- C. có mục tiêu chung là chống Liên Xô và các nước XHCN.
- D. tận dụng sức mạnh của kinh tế Mĩ để phục hồi nền kinh tế của mình.

**Câu 4:** Thành tựu lớn nhất của Tây Âu từ năm 1950 đến 1973 là

- A. phục hồi và phát triển mạnh mẽ kinh tế, chính trị, xã hội.
- B. trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.
- C. là trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới vượt Mĩ, Nhật.
- D. khoa học kĩ thuật phát triển mạnh mẽ, tái chiếm hệ thống thuộc địa.

**Câu 5:** Sự kiện nào mở đầu cho quan hệ hợp tác giữa các nước Châu Âu đi?

- A. Tháng 11-1972, CHDC Đức và CHLB Đức kí hiệp định về cơ sở quan hệ giữa hai nước.
- B. Năm 1975, các nước châu Âu, Mỹ, Canada kí định ước Henxinki.
- C. Tháng 11-1989, bức tường Bec-lin bị phá bỏ.
- D. Tháng 10-1990, nước Đức thống nhất.

**Câu 6:** Từ năm 1945 đến năm 1950, với sự viện trợ của Mỹ, Tây Âu đã

- A. cơ bản ổn định và phục hồi mọi mặt.
- B. nhanh chóng vươn lên trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới.
- C. càng khủng hoảng, suy yếu.
- D. vươn lên sánh ngang cùng Mỹ và Nhật Bản.

**Câu 7:** Khối quân sự NATO do Mỹ thành lập năm 1949 nhằm mục đích

- A. chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.
- C. chống Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.
- D. chống các nước XHCN và lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 8:** Tại sao Liên minh châu Âu là tổ chức kinh tế chính trị lớn nhất thế giới hiện nay?

- A. Thành lập được Nghị viện châu Âu với sự tham dự của các thành viên.
- B. Sử dụng đồng tiền chung EURO ở nhiều nước thành viên.
- C. Chiếm ¼ GDP của thế giới có trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến.
- D. Có dân số đông nhất và có lực lượng lao động có trình độ cao.

**Câu 9:** Từ năm 1945 đến năm 1950 tình hình kinh tế, chính trị Tây Âu có gì nổi bật?

- A. Kinh tế bị tàn phá do ảnh hưởng của chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. Giai cấp tư sản củng cố chính quyền, phục hồi nền kinh tế.
- C. Phục hồi nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh.
- D. Giai cấp tư sản đàn áp phong trào cách mạng trong nước.

**Câu 10:** Chính sách đối ngoại của Tây Âu trong những năm 1950-1973 so với những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai có gì khác biệt?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. Quan hệ rộng rãi với nhiều nước.
- C. Ủng hộ Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam và tái chiếm thuộc địa cũ.
- D. Một số nước vẫn tiếp tục liên minh với Mỹ, nhiều nước cố gắng đa dạng hóa đang phương hóa trong quan hệ với bên ngoài.

**Câu 11:** Trong những năm 1950-1973, nhiều nước Tây Âu vẫn tiếp tục liên minh với Mỹ, mặt khác

- A. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. mở rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.
- C. đa dạng hóa đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại.
- D. Tập trung phát triển quan hệ hợp tác với Mỹ la-tinh.

**Câu 12:** Một trong những yếu tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh lạnh là

- A. tư bản tài chính xuất hiện và chi phối nền kinh tế thế giới.
- B. các trung tâm kinh tế tài chính Tây Âu và Nhật Bản ra đời.
- C. sự xuất hiện của các cường quốc và Liên minh châu Âu (EU).
- D. sự xuất hiện và ngày càng mở rộng của các công ty độc quyền.

**Câu 13:** Liên minh châu Âu (EU) không chỉ là liên kết kinh tế, tiền tệ mà còn liên kết trên lĩnh vực

- A. chính trị và an ninh chung.
- B. chính trị, đối ngoại và an ninh chung.
- C. đối ngoại và an ninh.
- D. chính trị và đối ngoại.

**Câu 14:** Các nước Tây Âu liên kết trên cơ sở nào?

- A. Chung ngôn ngữ, đều nằm phía Tây châu Âu.



- B. Chung nền văn hóa, trình độ phát triển khoa học-kĩ thuật.
- C. Tương đồng về văn hóa, trình độ phát triển, trình độ khoa học-kĩ thuật.
- D. Tương đồng về ngôn ngữ.

**Câu 15:** Việc sử dụng đồng tiền chung EURO có tác dụng

- A. thống nhất tiền tệ, thúc đẩy kinh tế phát triển.
- B. thuận lợi trong trao đổi mua bán.
- C. thống nhất tài chính giữa các nước.
- D. thống nhất thuế quan, phát triển kinh tế.

**Câu 16:** Điểm nổi bật chính sách đối ngoại Liên minh châu Âu sau chiến tranh lạnh là

- A. mở rộng hợp tác các nước trên thế giới.
- B. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- C. liên minh chặt chẽ với Nga.
- D. liên minh chặt chẽ với Nhật.

**Câu 17:** Kinh tế Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu giai đoạn 1973-1991 có điểm tương đồng nào?

- A. Tăng trưởng nhanh chóng, trở thành ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.
- B. Bị các nước Liên Xô, Trung Quốc vươn lên cạnh tranh gay gắt.
- C. Bị suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng nhưng vẫn đứng vị trí dẫn đầu thế giới.
- D. Cùng phát triển thần kì và trở thành đối trọng với các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 18:** Khó khăn lớn nhất trong quá trình phát triển kinh tế Tây Âu giai đoạn 1973-1991 là

- A. tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới.
- B. lâm vào khủng hoảng suy thoái.
- C. quá trình “liên hợp hóa” gặp nhiều trở ngại.
- D. cạnh tranh của Mỹ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới.

**Câu 19:** Nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế Nhật, Tây Âu, Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tận dụng tốt cơ hội bên ngoài để phát triển kinh tế.
- B. sử dụng nguồn viện trợ để phát triển kinh tế.
- C. áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật để phát triển kinh tế.
- D. vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước.

**Câu 20:** Sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của Tây Âu những năm 1950-1973 so với những năm đầu sau chiến tranh lạnh là

- A. chịu sự chi phối và ảnh hưởng sâu sắc của Mỹ.
- B. một số quốc gia đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ với nước ngoài.
- C. tất cả các nước đều đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.
- D. ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 21.** Mỹ viện trợ cho các nước Tây Âu thông qua Kế hoạch Mácsan (1947) nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Lôi kéo đồng minh để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.
- B. Lôi kéo đồng minh để củng cố trật tự thế giới “một cực”.
- C. Thúc đẩy tiến trình hình thành của Liên minh châu Âu.
- D. Giúp các nước Tây Âu phát triển kinh tế để cạnh tranh với Trung Quốc.

**Câu 22.** Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã trở thành

- A. trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới.
- B. nền kinh tế thứ hai của thế giới, cạnh tranh với Mỹ và Nhật,
- C. một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
- D. một trung tâm và là một cực của thế giới đa cực.

**Câu 23.** Điểm nổi bật nhất trong sự liên kết các nước Tây Âu ở nửa sau thập niên 60 của thế kỉ XX là

- A. liên kết kinh tế, chính trị, an ninh chung.
- B. xuất hiện các liên kết quân sự với Mỹ và phương Tây.
- C. xuất hiện các liên kết kinh tế trong khuôn khổ Tây Âu.
- D. sự hợp tác có hiệu quả trong Cộng đồng châu Âu (EC).



- A. Hiến pháp mới của Nhật Bản ban hành (1946).
- B. Hiệp ước Hòa bình Xan phranxixco(1951).
- C. học thuyết Phu-cư-đa ( 1977).
- D. Hiệp ước an ninh Mĩ- Nhật (1951).

**Câu 14:** Trong giai đoạn 1952-1953, Nhật coi trọng giáo dục và phát triển khoa học kỹ thuật, luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách

- A. đầu tư cho nghiên cứu khoa học 6 tỉ USD.
- B. mua nhiều bằng phát minh sáng chế.
- C. tập trung trong lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng.
- D. xây dựng nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học.

**Câu 15:** Nền tảng xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai

- A. liên minh chặt chẽ với châu Á với khẩu hiệu “châu Á của người châu Á”.
- B. xây dựng một xã hội độc lập, tự do và phát triển kinh tế làm nền tảng.
- C. tập trung đa dạng hóa quan hệ quốc tế.
- D. liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**Câu 16:** Biểu hiện rõ nhất sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản từ những năm 1960 đến 1973 là

- A. tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.
- B. vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản.
- C. thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới.
- D. trở thành siêu cường tài chính số một.

**Câu 17:** Để đẩy nhanh sự phát triển đất nước, Nhật Bản coi trọng yếu tố nào?

- A. Đầu tư ra nước ngoài.
- B. Thu hút vốn đầu tư bên ngoài.
- C. Mua các phát minh sáng chế.
- D. Giáo dục và khoa học kỹ thuật.

**Câu 18:** Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã

- A. trở thành siêu cường tài chính số một, là chủ nợ lớn nhất thế giới.
- B. nền kinh tế đứng đầu châu Á và chủ nợ đứng hai thế giới sau Mĩ.
- C. trở thành nền kinh tế đứng thứ hai thế giới tư bản sau Mĩ.
- D. trở thành trung tâm kinh tế tài chính đứng thứ hai thế giới tư bản sau Mĩ.

**Câu 19:** Yếu tố bên ngoài tạo điều kiện cho kinh tế Nhật Bản phát triển là

- A. nguồn tài nguyên phong phú và công nhân giá rẻ.
- B. áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất.
- C. được Mĩ bảo trợ về an ninh, chi phí cho quốc phòng thấp.
- D. sự viện trợ của Mĩ, chiến tranh ở Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam.

**Câu 20:** Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản chi phí cho quốc phòng thấp?

- A. Được Mĩ bảo hộ.
- B. Tập trung cho kinh tế.
- C. Nhật thực hiện chính sách trung lập.
- D. Nhật chú trọng xây dựng nền hòa bình thế giới.

**Câu 21:** Từ nửa sau những năm 70 thế kỉ XX, Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại trở về châu Á dựa trên cơ sở nào?

- A. Nền kinh tế đứng đầu thế giới.
- B. Tiềm lực kinh tế tài chính hùng hậu.
- C. Lực lượng quân đội phát triển nhanh.
- D. Mĩ bắt đầu bảo trợ về hạt nhân.

**Câu 22:** Năm 1956, cùng với việc bình thường hoá quan hệ với Liên Xô, Nhật Bản tham gia

- A. Liên minh Mĩ - Nhật.
- B. Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO).
- C. Liên minh châu Âu (EU).
- D. Liên hợp quốc.

**Câu 23:** Năm 1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với

- A. Liên Xô.
- B. Việt Nam.
- C. Trung Quốc.
- D. Triều Tiên.

**Câu 24:** Những sự kiện thể hiện sự “trở về” châu Á của Nhật Bản là

- A. kí Hiệp ước hoà bình và hữu nghị Nhật - Trung.

- B. đưa ra học thuyết Phucurđa và học thuyết Kaiphu.
- C. đưa ra học thuyết Miyadaoa và học thuyết Hasimôtô.
- D. kí Hiệp định thương mại tự do với ASEAN.

**Câu 25:** Nội dung chủ yếu của học thuyết Phucurđa và học thuyết Kaiphu là

- A. tăng cường các mối quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.
- B. coi trọng quan hệ với Mỹ và mở rộng quan hệ đối ngoại với Mỹ trên phạm vi toàn cầu.
- C. tăng cường quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với Mỹ và Tây Âu.
- D. tăng cường quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với Trung Quốc.

**Câu 26:** Trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, Nhật Bản tập trung vào lĩnh vực sản xuất phục vụ

- A. nhu cầu quân sự.
- B. nghiên cứu vũ trụ.
- C. nhu cầu sản xuất.
- D. nhu cầu dân dụng.

## BÀI 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

**Câu 1:** Nguyên nhân chính nào dẫn đến chiến tranh lạnh?

- A. Do mâu thuẫn giữa hai hệ thống xã hội TBCN và XHCN.
- B. Do sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Do sự đối lập về mục tiêu chiến lược của Liên Xô và Mỹ.
- D. Do sự phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 2:** Sự kiện nào đánh dấu sự xác lập cục diện hai phe, hai cực trên thế giới?

- A. Chủ nghĩa xã hội hình thành ở Trung Quốc.
- B. Sự ra đời của NATO và tổ chức Hiệp ước Vacsava.
- C. Thông điệp của tổng thống Truman tại quốc hội Mỹ 12-3-1947.
- D. Kế hoạch Macsan năm 1947 của Mỹ viện trợ cho Tây Âu.

**Câu 3:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến Mỹ, Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh là

- A. nền kinh tế hai nước đều lâm vào khủng hoảng.
- B. sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước trên nhiều mặt.
- C. phạm vi ảnh hưởng của Mỹ bị mất, Liên Xô bị thu hẹp.
- D. trật tự hai cực Ianta xói mòn và sụp đổ.

**Câu 4:** Sự kiện nào mở đầu cho xu thế hòa hoãn Đông – Tây?

- A. Hai nước CHDC Đức và CHLB Đức kí hiệp định năm 1972.
- B. Mỹ và Liên Xô kí hiệp ước về hạn chế vũ khí tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Định ước Hen-xin-ki được các nước Mỹ, Canada, các nước Châu Âu năm 1975.
- D. Các cuộc gặp gỡ thương lượng Xô – Mỹ đầu những năm 70 thế kỉ XX.

**Câu 5:** Bản chất quan hệ quốc tế trong chiến tranh lạnh là (chủ yếu quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô)

- A. đối đầu căng thẳng.
- B. hợp tác hữu nghị.
- C. đối thoại hợp tác.
- D. liên minh chặt chẽ.

**Câu 6:** Sau chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào lĩnh vực nào?

- A. Phát triển kinh tế để xây dựng quốc gia.
- B. Phát triển khoa học – công nghệ.
- C. Phát triển công nghiệp quốc phòng.
- D. Phát triển quan hệ với nhiều nước.

**Câu 7:** Tổ chức quân sự NATO do Mỹ cầm đầu là nhằm

- A. khống chế chi phối các nước đồng minh.
- B. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
- C. đàn áp phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- D. thực hiện chiến lược toàn cầu.

**Câu 8:** Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mỹ.
- B. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman.
- C. Diễn văn của ngoại trưởng Mĩ Macsan.
- D. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mĩ Rudoven.

**Câu 9:** Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện nào?

- A. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.
- B. Định ước Henxinki năm 1975.
- C. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goochbachốp tại đảo Manta (12/1989)
- D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991 )

**Câu 10.** Tổ chức nào sau đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây.

- A. Vacsava.
- B. ASEAN.
- C. NATO.
- D. EU.

**Câu 11.** Dựa trên cơ sở nào để giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh của 33 nước Châu Âu, Mĩ và Canada là

- A. Định ước Henxinkin.
- B. Hiến chương Liên hợp quốc.
- C. Nguyên tắc hoạt động của Liên minh châu Âu (EU).
- D. Nguyên tắc hoạt động của ASEAN.

**Câu 12:** Việc kí hiệp định cơ sở quan hệ giữa đông Đức và tây Đức có ý nghĩa như thế nào?

- A. Chấm dứt tình trạng chiến tranh lạnh ở châu Âu.
- B. Làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng.
- C. Đánh dấu sự tái thống nhất nước Đức.
- D. Chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai phe ở châu Âu.

**Câu 13:** Hậu quả nghiêm trọng nhất của chiến tranh lạnh đối với thế giới là

- A. các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí.
- B. nhiều căn cứ quân sự được thiết lập ở khắp nơi.
- C. thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng.
- D. chiến tranh cục bộ đã xảy ra một số nơi.

**Câu 14:** Nhân tố chi phối quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX?

- A. Sự cạnh tranh quyết liệt thị trường và thuộc địa giữa các nước tư bản.
- B. Xu thế liên minh kinh tế và khu vực.
- C. Trật tự thế giới hai cực Ianta.
- D. Sự phát triển của khoa học và kĩ thuật.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là xu thế của thế giới sau chiến tranh lạnh chấm dứt đến năm 2000?

- A. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.
- B. Trật tự thế giới mới hình thành theo xu hướng đa cực.
- C. Hòa bình thế giới được củng cố nhưng nhiều nơi nhiều khu vực không ổn định.
- D. Các nước đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

**Câu 16:** Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh **không** xuất phát từ

- A. cả hai nước đều gặp khó khăn do tác động của PTGPDT.
- B. cả hai nước cần thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.
- C. sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước so với các cường quốc khác.
- D. sự suy thoái về kinh tế do chạy đua vũ trang.

**Câu 17:** Nhận định chung về quan hệ quốc tế nửa sau thế kỉ XX là

- A. mở rộng và đa dạng.
- B. liên minh khu vực.
- C. toàn cầu hóa.
- D. thỏa hiệp, tránh xung đột.

**Câu 18:** Nội dung nào sau đây **không** phải là tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Dẫn đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trên thế giới.

- B. Sau khi độc lập các nước tích cực tham gia vào đời sống chính trị thế giới.
- C. Dẫn đến tình trạng đối đầu giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa.
- D. Góp phần làm xói mòn trật tự thế giới hai cực Ianta.

**Câu 19:** Những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô, Mỹ đạt được những thỏa thuận nào sau đây?

- A. Ngừng chế tạo bom nguyên tử.
- B. Thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu.
- D. Thủ tiêu chủ nghĩa thực dân mới.

**Câu 20:** Trong những năm 1947-1991, sự kiện nào tạo ra cơ chế giải quyết liên quan đến hòa bình an ninh châu Âu.

- A. Mỹ Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.
- B. Định ước Hexinki được kí giữa Mỹ Canada châu Âu.
- C. Liên Xô - Mỹ kí hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.
- D. Hiệp định về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

**Câu 21:** Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácava là hệ quả trực tiếp của

- A. các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới.
- B. cuộc chiến tranh lạnh do Mỹ phát động.
- C. xung đột vũ trang giữa Đông Âu và Tây Âu.
- D. chiến lược ngăn đe thực tế của Mỹ.

**Câu 22:** Trong thời kì chiến tranh lạnh, quốc gia nào là tâm điểm đối đầu hai cực Xô - Mỹ?

- A. Đức.
- B. Pháp.
- C. Anh.
- D. Hi Lạp.

**Câu 23:** Hiệp định về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972) và Định ước Hexinki (1975) đều chủ trương

- A. Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu và cắt giảm vũ khí chiến lược.
- B. giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. tiến hành thúc đẩy hợp tác kinh tế chính trị và quốc phòng.
- D. giải thể các tổ chức quân sự của Mỹ và Liên Xô tại châu Âu.

**Câu 24.** Việc kí kết Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông và Tây Đức (1972) và Định ước Henxinki (1975) đều có tác động nào sau đây?

- A. Dẫn đến sự ra đời của Cộng đồng châu Âu (EC).
- B. Làm xuất hiện xu thế liên kết khu vực ở châu Âu.
- C. Chấm dứt tình trạng cạnh tranh giữa các cường quốc ở châu Âu.
- D. Tạo điều kiện giải quyết hòa bình các tranh chấp ở châu Âu.

**Câu 25.** Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới?

- A. Liên Xô.
- B. Trung Quốc.
- C. Italia.
- D. Mỹ.

**Câu 26.** Năm 1949, sản lượng nông nghiệp của nước nào bằng hai lần tổng sản lượng nông nghiệp của các nước Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia, Nhật Bản?

- A. Hà Lan.
- B. Trung Quốc.
- C. Mỹ.
- D. Tây Ban Nha.

**Câu 27:** Để tạo môi trường quốc tế thuận lợi, các nước lớn đã điều chỉnh mối quan hệ theo chiều hướng

- A. tham gia vào các tổ chức liên kết khu vực.
- B. thành lập liên minh quốc tế chống chủ nghĩa khủng bố.
- C. đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột.
- D. đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ.

**Câu 28:** Việc Mỹ triển khai “Kế hoạch Mácsan” có tác động đến quan hệ quốc tế ở châu Âu như thế nào?

- A. Tạo sự đối lập về quân sự giữa Mỹ và Tây Âu với Liên Xô và Đông Âu.
- B. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Tây Âu với Đông Âu.
- C. Tạo sự liên kết kinh tế giữa Mỹ và Tây Âu với Đông Âu.
- D. Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Mỹ và Tây Âu với Liên Xô.

## BÀI 10. CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

**Câu 1:** Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đã và đang đưa loài người chuyển sang thời đại văn minh

- A. thương mại.    B. công nghiệp.    C. dịch vụ.    D. trí tuệ.

**Câu 2:** Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.  
B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.  
C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.  
D. mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

**Câu 3:** Việt Nam có thời cơ thuận lợi gì trong xu thế hòa bình, ổn định hợp tác phát triển?

- A. Ứng dụng thành tựu KH-KT vào sản xuất.  
B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và công nghệ.  
C. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng thành tựu KH-KT.  
D. Có được thị trường lớn để xuất khẩu và đầu tư.

**Câu 4:** Khi dân số bùng nổ, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nhân loại đang cần đến những yếu tố nào?

- A. Công cụ sản xuất mới.    B. Nguyên liệu tái tạo.  
C. Nguồn năng lượng mới, vật liệu mới.    D. Năng lượng mới.

**Câu 5:** Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của

- A. sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế.    B. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.  
C. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.    D. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

**Câu 6:** Nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật bắt đầu từ

- A. giải quyết vấn đề bùng nổ dân số và ô nhiễm môi trường.  
B. giải quyết những đòi hỏi của sản xuất.  
C. đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và sản xuất.  
D. đáp ứng nhu cầu vật chất của con người.

**Câu 7:** Đây là hạn chế cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần 2?

- A. Nạn khủng bố gây nên tình trạng căng thẳng.  
B. Đặt con người trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh mới.  
C. Tình trạng ô nhiễm môi trường, việc chế tạo những vũ khí hủy diệt.  
D. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

**Câu 8:** Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc cách mạng KH-KT và công nghệ ngày nay so với cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX là mọi phát minh kỹ thuật

- A. dựa trên các ngành khoa học cơ bản.    B. dựa trên các nghiên cứu khoa học.  
C. dựa trên các nghiên cứu thực tiễn.    D. bắt nguồn từ ngành công nghiệp chế tạo.

**Câu 9:** Tại sao nói hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển là thời cơ đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI?

- A. Tạo môi trường hòa bình để các dân tộc phát triển và cơ hội để giao lưu hợp tác.  
B. Không bị chiến tranh đe dọa có điều kiện phát triển đất nước.  
C. Có điều kiện thuận lợi về chính trị để phát triển kinh tế.  
D. Có điều kiện để tăng cường giao lưu giữa các quốc gia và khu vực.

**Câu 10:** Thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là gì

- A. Sự chênh lệch về trình độ dân trí khi tham gia hội nhập.  
B. Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.  
C. Quản lí sử dụng chưa có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.  
D. Sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường thế giới.

**Câu 11:** Bản chất của toàn cầu hóa là

- A. sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau, phụ thuộc nhau của các khu vực, quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- C. tác động qua lại lẫn nhau, phụ thuộc nhau của các khu vực, quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- D. sự lệ thuộc vào thị trường thế giới của tất cả các quốc gia.

**Câu 12:** Điều **không** phải là biểu hiện của quá trình toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- C. Sự phát triển của khoa học và công nghệ.
- D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

**Câu 13:** Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia là 1 trong những biểu hiện của

- A. hợp tác và đấu tranh.
- B. toàn cầu hóa.
- C. hòa hoãn tạm thời.
- D. đa phương hóa.

**Câu 14:** Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, thực tế không thể đảo ngược?

- A. Kết quả của việc thu hút nguồn lực bên ngoài của các nước đang phát triển.
- B. Các nước tư bản tăng cường đầu tư vốn ra thị trường.
- C. Các cường quốc đẩy mạnh liên kết khu vực và toàn cầu.
- D. Kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.

**Câu 15:** Trước thách thức của toàn cầu hóa, Việt Nam cần làm gì để tận dụng thời cơ và hạn chế thách thức?

- A. Đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học – công nghệ.
- B. Đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học – công nghệ và tận dụng nguồn vốn.
- C. Đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học – công nghệ, xây dựng nền văn hóa tiên tiến.
- D. Tiếp thu thành tựu KH-CN, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, giữ vững chủ quyền.

**Câu 16:** Những năm 70 của thế kỉ XX, cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của

- A. cách mạng KH-KT hiện đại.
- B. cách mạng công nghiệp.
- C. cách mạng thông tin.
- D. cách mạng KH-KT lần thứ nhất.

**Câu 17:** Một trong những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa là

- A. nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- B. hạn chế sự chuyển biến cơ cấu kinh tế.
- C. kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất.
- D. hạn chế tăng trưởng kinh tế.

**Câu 18:** Một trong những hệ quả tích cực của toàn cầu hóa là

- A. giải quyết triệt để những bất công xã hội.
- B. thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất.
- C. giải quyết căn bản sự phân hóa giàu-nghèo.
- D. giúp giữ nguyên cơ cấu kinh tế.

**Câu 19:** Yếu tố tác động đến xu thế liên kết kinh tế trên thế giới nửa sau thế kỉ XX là sự

- A. xuất hiện và phát triển của các công ty độc quyền.
- B. hình thành các trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.
- C. phát triển của cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại.
- D. xuất hiện và chi phối nền kinh tế thế giới của tư bản tài chính.

**Câu 20:** Tác dụng quan trọng của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại là

- A. tạo ra lượng hàng hóa khổng lồ.
- B. đem lại sự tăng trưởng cao về kinh tế.
- C. giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng.
- D. thay đổi cơ bản nhân tố sản xuất.

**Câu 21:**

**Câu 22:**

## **BÀI 11: TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

**Câu 1:** Đặc trưng của trật tự hai cực Ianta là



A. thế giới chia thành hai phe.

B. cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển.

C. Mĩ đứng đầu thế giới.

D. quan hệ đối đầu giữa các cường quốc.

**Câu 2:** Sự kiện nào đánh dấu CNXH trở thành hệ thống ?

A. Cách mạng Trung Quốc thành công.

B. Cách mạng Cuba thành công.

C. Cách mạng Việt Nam thành công.

D. Cách mạng dân chủ nhân dân Đông Âu thành công.

**Câu 3:** Tồn thất to lớn của phong trào cộng sản quốc tế sau chiến tranh lạnh là

A. hệ thống thuộc địa bị tan rã.

B. CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

C. trật tự hai cực Ianta sụp đổ.

D. chiến tranh lạnh chấm dứt.

**Câu 4:** Thất bại nặng nề của Mĩ trong chiến lược toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. Cách mạng Cuba thành công (1959).

B. khi chiến tranh lạnh chấm dứt (1989).

C. trong cuộc chiến xâm lược Việt Nam (1954-1975).

D. trong cuộc chiến tranh Triều Tiên (1953).

**Câu 5:** Dưới tác động của cách mạng khoa học-kỹ thuật, các nước tư bản có xu hướng

A. liên kết kinh tế khu vực.

B. cải cách kinh tế, chính trị.

C. ứng dụng khoa học kỹ thuật.

D. xu thế toàn cầu hóa.

**Câu 6:** Sau chiến tranh lạnh chấm dứt, quan hệ giữa các cường quốc chủ yếu là

A. đối đầu, căng thẳng.

B. xung đột lợi ích.

C. hợp tác cùng có lợi.

D. đối thoại, thỏa hiệp.

**Câu 7:** Sự phát triển của khoa học – kỹ thuật đặt ra cho các quốc gia vấn đề gì để phát triển ?

A. Cần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

B. Mở cửa, cải cách kinh tế.

C. Chấp nhận toàn cầu hóa.

D. Tăng cường khai thác tài nguyên.

**Câu 8:** Sau chiến tranh lạnh các quốc gia điều chỉnh chiến lược

A. lấy quốc phòng làm trọng tâm.

B. phát triển kinh tế làm trọng tâm.

C. cải cách đất nước giữ gìn hòa bình.

D. đầu tư khoa học kỹ thuật.

**Câu 9:** Xu thế chủ đạo của thế giới sau chiến tranh lạnh là

A. khủng bố nhiều nơi.

B. xung đột sắc tộc, tôn giáo.

C. hòa bình và ổn định.

D. do Mĩ chi phối.

**Câu 10:** Từ thập kỉ 90 thế kỉ XX, thế giới đang chứng kiến

A. xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

B. thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng.

C. cách mạng KH-KT đạt nhiều thành tựu.

D. chiến tranh xảy ra nhiều nơi.

**Câu 11:** Trong giai đoạn sau chiến tranh lạnh (1991-2000), các cường quốc điều chỉnh quan hệ theo xu hướng hòa dịu, đối thoại, tránh xung đột trực tiếp chủ yếu vì

A. muốn có điều kiện thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.

B. các tổ chức chính trị tăng cường can thiệp vào quan hệ quốc tế.

C. tác động tích cực của các tập đoàn tư bản đối với nền chính trị.

D. hoạt động hiệu quả của các liên kết thương mại quốc tế.

**Câu 12:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bản đồ chính trị thế giới thay đổi to lớn và sâu sắc chủ yếu là do

A. các cuộc chiến tranh cục bộ bùng nổ khắp nơi.

B. thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.

C. sự ra đời của hai khối quân sự đối lập.

D. Mĩ thành công trong chiến lược toàn cầu.

**Câu 13:** Một trong những yếu tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới giai đoạn sau chiến tranh lạnh

A. sự phát triển của các lực lượng hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

B. sự xuất hiện ngày càng mở rộng của các công ty độc quyền.

C. sự xuất hiện chi phối nền kinh tế thế giới của tư bản tài chính.

D. các nước thực hiện chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

**Câu 14:** Chiến tranh lạnh đã kết thúc

- A. giúp các nước Đông Dương thoát khỏi sự ảnh hưởng của Liên xô và Mĩ.
- B. tạo điều kiện để Đông Dương hội nhập quốc tế.
- C. giúp các nước Đông Dương thoát khỏi sự lệ thuộc vào viện trợ nước ngoài.
- D. thúc đẩy xu thế đối thoại, hợp tác giữa Đông Dương với các nước khác.

**Câu 15:** Vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt hai miền Nam- Bắc Việt Nam là quyết định của

- A. Hội nghị Pốttxđam.
- B. Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương.
- C. Hội nghị Pari về Việt Nam.
- D. Hội nghị Ian-ta.

**Câu 16:** Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, chính quyền Mĩ đã theo đuổi đường lối nào trong quan hệ quốc tế?

- A. Trở thành siêu cường trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.
- B. Tìm cách vươn lên thế “một cực”.
- C. Thiết lập quan hệ đa cực, Mĩ giữ vai trò trung tâm.
- D. Mĩ từ bỏ tham vọng bá chủ thế giới.

**Câu 17:** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh quan hệ quốc tế thời kì chiến tranh lạnh?

- A. Tình trạng đối đầu căng thẳng giữa Liên Xô và Mĩ.
- B. Chiến tranh cục bộ xảy ra nhiều nơi trên thế giới.
- C. Trật tự hai cực Ianta từng bước bị xói mòn.
- D. Các cường quốc tránh xung đột, thỏa hiệp.

**Câu 18:** Chiến tranh lạnh chấm dứt dẫn đến hệ quả nào?

- A. Mĩ từ bỏ âm mưu chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Một cực Liên Xô sụp đổ, trật tự hai cực Ianta tan rã.
- C. Vị thế của Mĩ, Liên Xô suy giảm nghiêm trọng.
- D. Các tổ chức quân sự NATO, Vacsava giải thể.

**Câu 19:** Đặc điểm lớn nhất bao trùm lịch sử thế giới từ sau năm 1945 là

- A. các cuộc chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo...liên tiếp xảy ra nhiều nơi.
- B. cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật đạt nhiều thành tựu to lớn.
- C. hình thành ba trung tâm kinh tế tài chính lớn: Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản.
- D. thế giới hình thành hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 20:** Để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đã và đang

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- B. nhanh chóng ứng dụng các thành tựu khoa học vào trong sản xuất.
- C. tranh thủ tận dụng các nguồn vốn và kĩ thuật của bên ngoài.
- D. nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển.

**Câu 21:** Trong thập niên 90 của thế kỉ XX, các cuộc xung đột quân sự xảy ra ở bán đảo Ban căng và một số nước châu Phi là một trong những

- A. di chứng của cuộc chiến tranh lạnh.
- B. biểu hiện mâu thuẫn mới trong trật tự hai cực Ian ta.
- C. biểu hiện sự trỗi dậy của các thế lực mới trong trật tự đa cực.
- D. thành công của Mĩ trong thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

## II. ĐÁP ÁN PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1945-2000

### BÀI 1:

1-C	2-C	3-B	4-D	5-A	6-C	7-D	8-B	9-A	10-B	11-D
12-C	13-B	14-C	15-B	16-B	17-C	18-D	19-B	20-B	21-D	22-A
23-B	24-C	25-D	26-D	27-C	28-A	29-C	30-C	31-B	32-B	33-A
34-B	35-B	36-D	37D	38A						

### BÀI 2

1-D	2-A	3-B	4-A	5-A	6-B	7-A	8-A	9-D	10-A	11-C
12-D	13-B	14-C	15-B	16-D	17-B	18-A	19-D	20-C	21-D	22-D
23-D	24-A	25-D	26-A	27-D	28-A	29-B	30-B	31-D		

### BÀI 3:

1-C	2-D	3-B	4-C	5-C	6-A	7-B	8-C	9-C	10-C	11-A
12D	13-D	14-A	15-A	16-C	17-B	18-	19-	20-	21-	22-
23-	24-	25-	26-	27-	28-	29-	30-	31-	32-	33-
34-										

### BÀI 4

1-A	2-C	3-B	4-C	5-A	6-D	7-D	8-B	9-A	10-A	11-B
12-C	13-D	14-D	15-A	16-B	17-D	18-D	19-B	20-B	21-B	22-D
23-B	24-B	25-A	26-C	27-A	28-B	29-A	30-C	31-B	32-B	33-B
34-C	35-D	36B	37A	38B	39B	40B				

### BÀI 5

1-B	2-B	3-A	4-B	5-B	6-A	7-C	8-D	9-B	10-D	11-D
12-D	13-C	14-A	15-B	16-D	17-B	18-C	19-B	20-B	21-B	22-D
23-A	24-B	25D	26-	27-	28-	29-	30-	31-	32-	33-

### BÀI 6

1-C	2-B	3-D	4-B	5-A	6-C	7-C	8-C	9-A	10-B	11-C
12-B	13-B	14-A	15-A	16-D	17-D	18-B	19-C	20-D	21-C	22-A
23-A	24-B	25-C	26-D	27-A	28-D	29-A	30-A	31-	32-	33-

### BÀI 7

1-A	2-B	3-A	4-B	5-A	6-A	7-B	8-C	9-B	10-D	11-C
12-C	13-B	14-C	15-A	16-A	17-C	18-A	19-C	20-B	21-A	22-C
23D										

### BÀI 8

1-A	2-B	3-C	4-D	5-C	6-B	7-A	8-A	9-C	10-D	11-A
12-B	13-D	14-B	15-D	16-B	17-D	18-A	19-D	20-A	21-B	22-D
23-B	24-B	25-A	26-D							

### BÀI 9

1-C	2-B	3-B	4-D	5-A	6-A	7-B	8-B	9-C	10-C	11-A
12-B	13-C	14-C	15-A	16-A	17-A	18-C	19-C	20-B	21-B	22-A

23-B	24-D	25-A	26-C	27-C	28-B	29-	30-	31-	32-	33-
------	------	------	------	------	------	-----	-----	-----	-----	-----

### BÀI 10

1-D	2-B	3-C	4-C	5-B	6-C	7-C	8-B	9-A	10-D	11-B
12-C	13-B	14-D	15-D	16-A	17-A	18-B	19-C	20-D	21-	22-
23-	24-	25-	26-	27-	28-	29-	30-	31-	32-	33-

### BÀI 11

1-A	2-D	3-B	4-C	5-A	6-D	7-A	8-D	9-C	10-A	11-A
12-B	13-A	14-D	15-B	16-B	17-D	18-B	19-D	20-D	21-A	22-

## PHẦN II: LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919-2000

### BÀI 12. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919 ĐẾN 1925

**Câu 1:** Mục đích của Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ?

- A. Bù vào thiệt hại trong lần khai thác thứ nhất.
- B. Để bù đắp thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
- C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở VN.
- D. Tìm thị trường mới, nhân công rẻ.

**Câu 2:** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần II, Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

- A. Công nghiệp chế biến.
- B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.
- C. Nông nghiệp và thương nghiệp.
- D. Giao thông vận tải.

**Câu 3:** Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là gì?

- A. Vơ vét tài nguyên thiên nhiên các nước thuộc địa.
- B. Đầu tư vốn với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- C. Đầu tư hai ngành đồn điền, cao su và khai mỏ.
- D. Đầu tư vào ngành giao thông vận tải và ngân hàng.

**Câu 4:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam lực lượng xã hội nào mới ra đời?

- A. Giai cấp công nhân.
- B. Giai cấp tư sản.
- C. Giai cấp tiểu tư sản.
- D. Giai cấp địa chủ.

**Câu 5:** Dưới tác động của chương trình khai thác lần II nền kinh tế VN chuyển biến như thế nào?

- A. Nền kinh tế Việt Nam bước đầu phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.
- B. Nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu, phụ thuộc vào Pháp.
- C. Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp.
- D. Cơ cấu kinh tế mất cân đối, có chuyển biến nhưng nhìn chung vẫn lạc hậu.

**Câu 6:** Nội dung nào sau đây **không phải** là đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Bị tư sản đế quốc áp bức bóc lột nặng nề.
- B. Có quan hệ gắn bó với nông dân.
- C. Sớm chịu ảnh hưởng của cách mạng vô sản.
- D. Dần dần phân hóa thành hai bộ phận.

**Câu 7:** Lực lượng nào là động lực của Phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam?

- A. Công nhân, nông dân.
- B. Nông dân, trí thức.
- C. Tiểu tư sản, công nhân.
- D. Tư sản dân tộc.

**Câu 8:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?

- A. Công nhân
- B. Nông dân
- C. Tiểu tư sản
- D. Tư sản dân tộc

**Câu 9:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

- A. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và tư sản.
- B. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân VN với thực dân Pháp và phản động tay sai
- D. Mâu thuẫn giữa địa chủ và tư sản.

**Câu 10:** Những chuyển biến kinh tế xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất 1897-1914 của thực dân pháp đã

- A. tạo điều kiện cho sự hình thành khuynh hướng cứu nước mới.
- B. thúc đẩy phong trào công nhân bước đầu chuyển sang tự giác.
- C. làm cho tầng lớp tư sản Việt Nam trở thành giai cấp.
- D. giúp các sĩ phu phong kiến chuyển sang lập trường tư sản.

**Câu 11:** Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ở Việt Nam ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam ?

- A. Giai cấp nông dân.
- B. Giai cấp công nhân.
- C. Giai cấp địa chủ phong kiến.
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

**Câu 12:** Sự kiện nào đánh dấu sự chuyển biến nhận thức Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước thành chiến sĩ cộng sản?

- A. Đưa yêu sách đến hội nghị Vecxai ở Pháp năm 1919.
- B. Nguyễn Ái quốc đọc được luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp.
- D. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari.

**Câu 13:** Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Đưa yêu sách đến hội nghị Vecxai năm 1919.
- B. Nguyễn Ái quốc đọc được luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp.
- D. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari.

**Câu 14:** Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III?

- A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.
- B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp.
- C. Quốc tế này đề ra đường lối cho Cách mạng VN.
- D. Quốc tế này chủ trương thành lập mặt trận giải phóng dân tộc Việt Nam.

**Câu 15:** Bản Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định điều gì?

- A. Nguyên nhân thực dân Pháp đến xâm lược Việt Nam.
- B. Nguyên nhân thất bại của các phong trào đấu tranh ở Việt Nam.
- C. Con đường giành độc lập và tự do của nhân dân Việt Nam.
- D. Con đường để đánh đuổi Pháp – Nhật.

**Câu 16:** Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 có tác dụng

- A. chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.
- B. chuẩn bị lí luận cho cách mạng Việt Nam.
- C. tìm ra con đường giải phóng dân tộc.
- D. truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào VN.

**Câu 17:** Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 - 1930 là gì?

- A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản.
- D. Khởi thảo “Cương lĩnh chính trị” đầu tiên của Đảng.

**Câu 18:** “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng bản thân mình” là nhận xét của Nguyễn Ái Quốc sau khi

- A. đọc sơ thảo lần thứ nhất luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- B. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vecxai năm 1919.
- C. tham gia sáng lập Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.
- D. viết Bản án chế độ thực dân Pháp.

**Câu 19:** Trong phong trào dân tộc dân chủ 1919-1925, giai cấp nào tổ chức cuộc vận động người Việt Nam chỉ mua hàng của người Việt Nam?

- A. công nhân.
- B. tư sản.
- C. tiểu tư sản.
- D. nông dân.

**Câu 20:** Con đường đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với những người đi trước là

- A. đi sang Phương Tây tìm đường cứu nước.
- B. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa tư bản.
- C. đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin.
- D. từ theo con đường của các bậc tiền bối.

**Câu 21:** Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) do tổ chức nào dưới đây lãnh đạo?

- A. Đảng Thanh niên.
- B. Đảng Lập hiến.
- C. Việt Nam Quốc dân Đảng.
- D. Việt Nam nghĩa đoàn.

**Câu 22:** Lí luận nào sau đây đã được cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá vào Việt Nam?

- A. Lí luận Mác - Lênin.
- B. Lí luận đấu tranh giai cấp.
- C. Lí luận cách mạng vô sản.
- D. Lí luận giải phóng dân tộc.

**Câu 23:** Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang tự giác?

- A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm Chợ Lớn (1922).
- B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922).
- C. Bãi công của công nhân Ba Son cảng Sài Gòn (8/1925).
- D. Cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (1929).

**Câu 24:** Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai.
- B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- C. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6/1925).

**Câu 25:** Hoạt động tiêu biểu của tiểu tư sản Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1926 là:

- A. Đòi nhà cầm quyền trả tự do cho Phan Bội Châu (1925).
- B. Đòi tự do dân sinh, dân chủ.
- C. Đền tang Phan Châu Trinh (1926).
- D. Đòi nhà cầm quyền trả tự do cho Phan Bội Châu (1925) và tổ chức đám tang Phan Châu Trinh (1926).

**Câu 26:** Năm 1921, để tập hợp nhân dân các nước thuộc địa sống trên đất Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Nguyễn Ái Quốc cùng những những người yêu nước ở châu Phi thành lập nên tổ chức

- A. Đảng cộng sản Pháp.
- B. Hội liên hiệp thuộc địa.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- D. Tổ chức Tâm Tâm xã.

**Câu 27:** Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu Trung Quốc để

- A. thành lập các tổ chức yêu nước.
- B. thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
- C. xây dựng tổ chức cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. truyền bá chủ nghĩa Mác- lenin.

**Câu 28:** Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Véc-Xai bản yêu sách của nhân dân An Nam để

- A. đòi các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam.
- B. đòi thực dân Pháp trả độc lập cho dân tộc Việt Nam.
- C. yêu cầu các nước Đồng minh giúp đỡ nhân dân thuộc địa.
- D. đòi bồi thường chiến tranh do Pháp gây ra cho dân tộc Việt Nam.

**Câu 29:** Đảng Lập hiến là chính đảng của giai cấp nào ở Việt Nam?

- A. Tiểu tư sản.
- B. Tư sản và địa chủ Nam Kỳ.
- C. Công nhân.
- D. Tư sản.

**Câu 30:** Trong những năm hoạt động ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra báo

- A. Thanh niên.
- B. Người cùng khổ.
- C. Nhân đạo.
- D. Đời sống công nhân.

**Câu 31:** Đặc điểm nổi bật của phong trào công nhân 1919-1925 là

- A. phong trào diễn ra cục bộ địa phương.
- B. phong trào lan rộng ra cả nước.
- C. bắt đầu có tổ chức lãnh đạo.
- D. có sự liên kết với công nhân thế giới.

**Câu 32:** “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản”. Đây là kết luận của Nguyễn Ái Quốc sau khi

- A. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- B. tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.
- C. đọc sơ thảo lần thứ nhất của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
- D. gửi bản yêu sách đến hội nghị Véc-xai.

**Câu 33:** Trong những năm 1919-1925, hiện tượng nào dưới đây diễn ra theo khuynh hướng cách mạng vô sản?

- A. Sự ra đời của Hội Phục Việt, Đảng Thanh Niên.
- B. Cuộc vận động chấn hưng nội hóa bài trừ ngoại hóa.
- C. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
- D. Phong trào đòi thả Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

**Câu 34:** Chính sách nông nghiệp nào của Pháp thực hiện trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ảnh hưởng nặng nề nhất đối với nông dân?

- A. Đánh thuế vào các mặt hàng nông sản.
- B. Bắt nông dân phu phen tạp dịch.
- C. Hạn chế áp dụng KH-KT.
- D. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

**Câu 35:** Vì sao trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở VN?

- A. Để cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào chính quốc.
- B. Nhằm thu tóm quyền lực vào tay người Pháp.
- C. Phục vụ nhu cầu công nghiệp chính quốc.
- D. Do đầu tư vốn nhiều vào nông nghiệp.

**Câu 36:** Điểm nổi bật trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Đông Dương là đầu tư

- A. tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế .
- B. tốc độ nhanh áp dụng KH-KT.
- C. quy mô lớn, ưu tiên phát triển công nghiệp.
- D. quy mô lớn, ưu tiên phát triển nông nghiệp.

**Câu 37:** Giai cấp công nhân Việt Nam có mối liên hệ mật thiết với lực lượng xã hội nào?

- A. Thợ thủ công.
- B. Nông dân.
- C. Tiểu thương.
- D. Tiểu tư sản.

**Câu 38:** Đặc điểm bao trùm của lịch sử dân tộc Việt Nam từ 1919-1930 là

- A. phát triển tuần tự từ khuynh hướng tư sản sang khuynh hướng vô sản.
- B. khuynh hướng tư sản và khuynh hướng vô sản cùng phát triển trong phong trào yêu nước.
- C. khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối nhờ kinh nghiệm của khuynh hướng tư sản.
- D. sau thất bại của khuynh hướng tư sản, khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế tuyệt đối.

**Câu 39:** Điểm khác biệt của giai cấp công nhân Việt Nam so với công nhân các nước tư bản Âu-Mĩ?

A. ra đời trước giai cấp tư sản.

B. ra đời sau giai cấp tiểu tư sản.

C. ra đời cùng với giai cấp tư sản.

D. ra đời sau giai cấp tư sản.

**Câu 40:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự kiện có ảnh hưởng tích cực đến cách mạng Việt Nam là

A. Quốc tế cộng sản thành lập.

B. nước Pháp thắng lợi trong chiến tranh.

C. phe Hiệp ước giành thắng lợi.

D. các nước thắng trận họp hội nghị Véc-xai.

**Câu 41:** Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929), thực dân Pháp mở ngành công nghiệp chế biến ở Việt Nam?

A. Nguồn nguyên liệu sẵn có, công nhân dồi dào.

B. Đây là ngành kinh tế duy nhất đem lại nhiều lợi nhuận.

C. Đây là ngành kinh tế chủ đạo của Việt Nam.

D. Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào công nghiệp.

**Câu 42:** Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) ở Đông Dương trong bối cảnh như thế nào?

A. Nền kinh tế các nước tư bản ổn định.

B. Hệ thống thuộc địa các nước tư bản thu hẹp.

C. Các nước tư bản châu Âu chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.

D. Nền kinh tế thế giới trên đà phát triển.

**Câu 43:** Yếu tố quyết định đến sự xuất hiện khuynh hướng tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX?

A. Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, tư tưởng.

B. Sự xuất hiện giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản.

C. Sự lỗi thời của hệ tư tưởng phong kiến.

D. Sự khủng hoảng, suy yếu của chế độ phong kiến.

**Câu 44:** Đặc điểm phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến đầu năm 1930 là

A. khuynh hướng vô sản phát triển nhờ kinh nghiệm của khuynh hướng tư sản.

B. cả hai khuynh hướng vô sản và tư sản đều sử dụng bạo lực để loại trừ nhau.

C. sau thất bại khuynh hướng tư sản, khuynh hướng vô sản phát triển nhanh.

D. sự tồn tại song song của khuynh hướng vô sản và khuynh hướng tư sản.

**Câu 45:** Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia hoạt động cách mạng nào sau đây?

A. Hội nghị Quốc tế nông dân.

B. Đại hội V Quốc tế cộng sản.

C. Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 46:** Sự kiện lịch sử được Nguyễn Ái Quốc đánh giá “như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân” là

A. cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Nguyễn Thái Học lãnh đạo.

B. Phạm Hồng Thái mưu sát Toàn quyền Đông Dương Méc-lanh.

C. tổ chức Tâm tâm xã được thành lập ở Quảng Châu.

D. Phan Châu Trinh viết “Thất điều thư” vạch 7 tội vua Khải Định.

**Câu 47:** Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất lực lượng xã hội nào không tham gia vào phong trào cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân?

A. Trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc.

B. Đại địa chủ, tư sản mại bán.

C. Công nhân, nông dân.

D. Tiểu tư sản, trí thức.

**Câu 48:** Những tờ báo tiếng Pháp của tiểu tư sản trí thức ra đời trong phong trào cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam (1919-1925) là

A. Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.

B. Thanh niên, Tuổi trẻ.

C. Người cùng khổ, Nhân đạo.

D. Búa liềm, Tiếng dân, Nhân dân.

**Câu 49:** Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919-1929), thực dân Pháp chú trọng đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm



- A. tạo sự phát triển đồng đều giữa các vùng kinh tế.
- B. làm cho kinh tế thuộc địa phát triển cân đối.
- C. đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế chính quốc.
- D. xóa bỏ phương thức sản xuất phong kiến.

**Câu 50:** Một trong những điểm mới của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) của thực dân Pháp ở Đông Dương là

- A. lĩnh vực khai thác mở được đầu tư nhiều nhất.
- B. nguồn đầu tư chủ yếu là của tư bản nhà nước.
- C. Pháp đầu tư vốn với quy mô lớn, tốc độ nhanh.
- D. ngành giao thông vận tải được đầu tư vốn nhiều nhất.

## BÀI 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM 1925-1930

**Câu 1:** Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

- A. báo Thanh niên.
- B. tác phẩm "Đường Cách mệnh".
- C. tác phẩm Bản án chế độ tư bản Pháp.
- D. báo Người cùng khổ.

**Câu 2:** Việt Nam Quốc dân đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?

- A. Cách mạng vô sản.
- B. Dân chủ tư sản.
- C. Dân chủ tiêu tư sản.
- D. Dân chủ vô sản và tư sản.

**Câu 3:** Khởi nghĩa Yên Bái thất bại là do nguyên nhân khách quan nào?

- A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.
- B. Đảng lãnh đạo còn chủ quan.
- C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.
- D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

**Câu 4:** Cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản đảng là

- A. báo Nhân lúa.
- B. báo Người nhà quê.
- C. báo Búa liềm.
- D. báo Chuông rè.

**Câu 5:** Tư tưởng cốt lõi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. tự do và dân chủ.
- B. độc lập và tự do.
- C. ruộng đất cho dân cày.
- D. giải phóng dân tộc.

**Câu 6:** Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) do tổ chức nào dưới đây lãnh đạo?

- A. Đảng Thanh niên.
- B. Đảng Lập hiến.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng.
- D. Việt Nam nghĩa đoàn.

**Câu 7:** Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên truyền bá vào Việt Nam lí luận nào?

- A. Lí luận chủ nghĩa Mác-Lênin.
- B. Lí luận đấu tranh giai cấp.
- C. Lí luận cách mạng vô sản.
- D. Lí luận giải phóng dân tộc.

**Câu 8:** Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng
- B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

**Câu 9:** Đường lối cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên là

- A. từ cách mạng tư sản dân quyền đến xã hội cộng sản
- B. thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.
- C. tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.
- D. làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc

**Câu 10:** Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam thời kì 1930-1945 là gì?

- A. Đánh đuổi đế quốc và tay sai giành độc lập dân tộc.
- B. Đánh đổ các giai cấp bóc lột giành quyền tự do dân chủ.
- C. Lật đổ chế độ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.
- D. Lật đổ chế độ phản động thuộc địa, cải thiện dân sinh

**Câu 11:** Công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam từ 1925-1930 là:

- A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.
- B. Truyền bá chủ nghĩa Mác-lênin.
- C. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 12:** Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên ưu tú để lập ra Cộng sản đoàn từ tổ chức nào?

- A. Tâm tâm xã.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
- D. Việt Nam Quốc dân đảng.

**Câu 13:** ĐCSVN ra đời năm 1930 là bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam vì đã chấm dứt

- A. vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến.
- B. thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.
- C. vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản dân tộc.
- D. hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

**Câu 14:** Tổ chức cách mạng được đánh giá là tiền thân của ĐCSVN là.

- A. An Nam Cộng sản đảng.
- B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng.
- D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

**Câu 15:** Ba tổ chức cộng sản ra đời ở Việt Nam năm 1929 có ý nghĩa gì ?

- A. Đặt ra yêu cầu phải thống nhất lại.
- B. Làm cho Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phân thành hai nhóm.
- C. Làm cho phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ chia rẽ.
- D. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng cộng sản sau này.

**Câu 16:** Năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên phân hóa thành tổ chức nào?

- A. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- B. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn, Đông Dương Cộng sản đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng, Việt Nam Quốc dân đảng.

**Câu 17:** Khuynh hướng vô sản chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam vào cuối những năm 20 thế kỉ XX vì

- A. phong trào công nhân đã hoàn toàn trở thành tự giác.
- B. giải quyết được mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.
- C. đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. khuynh hướng yêu nước dân chủ tư sản đã thất bại.

**Câu 18:** ĐCSVN ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với

- A. phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- B. phong trào dân tộc dân chủ.
- C. phong trào giải phóng dân tộc.
- D. chủ nghĩa quốc tế vô sản.

**Câu 19:** Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được đánh giá đúng đắn vì

- A. thấy được khả năng chống đế quốc của giai cấp tư sản.
- B. kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.
- C. xác định vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam.
- D. thấy được khả năng chống phong kiến của tư sản.

**Câu 20:** Nội dung nào thể hiện tính đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

- A. Đánh giá đúng khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân.
- B. Tạo ra mối liên hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân.
- C. Xác định con đường phát triển của CMVN là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- D. Thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.

**Câu 21:** Cơ sở hạt nhân đầu tiên của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng xuất phát từ một nhà xuất bản tiên bộ

- A. Cường học thư xã.
- B. Tự lực văn đoàn.
- C. Quan hải tùng thư.
- D. Nam đồng thư xã.

**Câu 22:** Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện

- A. thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- B. thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời.
- D. hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 23:** Tác dụng của tờ báo Thanh niên và tác phẩm “Đường Kách mệnh” là

- A. trang bị lí luận cho các cán bộ.
- B. thúc đẩy phong trào phát triển.
- C. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin.
- D. soi đường cho giai cấp công nhân.

**Câu 24:** Từ ngày 7/2/1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập Đảng là do

- A. phong trào công nhân đã phát triển đến trình độ tự giác.
- B. phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ chia rẽ.
- C. Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên yêu cầu hợp nhất.
- D. các tổ chức cộng sản trong nước yêu cầu hợp nhất.

**Câu 25:** Sự kiện nào đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản đã giành được ưu thế trong lịch sử cách mạng Việt Nam?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời.                      B. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hóa.  
C. Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản.                                      D. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

**Câu 26:** Một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930 do giai cấp tư sản

- A. chỉ sử dụng phương pháp đấu tranh ôn hòa.  
B. chưa được giác ngộ về chính trị.  
C. nhỏ yếu về kinh tế và non kém về chính trị.  
D. chỉ đấu tranh đòi quyền lợi giai cấp.

**Câu 27:** Khởi nghĩa Yên Bái thất bại là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây ?

- A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.                                      B. Tổ chức lãnh đạo còn non yếu.  
C. Khởi nghĩa nổ ra không đúng thời cơ.                                      D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

**Câu 28:** Chủ trương “vô sản hóa” năm 1928 của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên nhằm mục đích chính

- A. tuyên truyền vận động cách mạng.                                      B. rèn luyện cán bộ cách mạng.  
C. truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin.                                      D. phát triển phong trào công nhân.

**Câu 29:** Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng được xem là

- A. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.                                      B. tài liệu chính trị đặc biệt của Đảng.  
C. Nghị quyết của Đảng.    D. văn kiện Đảng.

**Câu 30:** Tập hợp bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) có tên là

- A. Con rồng tre.    B. Bản án chế độ thực dân Pháp.  
C. báo Thanh niên.    D. “Đường Kách mệnh”.

**Câu 31:** Mục đích của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là

- A. tập hợp thanh niên yêu nước chống Pháp và chống phong kiến.  
B. tổ chức và lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh giải phóng dân tộc.  
C. lãnh đạo nhân dân chống Pháp xâm lược giành độc lập dân tộc.  
D. tổ chức, tuyên truyền vận động nhân dân chống Pháp.

**Câu 32:** Sắp xếp theo thứ tự ra đời các tổ chức sau :

1. An Nam Cộng sản đảng.
2. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
3. Đông Dương Cộng sản đảng.
4. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

- A. 1,2,3,4                                      B. 2,1,3,4                                      C. 3,2,1,4                                      D. 4,3,1,2

**Câu 33:** Vai trò quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng là

- A. tập hợp các đại biểu về Hương Cảng (TQ).                                      B. phê phán các quan điểm sai trái.  
C. đặt tên Đảng.    D. soạn thảo Cương lĩnh chính trị.

**Câu 34:** Nội dung nào **không** nói lên ý nghĩa của ĐCSVN ra đời

- A. là sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước VN.  
B. là bước ngoặt vĩ đại trong trong lịch sử cách mạng Việt Nam.  
C. là sự chuẩn bị tất yếu có tính quyết định cho bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc.  
D. là kết quả của quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc.

**Câu 35:** Sự kiện tiêu biểu nào của thế giới tác động đến sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Cách mạng Tháng mười Nga thắng lợi.  
B. Cuộc đấu tranh của công nhân thủy thủ Pháp.  
C. Cuộc đấu tranh của công nhân Thượng Hải Trung Quốc.  
D. Hoạt động của Quốc tế cộng sản.

**Câu 36:** Điểm khác nhau căn bản giữa Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và Việt Nam Quốc dân đảng là

- A. chú trọng xây dựng tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh.
- B. tập trung phát triển lực lượng cách mạng.
- C. chú trọng tuyên truyền chủ nghĩa Mác Lênin.
- D. tăng cường công tác quần chúng đấu tranh vũ trang.

**Câu 37:** Những người sáng lập Việt Nam Quốc dân đảng là

- A. Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu.
- B. Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính.
- C. Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh.
- D. Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu.

**Câu 38:** Vì sao nói ĐCSVN ra đời là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho cách mạng Việt Nam sau này ?

- A. Với đường lối đúng đắn, Đảng lãnh đạo cách mạng VN giành nhiều thắng lợi.
- B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo.
- C. Đáp ứng căn bản nguyện vọng dân tộc Việt Nam.
- D. Lãnh đạo nhân dân làm cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

**Câu 39:** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc soạn thảo có điểm gì khác so với Luận cương chính trị 10-1930 của Trần Phú soạn thảo?

- A. Khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng thuộc về chính đảng vô sản.
- B. Xác định được công nhân và nông dân là lực lượng cách mạng.
- C. Đánh giá đúng khả năng chống đế quốc của giai cấp bóc lột.
- D. Xác định đúng nhiệm vụ cách mạng là đánh đổ đế quốc.

**Câu 40:** Nội dung nào dưới đây là điểm khác nhau giữa Luận cương chính trị 10-1930 của ĐCSĐD với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCSVN?

- A. Chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng.
- B. Đề ra phương hướng chiến lược.
- C. Xác định phương pháp đấu tranh.
- D. Xác định giai cấp lãnh đạo.

**Câu 41:** Luận cương chính trị 10-1930 của ĐCSĐD và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCSVN đều xác định

- A. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.
- B. Đảng cộng sản Đông Dương giữ vai trò lãnh đạo.
- C. nhiệm vụ cách mạng là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.
- D. lực lượng cách mạng tư sản dân quyền gồm toàn thể dân tộc.

**Câu 42:** Sự xuất hiện 3 tổ chức cộng sản Việt Nam năm 1929 có ý nghĩa

- A. chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp và lãnh đạo.
- B. chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cách mạng.
- C. chứng tỏ công nhân Việt Nam đã trưởng thành.
- D. là một xu thế của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

**Câu 43:** Vì sao Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCSVN xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng?

- A. Đây là lực lượng đông đảo.
- B. Có ý thức về quyền lợi giai cấp.
- C. Có tinh thần cách mạng triệt để.
- D. Đại diện cho phương thức sản xuất mới.

**Câu 44:** Bản "Chương trình hành động" của Việt Nam Quốc dân đảng (được công bố năm 1929) nêu nguyên tắc tư tưởng là

- A. Tự do - Bình đẳng - Bác ái.
- B. tiến hành cách mạng bằng sắt và máu.
- C. Tự do - Dân chủ - Độc lập.
- D. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua.

**Câu 45:** Sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 phản ánh xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường

- A. cách mạng tư sản.
- B. cách mạng tư sản dân quyền.
- C. cách mạng vô sản.
- D. cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

**Câu 46:** Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ( 06-01-1930) với cương vị là phái viên của

A. Quốc tế cộng sản.

B. Đảng Cộng sản Pháp.

C. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

D. Cộng sản đoàn.

**Câu 47.** Ở Việt Nam, cuối năm 1928, các thành viên của tổ chức nào sau đây thực hiện chủ trương “vô sản hóa”?

A. Đảng Lập hiến.

B. Việt Nam Quốc dân đảng.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

D. Việt Nam nghĩa đoàn.

**Câu 48.** Nhận xét nào sau đây là đúng về phong trào công nhân Việt Nam trong những năm 1928-1929?

A. Phát triển ngày càng mạnh mẽ và có một tổ chức lãnh đạo thống nhất.

B. Có tính thống nhất cao theo một đường lối chính trị đúng đắn.

C. Chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

D. Có sự liên kết và trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc.

### BÀI 14. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1935

**Câu 1:** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến bước phát triển của phong trào cách mạng 1930-1931 là

A. do truyền thống yêu nước của dân tộc.

B. do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế.

C. do chính sách khủng bố đàn áp của thực dân Pháp.

D. do ĐCSVN ra đời kịp thời lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

**Câu 2:** Trong giai đoạn 1930 - 1935 nền kinh tế Việt Nam

A. bước đầu phát triển.

B. suy thoái, khủng hoảng.

C. phát triển mạnh mẽ.

D. đạt được nhiều thành tựu.

**Câu 3:** Cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 1930 ở nước ta bắt đầu từ lĩnh vực nào ?

A. Công nghiệp.

B. Nông nghiệp.

C. Xuất khẩu hàng hóa.

D. Thương nghiệp.

**Câu 4:** Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ở nước ta làm cho giai cấp, tầng lớp nào bị bán cùng hóa?

A. Công nhân.

B. Nông dân.

C. Tiểu tư sản.

D. Tư sản dân tộc.

**Câu 5:** Khẩu hiệu “Đả đảo chủ nghĩa đế quốc! Đả đảo phong kiến” của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng 1930-1931 thể hiện mục tiêu đấu tranh về

A. xã hội.

B. chính trị.

C. kinh tế.

D. văn hóa.

**Câu 6:** Sự kiện lịch sử nào được xem là đỉnh cao trong phong trào cách mạng 1930-1931 ?

A. Cuộc đấu tranh ngày 1/5/1930.

B. Cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).

C. Sự ra đời của chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh.

D. Từ tháng 6 đến tháng 8 đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh tầng lớp nhân dân.

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây **không thuộc** về chính sách kinh tế mà chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thực hiện ?

A. Chia ruộng đất cho dân cày nghèo.

B. Bãi bỏ thuế thân, thuế đò, thuế muối.

C. Xóa nợ cho người nghèo.

D. Dạy tiếng Pháp cho nhân dân.

**Câu 8:** Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam trong những năm 1929-1933 đối với xã hội là

A. giai cấp tư sản bị phá sản, đời sống ngày càng khó khăn.

B. làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân.

C. xã hội phân hóa sâu sắc thành các tầng lớp giàu-nghèo.

D. giai cấp công nhân thất nghiệp đời sống khó khăn.

**Câu 9:** Xô viết Nghệ-Tĩnh đã thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” như thế nào?

- A. Bãi bỏ các thứ thuế cho dân.
- B. Xóa nợ cho người nghèo.
- C. Chia ruộng đất cho dân cày.
- D. Giúp đỡ nông dân trong sản xuất.

**Câu 10:** Nội dung nào sau đây khẳng định Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 ?

- A. Đã có sự liên minh giữa công nhân và nông dân.
- B. Thành lập chính quyền của nhân dân.
- C. Địa bàn đấu tranh rộng lớn.
- D. Do Đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

**Câu 11:** Người soạn thảo Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 10 năm 1930 là

- A. Trần Phú.
- B. Nguyễn Ái Quốc.
- C. Lê Duẩn.
- D. Lê Hồng Phong.

**Câu 12:** So với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Luận cương chính trị (10/1930) có sự khác biệt về

- A. vị trí cách mạng Việt Nam.
- B. chiến lược cách mạng Việt Nam.
- C. giai cấp lãnh đạo cách mạng.
- D. nhiệm vụ và lực lượng cách mạng.

**Câu 13:** Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 là

- A. công nhân, nông dân.
- B. công nhân, nông dân, binh lính.
- C. tư sản, công nhân, nông dân.
- D. trung tiểu địa chủ, tư sản, tiểu tư sản.

**Câu 14:** Điểm nào chứng tỏ tính chất quyết liệt của phong trào cách mạng 1930-1931?

- A. Đối tượng cách mạng là đế quốc và phong kiến.
- B. Dùng bạo lực cách mạng gồm bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang.
- C. Lực lượng tham gia đấu tranh gồm đông đảo công nhân và nông dân.
- D. Phạm vi nổ ra rộng khắp trong cả nước.

**Câu 15:** Phong trào cách mạng có ý nghĩa là cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng nhân dân cho Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám là

- A. Phong trào dân tộc dân chủ 1919-1925.
- B. Phong trào dân tộc dân chủ 1925-1930.
- C. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- D. Phong trào cách mạng 1932-1935.

**Câu 16:** Nội dung nào sau đây **không** thuộc kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nghệ -Tĩnh (9/1930) ?

- A. Hệ thống chính quyền thực dân phong kiến bị tan rã ở nhiều thôn, xã.
- B. Nhiều Lí trưởng, Chánh tổng bỏ trốn.
- C. Chính quyền thực dân Pháp tại Nghệ Tĩnh đầu hàng.
- D. Chính quyền mới thành lập gọi là Xô viết.

**Câu 17:** Phong trào cách mạng 1930-1931 có điểm nào khác với phong trào đấu tranh giai đoạn trước ?

- A. Có sự tham gia của giai cấp công nhân và nông dân.
- B. Nổ ra khắp nơi trong cả nước.
- C. Kẻ thù đấu tranh trực tiếp là thực dân Pháp.
- D. Có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

**Câu 18:** Đặc điểm nổi bật nhất của phong trào 1930-1931 là

- A. vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công-nông.
- B. tập hợp đông đảo quần chúng thành đội quân chính trị.
- C. Đảng ta chỉ đạo kiên quyết trong đấu tranh.
- D. cuộc đấu tranh bùng nổ khắp nơi trong cả nước.

**Câu 19:** Gọi chính quyền thành lập ở Nghệ - Tĩnh năm 1930 là chính quyền Xô viết vì

- A. chính quyền đầu tiên được thành lập ở huyện Xô viết.
- B. hình thức hoạt động theo kiểu Xô viết của nước Nga.
- C. hình thức chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- D. hình thức chính quyền giống các nước đi theo con đường chủ nghĩa xã hội.

**Câu 20:** Nhận xét nào dưới đây về phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là **không** đúng?

- A. Đây là phong trào cách mạng có hình thức đấu tranh phong phú và quyết liệt.
- B. Đây là phong trào cách mạng triệt để, không ảo tưởng về kẻ thù dân tộc.
- C. Đây là phong trào diễn ra qui mô lớn có tính thống nhất cao.
- D. Đây là phong trào mang tính dân tộc hơn tính giai cấp.

**Câu 21:** Khối liên minh công-nông được hình thành từ phong trào cách mạng nào ở Việt Nam?

- A. Phong trào dân chủ 1936-1939.
- B. Phong trào dân tộc dân chủ 1925-1930.
- C. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- D. Phong trào dân tộc 1939-1945.

**Câu 22:** Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời ĐCSVN tháng 10-1930 quyết định đổi tên ĐCSVN thành

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đông Dương Cộng sản đảng.
- C. Đảng Dân chủ Việt Nam.
- D. Đảng Lao động Việt Nam.

**Câu 23:** Trong phong trào cách mạng 1930-1931, các Xô Viết ở Nghệ An- Hà Tĩnh thực hiện một trong những chức năng của chính quyền là

- A. quản lí đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.
- B. lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh chính trị.
- C. tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.
- D. chuẩn bị tiến tới thành lập chính quyền trung ương.

**Câu 24:** Sự ra đời các Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 vì

- A. đã hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong Luận cương tháng 10-1930.
- B. là mốc đánh dấu sự tan rã chính quyền thực dân, tay sai.
- C. giải quyết được vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội.
- D. đây là hình thức chính quyền nhà nước giống các Xô viết của Nga.

**Câu 25:** Phong trào cách mạng 1930-1931 để lại bài học kinh nghiệm gì cho Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng để giành chính quyền.
- B. Kết hợp hình thức đấu tranh bí mật, công khai và hợp pháp.
- C. Đi từ từng phần lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.
- D. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một chính quyền riêng.

**Câu 26:** Ý nghĩa quan trọng của phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là

- A. chứng minh trong thực tế khả năng lãnh đạo của chính đảng vô sản.
- B. tạo tiền đề trực tiếp cho Cách mạng tháng Tám.
- C. hình thành liên minh công-nông-binh cho cách mạng Việt Nam.
- D. Đảng cộng sản Việt Nam được công nhận là một bộ phận độc lập.

**Câu 27:** Thành quả quan trọng của phong trào cách mạng 1930-1931 là

- A. thành lập được chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.
- B. hình thành khối liên minh công nông.
- C. để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- D. quần chúng được giác ngộ trở thành lực lượng hùng hậu.

**Câu 28:** Qua thực tiễn phong trào cách mạng 1930-1931, Quốc tế Cộng sản công nhận ĐCS Đông Dương là

- A. chi bộ của Quốc tế Cộng sản.
- B. phân bộ độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản.
- C. một bộ phận gắn bó với Quốc tế Cộng sản.
- D. chi bộ thường trực của Quốc tế Cộng sản.

**Câu 29:** Phong trào cách mạng 1930-1931 chủ yếu diễn ra ở

- A. đô thị và các trung tâm công nghiệp.
- B. đồng bằng.
- C. nông thôn và các trung tâm công nghiệp.
- D. trung du miền núi.

**Câu 30:** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thất bại của phong trào yêu nước dân chủ công khai từ 1919-1930 là



- A. hệ tư tưởng dân chủ tư sản trở nên lỗi thời, lạc hậu.
- B. giai cấp tư sản phát triển lớn mạnh.
- C. chủ nghĩa Mác-Lênin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.
- D. thiếu sự phối hợp đấu tranh giữa công nhân và nông dân.

**Câu 31:** Khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam (1919-1930) thất bại vì

- A. giai cấp lãnh đạo còn non yếu.
- B. không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- C. nặng về chủ trương đấu tranh bạo lực và ám sát.
- D. không lôi cuốn được đông đảo nhân dân tham gia.

**Câu 32:** Nội dung nào **không phải** là ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam là

- A. khẳng định sự lãnh đạo của Đảng và giai cấp công nhân.
- B. là cuộc tổng diễn tập đầu tiên cho Cách mạng tháng Tám.
- C. hình thành liên minh công-nông-binh cho cách mạng Việt Nam.
- D. đưa quần chúng bước vào thời kì trực tiếp vận động cứu nước.

**Câu 33:** Điểm hạn chế của Luận cương chính trị 10-1930 là trong việc

- A. xác định vị trí cách mạng Việt Nam.
- B. xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.
- C. vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam.
- D. động lực chính của cách mạng.

**Câu 34.** Chính quyền công nông lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam trong phong trào nào sau đây?

- A. Phong trào dân chủ 1936-1939.
- B. Phong trào dân tộc dân chủ 1919-1925
- C. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- D. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

**Câu 35.** Phong trào cách mạng 1930-1931 ở Việt Nam

- A. có mục tiêu chủ yếu là đòi cơm áo và hòa bình.
- B. diễn ra trên quy mô lớn, có tính thống nhất cao.
- C. có sự kết hợp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp.
- D. chỉ diễn ra ở các vùng nông thôn trên cả nước.

## BÀI 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936-1939

**Câu 1:** Đặc điểm nổi bật của phong trào dân chủ 1936-1939 là

- A. quy mô rộng lớn, tính chất quyết liệt, triệt để.
- B. mang tính quần chúng, quy mô rộng lớn, hình thức phong phú.
- C. lần đầu công-nông đoàn kết đấu tranh.
- D. phong trào lần đầu tiên do Đảng lãnh đạo.

**Câu 2:** Ai là người dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tham dự đại hội VII (7/1935) Quốc tế cộng sản?

- A. Trần Phú.
- B. Hà Huy Tập.
- C. Lê Hồng Phong.
- D. Nguyễn Thị Minh Khai.

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây là điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong phong trào dân chủ 1936-1939?

- A. Chính phủ Pháp cải cách toàn diện ở Đông Dương.
- B. Chính phủ Pháp thực hiện khai thác thuộc địa lần thứ hai.
- C. Chính phủ Pháp thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.
- D. Chính phủ Pháp chủ trương chống phát xít, bảo vệ hòa bình.

**Câu 4:** Tại sao trong những năm 1936-1939 Đảng Cộng sản Đông Dương lại xác định mục tiêu đấu tranh đòi tự do, dân chủ ?

- A. Vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.
- B. Vì ở Việt Nam có nhiều đảng phái hoạt động.
- C. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cầm quyền.
- D. Do nguyện vọng đấu tranh của Đảng và nhân dân.

**Câu 5:** Mục tiêu đấu tranh trước mắt của nhân dân Việt Nam trong phong trào dân chủ 1936-1939?

- A. Chống đế quốc Pháp, chống địa chủ phong kiến.
- B. Đánh đổ đế quốc Pháp giành hoàn toàn độc lập dân tộc.
- C. Tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo.
- D. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

**Câu 6:** Phong trào dân chủ 1936-1939 diễn ra chủ yếu ở đâu?

- A. Trung tâm công nghiệp.
- B. Vùng nông thôn.
- C. Các đô thị.
- D. Cả nước.

**Câu 7:** Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương được thành lập nhằm mục đích

- A. tập hợp liên minh công nông.
- B. liên minh công nhân với giai cấp tiểu tư sản.
- C. nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước.
- D. tập hợp tư sản, tiểu tư sản và địa chủ.

**Câu 8:** Đến 3/1938 Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương được đổi tên thành

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. Hội Phản đế đồng minh.
- C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 9:** Những nội dung nào dưới đây **không** nằm trong đường lối và phương pháp đấu tranh của Đảng ta được đề ra trong phong trào dân chủ 1936-1939 ?

- A. Chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.
- B. Đòi tự do, dân chủ, dân sinh, cơm áo hòa bình.
- C. Chống thực dân Pháp và phát xít Nhật.
- D. Phương pháp đấu tranh là kết hợp công khai và bí mật.

**Câu 10:** Phong trào đấu tranh dân chủ trong những năm 1936-1939 được coi là lần tập dượt

- A. lần thứ nhất của Đảng.
- B. lần thứ hai của Đảng.
- C. lần thứ ba của Đảng.
- D. lần thứ cuối của Đảng.

**Câu 11:** Kết quả của phong trào dân chủ 1936-1939 là

- A. đã góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít Nhật.

B. chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách.

C. Đảng tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm.

D. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện ngày càng trưởng thành.

**Câu 12:** Lực lượng tham gia trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939 gồm

A. công nhân, nông dân.

B. tư sản, tiểu tư sản, công nhân.

C. đông đảo các tầng lớp nhân dân.

D. liên minh tư sản và địa chủ.

**Câu 13:** Một trong những ý nghĩa phong trào dân chủ 1936-1939 là

A. buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách.

B. giúp cán bộ đảng viên được rèn luyện và trưởng thành.

C. khẳng định được vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

D. bước đầu hình thành thực tế liên minh công nông.

**Câu 14:** Trong giai đoạn 1936-1939, nhân dân Việt Nam chưa thực hiện

A. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít.

B. đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

C. giành độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.

D. kết hợp hình thức đấu tranh công khai và bí mật.

**Câu 15:** Năm 1936, ở Việt Nam các Ủy ban hành động được thành lập với mục đích gì?

A. Để thành lập ra các hội ái hữu thay cho Công hội đỏ, Nông hội đỏ.

B. Chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa giành chính quyền.

C. Biểu dương lực lượng khi đón phái viên chính phủ Pháp.

D. Thu thập “dân nguyện” tiến tới Đông Dương Đại hội.

**Câu 16:** Một trong những ý nghĩa phong trào dân chủ 1936-1939 là

A. buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách.

B. đã tập hợp lực lượng chính trị đông đảo quần chúng nhân dân.

C. khẳng định được vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

D. bước đầu hình thành thực tế liên minh công - nông.

**Câu 17:** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương (7-1936) chủ trương thành lập

A. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh.

**Câu 18:** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương (7-1936) khẳng định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương là

A. chống đế quốc và chống phong kiến.

B. chống phát xít và chống chiến tranh.

C. chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

D. Chống chế độ phản động thuộc địa và tay sai.

**Câu 19:** Nhận xét nào dưới đây về phong trào dân chủ 1936-1939 là **không đúng**?

A. Đây là cuộc vận động dân chủ có tính chất dân tộc.

B. Đây là phong trào cách mạng có mục tiêu và hình thức đấu tranh mới.

C. Đây là cuộc vận động cách mạng có tính chất dân tộc điển hình.

D. Đây là phong trào cách mạng có tính chất dân chủ.

**Câu 20.** So với thời kì 1930-1931, thời kì 1936-1939 khác về phương pháp đấu tranh ở sự kết hợp

A. đấu tranh chính trị và vũ trang.

B. đấu tranh nghị trường và mặt trận.

C. đấu tranh công khai và nửa công khai.

D. ngoại giao và vận động quần chúng.

**Câu 21:** Qua phong trào dân chủ 1936-1939, ĐCS Đông Dương đã tích lũy được kinh nghiệm gì?

A. Bài học về vận động quần chúng đấu tranh chính trị.

B. Bài học về xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.

C. Bài học về công tác mặt trận và vấn đề dân tộc.

D. Bài học lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai hợp pháp.

**Câu 22:** Phong trào cách mạng 1930-1931 và phong trào dân chủ 1936-1939 có điểm khác biệt về

A. giai cấp lãnh đạo.

B. nhiệm vụ chiến lược.

C. nhiệm vụ trước mắt.

D. động lực chủ yếu.

**Câu 23:** Đầu năm 1937, ĐCS Đông Dương tổ chức cuộc mít tinh đón rước phái viên chính phủ Pháp G.Gôđa và Brêviê nhậm chức Toàn quyền Đông Dương nhằm

A. thể hiện sự trọng thị của Việt Nam với Mặt trận Nhân dân Pháp.

B. biểu dương lực lượng của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. đưa yêu sách đến chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp.

D. thể hiện tinh thần đoàn kết với Mặt trận Nhân dân Pháp.

**Câu 24:** Một trong những hình thức đấu tranh mới thời kì 1936-1939 so với thời kì 1930-1931 là

A. mít tinh.

B. biểu tình.

C. nghị trường.

D. bãi công.

**Câu 25:** Căn cứ vào đâu mà ĐCS Đông Dương đề ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt thời kì 1936-1939 là chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh?

A. Chủ trương của Mặt trận Nhân dân Pháp sau khi nắm quyền.

B. Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản và thực tiễn của Việt Nam.

C. Tình hình chung của thế giới và Việt Nam.

D. Sự thay đổi nhanh chóng của các lực lượng cách mạng trong nước.

**Câu 26:** Vì sao quần chúng nhân dân hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của ĐCS Đông Dương giai đoạn 1936-1939?

A. Đời sống khó khăn, cực khổ.

B. Bị bần cùng hóa.

C. Đời sống được cải thiện.

D. Đời sống nhàm chán.

**Câu 27:** Một trong những khó khăn của ĐCS Đông Dương thời kì 1936-1939 là

A. Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm quyền.

B. được Quốc tế Cộng sản chỉ đạo.

C. nhiều đảng phái tranh giành ảnh hưởng.

D. Chủ nghĩa phát xít cầm quyền ở một số nước.

**Câu 28:** Trong phong trào dân chủ 1936-1939, nhân dân Việt Nam sử dụng hình thức đấu tranh nào sau đây?

A. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

B. Đi từ khởi nghĩa từng phần đến tổng khởi nghĩa.

C. Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, binh vận.

D. Công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

**Câu 29:** Ý nghĩa lớn nhất của phong trào dân chủ 1936 – 1939 ở Việt Nam là

A. đạt được một số yêu sách về dân sinh, dân chủ.

B. vạch trần được bộ mặt thật của bọn phản động.

C. nhân dân giác ngộ con đường đấu tranh của Đảng.

D. góp phần cùng Quốc tế Cộng sản ngăn chặn nguy cơ chiến tranh.

**Câu 30:** Sự kiện tiêu biểu nhất trong phong trào dân sinh, dân chủ thời kì 1936-1939 là

A. cuộc mít tinh ở khu Đấu Xảo (Hà Nội) ngày 1/5/1938.

B. cuộc mít tinh “đón rước” Gôđa và Brêviê sang Đông Dương (1937)

C. Đảng vận động tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ (1938).

D. Đảng vận động tranh cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ (1939).

**Câu 31:** Ý nghĩa cuộc mít tinh ở khu Đấu Xảo (Hà Nội) ngày 1/5/1938 là

A. lần đầu tiên tổ chức kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động.

B. lần đầu tiên Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo đấu tranh.

C. lần đầu tiên ngày kỉ niệm Quốc tế Lao động được tổ chức công khai.

D. lần đầu tiên mọi người dân được tham gia phong trào dân sinh, dân chủ.

**Câu 32:** Phong trào dân chủ công khai đầu tiên diễn ra vào năm 1936 là

A. phong trào “đón rước” Gôđa và Toàn quyền Brêviê.

B. phong trào Đông Dương Đại hội.

C. phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ.

D. cuộc mít tinh ở khu Đấu Xảo (Hà Nội).

**Câu 33: Từ giữa năm 1936, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương vận động quần chúng thảo các bản “dân nguyện” nhằm**

A. tố cáo tội ác của thực dân Pháp và thức tỉnh nhân dân đấu tranh.

B. đòi Chính phủ Pháp phải giải quyết một phần yêu sách của nhân dân.

C. gửi đến phái đoàn điều tra của Quốc hội Pháp, tiến tới Đông Dương Đại hội.

D. đòi chính quyền thuộc địa phải đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

**Câu 34: Sau khi lên nắm quyền ở Pháp (6/1936), Mặt trận Nhân dân Pháp đã thi hành chính sách với thuộc địa là**

A. nói rộng quyền tự do dân chủ, thả tù chính trị.

B. tiếp tục củng cố vị thế của tư bản Pháp tại thuộc địa.

C. tăng thuế để bổ sung cho Ngân hàng Đông Dương.

D. biến thuộc địa thành nơi cung cấp tối đa tiềm lực kinh tế cho Pháp.

**Câu 35: Mặc dù mới được phục hồi, nhưng khi bước vào phong trào dân chủ 1936 - 1939, tổ chức chính trị uy tín hơn cả là**

A. Đại Việt Quốc xã đảng.

B. Đại Việt Dân chính đảng.

C. Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. Đại Việt Quốc dân đảng.

## **BÀI 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM – NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI**

**Câu 1:** Trong cách mạng tháng Tám 1945, khởi nghĩa tại các đô thị thắng lợi có nghĩa quyết định nhất vì đây là nơi

A. tập trung các trung tâm kinh tế, chính trị của kẻ thù.

B. có lực lượng thực dân đế quốc đông.

C. có đông đảo quần chúng được giác ngộ.

D. cơ quan chỉ huy đầu não của cách mạng.

**Câu 2:** Cách mạng tháng Tám 1945 có tính chất

A. khởi nghĩa chính trị.

B. khởi nghĩa từng phần.

C. khởi nghĩa vũ trang.

D. khởi nghĩa toàn phần.

**Câu 3:** Ý nghĩa quan trọng nhất của cách mạng tháng Tám 1945 là

A. lật đổ chế độ phong kiến.

B. lật đổ Pháp – Nhật.

C. nhân dân được làm chủ.

D. đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

**Câu 4:** “quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang tột độ. Điều kiện khách quan thuận lợi cho tổng khởi nghĩa đã đến”(sgk) điều kiện khách quan được đề cập trong đoạn trích trên là

A. kẻ thù duy nhất của nhân dân VN đã gục ngã hoàn toàn.

B. quần chúng đã sẵn sàng đấu tranh.

C. các lực lượng vũ trang đã vào vị trí.

D. sự ủng hộ tuyệt đối của quân đồng minh.

**Câu 5:** Cho các dữ liệu sau.

1. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

2. Quân Nhật vượt biên giới Việt – Trung vào nước ta.

3. Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương.

Thứ tự đúng theo tình tự thời gian.

A. 2,3,1.

B. 1,2,3.

C. 3,2,1

D. 1,3,2

**Câu 6:** Thủ đoạn chính trị của phát xít Nhật khi xâm lược Đông Dương là

A. coi Đông Dương nằm trong khối liên hiệp Nhật.

B. nâng cao sức mạnh của Nhật.

C. bắt tay với Pháp cai trị Đông Dương.

D. dùng thuyết Đại Đông Á để lừa bịp nhân dân.

**Câu 7:** Vì sao Nhật tiến hành đảo chính Pháp ngày 9/3/1945?

- A. Quân Nhật tiếp tục giành thắng lợi ở khu vực châu Á Thái Bình Dương.
- B. Mâu thuẫn Nhật – pháp trở nên gay gắt.
- C. Nhật không muốn bóc lột Đông Dương thông qua Pháp.
- D. Nhật muốn thể hiện sức mạnh của mình trước các nước Đồng minh.

**Câu 8:** Trong quá trình tiến tới chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền, vào năm 1943, Đảng Cộng sản Đông Dương đã

- A. đề ra chương trình hành động của Việt Minh.
- B. thành lập Hội Phản đế Đồng minh.
- C. thành lập Hội Văn hóa Cứu quốc Việt Nam.
- D. đề ra Đề cương Văn hóa Việt Nam.

**Câu 9:** Nội dung nào sau đây **không** thuộc về chính sách kinh tế-xã hội của thực dân Pháp đã thực hiện trong những năm 1939-1945 ở nước ta

- A. chính sách kinh tế chỉ huy.
- B. tăng thuế cũ đặt thêm thuế mới.
- C. bắt nhân dân ta nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu.
- D. kiểm soát gắt gao việc sản xuất và phân phối ấn định giá cả.

**Câu 10:** Vì sao Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương 11/1939 quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu?

- A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai phát triển gay gắt.
- B. Nước Pháp bị Đức chiếm đóng làm cho quân Pháp ở Đông Dương suy yếu.
- C. Quân phiệt Nhật hoàn thành việc xâm lược và thống trị nhân dân Đông Dương.
- D. Nhân dân Việt Nam chịu hai tầng áp bức Pháp và Nhật.

**Câu 11:** Điểm chung của Hội nghị tháng 11/1939 và Hội nghị lần thứ 8 (5/1941) của Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương đã xác định nhiệm vụ

- A. cách mạng ruộng đất.
- B. giải phóng dân tộc.
- C. khởi nghĩa từng phần.
- D. tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

**Câu 12:** Hội nghị tháng 11/1939 và hội nghị lần thứ 8 (5/1941) của Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương có điểm khác biệt về

- A. việc giải quyết quyền lợi về ruộng đất cho nông dân.
- B. việc xác định hình thức chính quyền cách mạng.
- C. chủ trương đoàn kết các lực lượng dân tộc.
- D. chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc tự quyết.

**Câu 13:** Trung ương đảng và Nguyễn Ái Quốc chuyển hướng đấu tranh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu trong thời kì 1939-1945 là vì

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị Đức chiếm đóng.
- B. phát xít Nhật vào Việt Nam, Pháp – Nhật câu kết bóc lột nhân dân ta.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với Pháp - Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ, vấn đề các dân tộc Đông Dương trở nên bức thiết.
- D. Pháp-Nhật đẩy nhân dân ta tới chỗ cùng cực, nạn đói cuối năm 1944 đầu năm 1945 gần 2 triệu người chết đói.

**Câu 14:** Khi về Việt Nam đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa cách mạng vì đó là nơi có

- A. lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển.
- B. các đội du kích địa phương hoạt động mạnh.
- C. hệ thống đường giao thông phát triển đồng bộ.
- D. lực lượng dân quân tự vệ phát triển mạnh.

**Câu 15:** Căn cứ vào đâu mà hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5/1941) đã đưa ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc ?

- A. Tình hình thế giới.
- B. Kẻ thù của dân tộc ta là thực dân Pháp.

C. Quá trình chuẩn bị của Đảng.

D. Tình hình trong nước và tình hình thế giới.

**Câu 16:** Điểm mới Hội nghị tháng 5/1941 so với Hội nghị tháng 11/1939 của Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương là

A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. Đặt ra nhiệm vụ cải cách ruộng đất.

C. Xác định hình thái khởi nghĩa.

D. Giải quyết vấn đề trong khuôn khổ từng nước.

**Câu 17:** Hội nghị Ban chấp hành Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (5/1941) đã chủ trương thành lập

A. Hội Liên Việt.

B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Mặt trận dân chủ.

D. Mặt trận Việt Minh.

**Câu 18:** Mặt trận nào có vai trò quan trọng nhất trong quá trình chuẩn bị trực tiếp cho Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám?

A. Mặt trận Liên Việt.

B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

C. Mặt trận Dân chủ.

D. Mặt trận Việt Minh.

**Câu 19:** Nguyễn Ái Quốc quyết định về nước vào tháng 1/1941 là để

A. do chỉ đạo của Quốc tế cộng sản.

B. do đề nghị của Đảng cộng sản Đông Dương.

C. chuẩn bị mọi mặt cho tổng khởi nghĩa.

D. vì Người xa Tổ Quốc quá lâu.

**Câu 20:** Căn cứ địa cách mạng đầu tiên được Đảng ta xây dựng trong năm 1940 là

A. Ba Tơ- Quảng Ngãi.

B. Bắc Sơn-Võ Nai.

C. khu giải phóng Việt Bắc.

D. Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

**Câu 21:** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941) đã xác định nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng toàn dân là

A. xây dựng lực lượng vũ trang.

B. xây dựng căn cứ địa cách mạng.

C. khởi nghĩa từng phần.

D. chuẩn bị khởi nghĩa.

**Câu 22:** Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Đội Cứu quốc quân thống nhất thành

A. Trung đội Cứu quốc quân I.

B. Trung đội Cứu quốc quân II.

C. Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

D. Việt Nam Giải phóng quân.

**Câu 23:** Trong quá trình tiến tới chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Nam, đến năm 1942 khắp các châu của Cao Bằng đều có

A. hội Đồng minh.

B. hội Cứu quốc.

C. hội Phản phong.

D. hội Phản đế.

**Câu 24:** Trong bản chỉ thị « Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta » ngày 12-3-1945, Đảng đã nhận định

A. cuộc đảo chính đã tạo thời cơ cho cách mạng tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền.

B. cuộc đảo chính đã tạo ra sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, song điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi.

C. cuộc đảo chính đã loại được một kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân dân Việt Nam là thực dân Pháp.

D. sau cuộc đảo chính kẻ thù duy nhất của nước ta là phát xít Nhật nên cần tập trung lực lượng để đánh đuổi Nhật.

**Câu 25:** Ý nghĩa lịch sử của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương lần thứ 8 (5/1941) đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong giai đoạn 1939-1945

A. giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tập trung mọi lực lượng để giải phóng dân tộc.

B. hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng đã đề ra tại Hội nghị tháng 11/1939.

C. giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân, thành lập các hội cứu quốc.

D. củng cố được khối đoàn kết toàn dân, đưa cả nước bước vào thời kì vận động cứu nước.

**Câu 26:** Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ĐCS Đông Dương lần thứ 8 (5/1941) chủ trương hoàn thành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
- C. Cách mạng tư sản dân quyền.
- D. Cách mạng giải phóng dân tộc.

**Câu 27:** Với chủ trương giương cao ngọn cờ dân tộc, tạm gác việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng ruộng đất trong giai đoạn 1939-1945, Đảng cộng sản Đông Dương đã

- A. đáp ứng đúng nguyện vọng số một của giai cấp nông dân Việt Nam.
- B. thực hiện đúng chủ trương của Luận cương chính trị 10-1930.
- C. tập trung giải quyết những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam.
- D. bắt đầu nhận ra khả năng chống đế quốc của trung và tiểu địa chủ.

**Câu 28:** Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta hoàn chỉnh công việc chuẩn bị chủ trương đường lối cho cách mạng tháng Tám ?

- A. Hội nghị trung ương tháng 11/1939.
- B. Hội nghị trung ương 8 tháng 5/1941.
- C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 13 đến 15/8/1945).
- D. Đại hội quốc dân Tân Trào (từ 16 đến 18/8/1945).

**Câu 29:** Nội dung nào sau đây **không** thuộc về quá trình chuẩn bị trực tiếp của Đảng cho tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám năm 1945 ?

- A. Xây dựng lực lượng chính trị.
- B. Xây dựng lực lượng vũ trang.
- C. Xây dựng chính quyền mới.
- D. Xây dựng căn cứ địa cách mạng.

**Câu 30:** Trong những ngày tiền khởi nghĩa đông đảo nông dân tham gia vào

- A. các cuộc khởi nghĩa từng phần.
- B. các cuộc biểu tình bãi công, bãi thị chống Nhật.
- C. “phá kho thóc Nhật, giải quyết nạn đói”.
- D. thực hiện chiến tranh du kích.

**Câu 31:** Trong quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền (1941-1945) một trong những nhiệm vụ cấp bách của ĐCS Đông Dương là vận động quần chúng nhân dân tham gia vào

- A. Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- C. Mặt trận Dân chủ.
- D. Mặt trận Việt Minh.

**Câu 32:** Ngày 4/6/1945, theo chỉ thị của chủ tịch Hồ Chí Minh, khu giải phóng chính thức được thành lập gọi là

- A. khu Giải phóng Việt Bắc.
- B. khu Giải phóng miền Bắc.
- C. khu Giải phóng Cao-Bắc-Lạng.
- D. khu Giải phóng Hà-Tuyên-Thái.

**Câu 33:** Thời cơ khách quan thuận lợi để Đảng ta quyết định ban bố lệnh Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc ?

- A. vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- B. Nhật đảo chính Pháp.
- C. quân Đồng minh đã vào nước ta.
- D. Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện.

**Câu 34:** Những địa phương nào giành chính quyền sớm nhất cả nước trong cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ?

- A. Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.
- B. Hà Nội, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn.
- C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- D. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng.

**Câu 35:** Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) là

- A. phát xít Nhật.
- B. đế quốc Pháp và tay sai.
- C. đế quốc Pháp.
- D. đế quốc Pháp - Nhật.



**Câu 36:** Bản chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (3/1945) đã xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương

- A. phát xít Nhật.
- B. đế quốc Pháp và tay sai.
- C. đế quốc Pháp.
- D. đế quốc Pháp - Nhật.

**Câu 37:** Bản chỉ thị "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (3/1945) được Ban thường vụ Trung ương đảng đề ra ngay sau khi

- A. Nhật đầu hàng Đồng minh.
- B. Nhật đảo chính Pháp.
- C. Nhật vào Đông Dương.
- D. Quân Đức đầu hàng Đồng minh.

**Câu 38:** Thông qua kế hoạch lãnh đạo khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội đối ngoại sau khi giành chính quyền. Đó là nội dung được thông qua tại

- A. hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng (3/1945).
- B. đại hội Quốc dân Tân Trào (8/1945).
- C. hội nghị Quân sự Bắc Kỳ (4/1945).
- D. hội nghị Toàn quốc của Đảng (8/1945).

**Câu 39:** Trong cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945, tù chính trị đã nổi dậy giành chính quyền ở

- A. Ba Tơ.
- B. Bắc Sơn.
- C. Sơn La.
- D. Hỏa Lò.

**Câu 40:** Trước Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, căn cứ địa chính của cách mạng cả nước và là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới được thể hiện qua

- A. Căn cứ địa Việt Bắc.
- B. Chiến khu Việt Bắc.
- C. Khu giải phóng Việt Bắc.
- D. Căn cứ Bắc Sơn-Võ Nhai.

**Câu 41:** Ngày 30/8/1945, vị vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam tuyên bố thoái vị

- A. Bảo Đại.
- B. Khải Định.
- C. Đồng Khánh.
- D. Duy Tân.

**Câu 42:** Thời cơ "ngàn năm có một" trong cách mạng tháng Tám năm 1945 tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp đến Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- B. Từ khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh kéo vào nước ta.
- C. Từ ngày 6/8/1945 Nhật bị Mỹ ném bom nguyên tử đến Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
- D. Từ ngày 15/8/1945 Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

**Câu 43:** Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã "mở ra bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc ta" vì ?

- A. Đã kết thúc hoàn toàn ách đô hộ của phát xít Nhật.
- B. Góp phần đánh bại chủ nghĩa phát xít trên toàn thế giới.
- C. Mở ra kỉ nguyên độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Đã lật đổ Pháp, ách thống trị của Nhật và ngai vàng phong kiến. Đất nước độc lập, tự do.

**Câu 44:** Nguyên nhân quyết định thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945?

- A. Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- B. Sự đoàn kết của các giai cấp tầng lớp trong xã hội Việt Nam.
- C. Do sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- D. Hoàn cảnh chiến tranh có nhiều thuận lợi, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

**Câu 45:** Sau khi về Việt Nam năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng

- A. khu giải phóng Việt Bắc.
- B. trung tâm chỉ đạo kháng chiến.
- C. sở chỉ huy chiến dịch.
- D. căn cứ địa cách mạng.

**Câu 46:** Sau khi về Việt Nam năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn cứ cách mạng vì

- A. lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển.
- B. địa hình thuận lợi để phát triển lực lượng.
- C. nhiều căn cứ du kích đã được xây dựng.
- D. các tổ chức cứu quốc đã được thành lập.

**Câu 47:** Yếu tố nào dưới đây có tác dụng làm cho Cách mạng tháng Tám, nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu ?

- A. Do thời cơ khách quan thuận lợi.
- C. Do Đảng ta chỉ đạo.

- B. Do thời cơ chủ quan thuận lợi.
- D. Do nhân dân ta yêu nước.

**Câu 48:** Cho các sự kiện sau:

- 1. Giành chính quyền ở Hà Nội.
- 3. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.

- 2. Giành chính quyền ở Huế.
- 4. Giành chính quyền ở Sài Gòn.

Hãy sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự thời gian

- A. 1,2,3,4.
- B. 1,2,4,3.
- C. 3,2,4,1.
- D. 4,3,1,2.

**Câu 49:** Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 nhân dân ta đã giành chính quyền từ lực lượng nào?

- A. Thực dân Pháp.
- C. Chính phủ Trần Trọng Kim.
- B. Triều Nguyễn.
- D. Phát xít Nhật.

**Câu 50:** Nhận xét nào dưới đây về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là không đúng?

- A. Đây là cuộc cách mạng có tính nhân dân sâu sắc.
- B. Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân tộc điển hình.
- C. Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân chủ điển hình.
- D. Đây là cuộc cách mạng có tính chất bạo lực rõ nét.

**Câu 51:** Nhận xét nào dưới đây về Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là **không đúng**?

- A. Đây là cuộc cách mạng diễn với sự kết hợp lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang.
- B. Đây là cuộc ra cách mạng diễn ra nhanh, gọn, ít đổ máu, bằng phương pháp hòa bình.
- C. Đây là cuộc cách mạng có sự kết hợp khởi nghĩa ở nông thôn và thành thị.
- D. Đây là cuộc cách mạng đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

**Câu 52:** Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam là cuộc cách mạng

- A. không mang tính bạo lực.
- C. không mang tính cải lương.
- B. có tính dân chủ điển hình.
- D. chỉ mang tính chất dân tộc.

**Câu 53:** Lực lượng vũ trang có vai trò như thế nào trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Nòng cốt quyết định thắng lợi.
- C. Xung kích, hỗ trợ lực lượng chính trị.
- B. Quan trọng đưa đến thắng lợi.
- D. Đông đảo, quyết định thắng lợi.

**Câu 54:** Chính sách bóc lột của Pháp và Nhật đã dẫn tới hậu quả là

- A. Nền kinh tế lâm vào tình trạng kiệt quệ.
- C. hình thành nhiều giai cấp mới.
- B. Gần 2 triệu đồng bào ta chết đói.
- D. Pháp lệ thuộc vào Nhật.

**Câu 55:** Điểm mới của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (5/1941) so với Luận cương chính trị 10/1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương là chủ trương

- A. thành lập nhà nước của toàn dân tộc.
- B. thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng riêng.
- C. hoàn thành triệt để nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.
- D. thành lập hình thức chính quyền công nông binh.

**Câu 56:** Ngày 30/8/1945, vị vua Bảo Đại của chế độ phong kiến Việt Nam tuyên bố thoái vị là sự kiện đánh dấu

- A. nhiệm vụ dân tộc của cách mạng hoàn thành.
- B. nhiệm vụ dân chủ của cách mạng hoàn thành.
- C. chế độ phong kiến Việt Nam sụp đổ.
- D. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước.

**Câu 57:** Góp phần vào thắng lợi chống chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc là thắng lợi của

- A. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.
- B. cách mạng Cuba năm 1959.
- C. cách mạng Trung Quốc năm 1949.
- D. cách mạng dân chủ nhân dân Đông Âu.



## BÀI 17: NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU 2-9-1945 ĐẾN TRƯỚC 19-12-1946

**Câu 1:** Những thuận lợi của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công là gì?

- A. Quân Trung Hoa Dân quốc vào miền Bắc giải giáp quân Nhật.
- B. Chính phủ Việt Nam nắm giữ Ngân hàng Đông Dương.
- C. Quân Anh vào miền Nam giải giáp quân Nhật.
- D. Nhân dân giành được quyền làm chủ.

**Câu 2:** Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, các thế lực nội xâm, ngoại phản có âm mưu

- A. biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.
- B. mở đường cho Mĩ xâm lược Việt Nam.
- C. chống phá cách mạng Việt Nam.
- D. giúp Trung Hoa Dân quốc chiếm Việt Nam.

**Câu 3:** Ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, để giải quyết mù chữ Hồ Chí Minh phát động phong trào gì?

- A. Cải cách giáo dục.
- B. Bình dân học vụ.
- C. Bỏ tục văn hóa.
- D. Thi đua “dạy tốt học tốt”.

**Câu 4:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Đồng minh nào vào nước ta ?

- A. Anh, Mĩ.
- B. Anh, Trung Hoa dân quốc.
- C. Trung Hoa Dân quốc.
- D. Liên Xô, Trung Quốc.

**Câu 5:** Tình hình tài chính nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. bước đầu được khôi phục.
- B. hầu như trống rỗng.
- C. phụ thuộc vào Pháp.
- D. phụ thuộc vào Nhật.

**Câu 6:** Tàn dư văn hóa lạc hậu do chế độ thực dân, phong kiến để lại sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào?

- A. Nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng.
- B. Hơn 90% dân số không biết chữ.
- C. Nền văn hóa phong kiến lạc hậu.
- D. Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

**Câu 7:** Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, khó khăn nguy hiểm nhất của nước ta là

- A. nạn đói tiếp tục đe dọa đời sống của nhân dân.
- B. tệ nạn xã hội, 90% dân số mù chữ.
- C. chính quyền cách mạng còn non trẻ.
- D. giặc ngoại xâm, nội phản phá hoại.

**Câu 8:** Nội dung nào sau đây **không** phải là yếu tố thuận lợi của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ?

- A. Quân Đồng minh tiến vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật.
- B. Nhân dân ta giành được chính quyền nên phấn khởi và gắn bó với chế độ.
- C. Cách mạng nước ta có Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.
- D. Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới nổ ra mạnh mẽ.

**Câu 9:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng Đồng minh vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16 Đông Dương ?

- A. Quân Pháp.
- B. Quân Mĩ.
- C. Quân Anh.
- D. Quân Trung Hoa Dân quốc

**Câu 10:** Quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai vào nước ta thực chất nhằm mục đích gì ?

- A. Tước khí giới quân đội Nhật.
- B. Giúp đỡ chính quyền cách mạng nước ta.
- C. Nhằm lật đổ chính quyền cách mạng.
- D. Nhằm tiêu diệt quân Đồng minh.

**Câu 11.** Lí do ta chủ trương hòa hoãn và nhân nhượng với quân Trung Hoa Dân quốc là

- A. chính quyền ta còn non trẻ chưa đủ sức đánh bại 20 vạn quân.
- B. quân Trung Hoa có Mĩ hỗ trợ.
- C. tránh trường hợp đối phó một lúc với nhiều kẻ thù.
- D. hạn chế Pháp- Hoa câu kết với nhau.

**Câu 12:** Để khắc phục khó khăn về tài chính, trong năm 1946 chính phủ đã

- A. phát động tăng gia sản xuất.
- B. phát động “Quý độc lập”, “tuần lễ vàng”.

C. phát động phong trào « nhường cơm sẻ áo ».

D. phát động ngày đồng tâm.

**Câu 13:** Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập “Nha bình dân học vụ” để thực hiện nhiệm vụ gì ?

A. Chống “giặc đói”.

B. Cải cách giáo dục.

C. Bỏ túc văn hóa.

D. Khai giảng các bậc học.

**Câu 14:** Cuộc vận động xây dựng “Quỹ độc lập”, phong trào “Tuần lễ vàng” do chính phủ phát động nhằm mục đích

A. giải quyết khó khăn về mặt tài chính.

B. phục vụ đời sống nhân dân.

C. giải quyết nạn đói.

D. khôi phục sản xuất nông nghiệp.

**Câu 15:** Để giải quyết căn bản nạn đói, chủ tịch Hồ Chí Minh và chính phủ đã kêu gọi nhân dân

A. tăng gia sản xuất.

B. nhường cơm sẻ áo.

C. tổ chức “ngày đồng tâm”.

D. lập “hũ gạo cứu đói”.

**Câu 16:** Việc giải quyết thành công nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam có ý nghĩa gì ?

A. Đánh dấu hoàn thành nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến.

B. Tạo cơ sở để các nước XHCN công nhận Việt Nam.

C. tạo cơ sở thực lực để kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp.

D. Góp phần tạo sức mạnh để bảo vệ chế độ mới.

**Câu 17:** Bầu cử Quốc hội khóa I và Hội đồng nhân các cấp ở Việt Nam có tác dụng như thế nào sau cách mạng tháng Tám năm 1945 ?

A. Làm cho bộ máy nhà nước từng bước được kiện toàn.

B. Nâng cao uy tín quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. làm cho các cơ quan tư pháp cơ sở được hoàn thiện.

D. Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 18 :** Thành công của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1946) ở Việt Nam chứng tỏ

A. sự ủng hộ to lớn của cộng đồng quốc tế đối với Việt Nam.

B. quyền lực nhà nước thuộc về cơ quan hành pháp.

C. nhân dân có tinh thần đoàn kết và ý thức làm chủ.

D. nhân dân bước đầu giành chính quyền làm chủ đất nước.

**Câu 19:** Nội dung nào dưới đây thể hiện quan hệ giữa Việt Nam và Pháp từ sau 2-9-1945 đến trước 6-3-1946?

A. Hòa hoãn, tránh xung đột.

B. Đối đầu trực tiếp về quân sự.

C. Thương lượng để chấm dứt xung đột.

D. Vừa đánh vừa đàm.

**Câu 20:** Từ 6-3-1946 đến trước 19-12-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện đối sách gì với Pháp ?

A. Đối đầu trực tiếp về quân sự.

B. Từ chối tham gia Liên hiệp Pháp.

C. Không nhân nhượng về kinh tế.

D. Hòa hoãn, nhân nhượng.

**Câu 21:** Pháp kí với quân Trung Hoa Dân quốc Hiệp ước Hoa-Pháp 2-1946 để thực hiện âm mưu gì?

A. Phối hợp với quân Trung Hoa Dân quốc giải giáp quân Nhật.

B. Phối hợp với quân Trung Hoa Dân quốc để xâm lược Việt Nam lần hai.

C. Ra miền Bắc Việt Nam chia sẻ quyền lợi với quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Đưa quân ra Bắc để hoàn thành việc xâm lược Việt Nam.

**Câu 22:** Trong văn kiện ngoại giao nào dưới đây, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nhân nhượng đối phương về không gian để có thời gian đưa cách mạng tiếp tục tiến lên ?

A. Hiệp định Pari năm 1973.

B. Hiệp định sơ bộ 6-3-1946.

C. Tạm ước Việt Pháp 14-9-1946.

D. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

**Câu 23:** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) nhằm

- A. buộc Pháp thừa nhận Việt Nam là quốc gia tự do.
- B. tạo điều kiện để quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật.
- C. tránh việc một lúc phải chống lại nhiều thế lực ngoại xâm.
- D. buộc Pháp thừa nhận Việt Nam là quốc gia dân chủ.

**Câu 24:** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) có tác dụng như thế nào ?

- A. Chuyển quan hệ Việt Nam và Pháp từ đối đầu sang đối thoại.
- B. Tạo thời gian hòa bình để Việt Nam tổ chức bầu cử.
- C. Giúp Việt Nam ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với Pháp.
- D. Thể hiện thiện chí hòa bình của hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

**Câu 25:** Trong bối cảnh Hiệp ước Pháp-Hoa được kí kết, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thực hiện chủ trương gì ?

- A. Hòa với Pháp để tiến đánh quân Trung Hoa dân quốc.
- B. Hòa hoãn và nhân nhượng có nguyên tắc với thực dân Pháp.
- C. Phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- D. Chiến đấu chống Pháp và quân Trung Hoa dân quốc.

**Câu 26:** Chính phủ ta kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 14/9/1946 với Pháp có tác dụng gì?

- A. Nhanh chóng tiêu diệt 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc.
- B. Đẩy quân Trung Hoa Dân quốc đánh nhau với thực dân Pháp.
- C. Có thời gian chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc chiến đấu lâu dài với Pháp.
- D. Trấn áp các tổ chức cách mạng trong nước.

**Câu 27:** Nội dung nào dưới đây **không nằm** trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 ?

- A. Ta tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế-văn hóa.
- B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.
- C. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc và rút dần trong 5 năm.
- D. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.

**Câu 28:** Bản Tạm ước ngày 14/9/1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với đại diện Chính phủ Pháp có ý nghĩa ?

- A. tránh được cuộc đối đầu bất lợi, vì phải chống nhiều kẻ thù cùng một lúc.
- B. có thời gian chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
- C. tránh được cuộc chiến tranh với thực dân Pháp.
- D. đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

**Câu 29:** Bản Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với G.Xanh-toni đại diện Chính phủ Pháp đã

- A. thừa nhận quyền bình đẳng, tự quyết của nhân dân Việt Nam.
- B. công nhận sự thống nhất của nước Việt Nam.
- C. công nhận sự nền độc lập của nước Việt Nam.
- D. công nhận các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam.

**Câu 30:** Bài học kinh nghiệm từ việc kí Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 được Đảng ta vận dụng như thế nào trong chính sách đối ngoại hiện nay ?

- A. Lợi dụng sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế.
- B. Kiên trì trong đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia.
- C. Sự đồng thuận trong việc giải quyết tranh chấp.
- D. Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

**Câu 31:** Chủ trương của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với quân Trung Hoa Dân quốc từ sau 2-9-1945 đến trước ngày 6/3/1946 là

- A. hòa hoãn, tránh xung đột.
- B. hòa hoãn, tích cực.
- C. vừa đánh vừa đàm.
- D. kiên quyết đối phó.

**Câu 32:** Thắng lợi của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt ngoại giao trong việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) là

- A. đuổi được quân Trung Hoa Dân quốc về nước.
- B. buộc Pháp phải công nhận nước Việt Nam là quốc gia tự do.
- C. thể hiện thiện chí hòa bình của dân tộc ta.
- D. tránh được cuộc xung đột với Pháp ở miền Bắc.

**Câu 33:** Nội dung nào sau đây là quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946 ?

- A. Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc.
- B. Pháp công nhận nước ta là nước độc lập, có chính quyền và quân đội riêng.
- C. Pháp công nhận nước ta là nước tự do, có chính quyền riêng, quân đội riêng.
- D. Hai bên ngừng bắn tại Nam Bộ.

**Câu 34:** Điều khoản nào trong Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) có lợi thực tế cho ta ?

- A. Ta tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế-văn hóa.
- B. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ.
- C. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc và rút dần trong 5 năm.
- D. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.

**Câu 35:** Việc kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và bản Tạm ước (14/9/1946) với Pháp chứng tỏ

- A. Chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng và chính phủ ta.
- B. Sự thỏa hiệp của Đảng và chính phủ ta.
- C. Sự thắng lợi của Pháp trên mặt trận ngoại giao.
- D. Sự suy yếu của lực lượng cách mạng.

**Câu 36:** Nội dung cơ bản của bản tạm ước ngày 14/9/1946 được kí kết giữa chủ tịch Hồ Chí Minh và đại diện chính phủ Pháp là

- A. ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.
- B. ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về chính trị và quân sự.
- C. ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.
- D. ta chấp nhận để 15.000 quân Pháp ra miền Bắc nước ta.

**Câu 37:** Theo thỏa thuận tại Hội nghị Pôxtam(1945), quân Trung Hoa Dân quốc vào Việt Nam giải giáp quân Nhật từ

- A. vĩ tuyến 17 trở vào Nam.
- B. vĩ tuyến 16 trở vào Nam.
- C. vĩ tuyến 17 trở ra Bắc.
- D. vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

**Câu 38.** Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí bản Hiệp định Sơ bộ với đại diện chính phủ nước nào sau đây?

- A. Nhật Bản.
- B. Mĩ.
- C. Anh.
- D. Pháp.

**Câu 39:** Ý nghĩa những sách lược đấu tranh chống ngoại xâm trong hơn năm đầu sau Cách mạng tháng Tám của Đảng và Chính phủ Việt Nam là

- A. đánh bại hoàn toàn âm mưu xâm lược Việt Nam lần thứ hai của Pháp.
- B. thể hiện đường lối vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược.
- C. kế thừa truyền thống yêu nước, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam.
- D. Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát huy được thuận lợi quốc tế.

**Câu 40:** Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ.(6/3/1946), Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã

- A. đập tan được âm mưu xâm lược cả nước ta của thực dân Pháp.
- B. đuổi được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc về nước, có thời gian hoà bình.
- C. giữ vững được độc lập, bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Tám.
- D. Mĩ bị phá âm mưu sử dụng tay sai là Trung Hoa Dân quốc để đối phó với Anh.

**Câu 41:** Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thay đổi sách lược từ chỗ hoà hoãn với Trung Hoa Dân quốc sang hoà hoãn với thực dân Pháp là do

- A. sau khi chiếm được Nam Bộ, quân Pháp chuẩn bị tiến công ra Bắc.
- B. Chính phủ Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa - Pháp (2/1946).

C. Trung Hoa Dân quốc không phải là kẻ thù nguy hiểm của cách mạng.

D. quân Anh đang giúp đỡ quân Pháp để tiến quân xâm lược miền Bắc.

**Câu 42: Trước sự công kích của kẻ thù, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương có biện pháp gì để tiếp tục lãnh đạo đất nước và chính quyền cách mạng?**

A. ra hoạt động công khai.

B. thay đổi tên gọi của Đảng,

C. tuyên bố “tự giải tán”.

D. phân tán thành Chi bộ để hoạt động.

**Câu 43: Tại kì họp đầu tiên (2/3/1946) Quốc hội khoá I đã đồng ý nhân nhượng cho quân Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về tài chính là**

A. nhận tiêu tiền Trung Quốc trên thị trường. B. cho phép mở Ngân hàng Đông Dương.

C. cho phép chúng thu các loại thuế.

D. cho chúng phát hành tiền Đông Dương.

**Câu 44: Khi vào giải giáp phát xít Nhật ở Bắc vĩ tuyến 16 Việt Nam, quân Trung Hoa Dân quốc kéo theo các tổ chức phản động là**

A. Chính phủ Trần Trọng Kim.

B. Việt Quốc và Việt Cách,

C. Đại Việt Dân chính Đảng.

D. những người Trótkít.

**Câu 45: Để chủ động về tài chính, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã quyết định**

A. quản lí ngân hàng và sử dụng đồng tiền Đông Dương của Pháp.

B. nhận tiêu các loại tiền do Trung Hoa Dân quốc mang vào Việt Nam.

C. cho lưu hành tiền Việt Nam thay cho tiền Đông Dương của Pháp.

D. chỉnh đốn chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng.

**Câu 46: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đề ra những biện pháp cấp thiết gì nhằm giải quyết nạn đói?**

A. Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo.

B. Tăng gia sản xuất, giảm tô thuế, chia ruộng đất công.

C. Tổ chức quyên góp, điều hoà thóc gạo, nghiêm trị nạn đầu cơ.

D. Thực hiện cách mạng ruộng đất, làm cho người cày có ruộng.

**Câu 47: Việc quan trọng nhất để củng cố chính quyền dân chủ nhân dân của Đảng và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là**

A. tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

B. chuẩn bị lực lượng để kháng chiến chống Pháp.

C. tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

D. đối phó với lực lượng Đồng minh.

## **BÀI 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ( 1946-1950 )**

**Câu 1.** Vì sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai năm 1946 bùng nổ?

A. Pháp bội ước và tiến công nước ta.

B. Pháp gửi tối hậu thư cho ta.

C. Nhân dân ta căm thù thực dân Pháp xâm lược.

D. Đảng phát động toàn quốc kháng chiến.

**Câu 2:** Đảng Cộng sản và Chính phủ Việt Nam quyết định phát động hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ (1945-1975) đều xuất phát từ

A. sự uỷ nhiệm của Liên Xô và Trung Quốc.

B. tác dụng cục diện hai phe, hai cực.

C. phản ứng tất yếu trước nguy cơ bị xâm lược.

D. yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc.

**Câu 3:** Những văn kiện nào sau đây mang nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946-1954: 1. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh; 2. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng bí thư Trường Chinh; 3. Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam của Tổng bí thư Trường Chinh; 4. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Ban thường vụ Trung ương Đảng.

A. 1,2,3,4.

B. 1,2,3.

C. 1,2,4.

D. 2,3,4.

**Câu 4:** Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng giai đoạn 1946-1954 là

A. lâu dài lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, toàn dân, toàn diện cả nước đánh giặc.

B. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cách sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

C. kết hợp chính trị, quân sự, ngoại giao, quốc phòng an ninh phối hợp nhiều lĩnh vực.

D. vừa đánh vừa đàm phán, kéo dài thời gian cho địch suy yếu để tiêu diệt.



**Câu 5:** Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 từ 12/1946 đến đầu năm 1947 có ý nghĩa gì?

- A. Tiêu diệt một lực lượng quan trọng của địch.
- B. Đánh bại âm mưu mở rộng xâm lược của Pháp.
- C. Tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.
- D. Không cho Pháp tiến công lên Việt Bắc.

**Câu 6:** Nhiệm vụ chủ yếu của quân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 từ 12/1946 đến đầu năm 1947 là gì?

- A. Bảo vệ Hà Nội và các đô thị.
- B. Củng cố hậu phương kháng chiến.
- C. Tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch.
- D. Giam chân Pháp tại các đô thị.

**Câu 7:** Âm mưu của thực dân Pháp khi mở chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 là

- A. theo chân bộ đội ta lên Việt Bắc để chấp nhận đánh nhau.
- B. bao vây căn cứ kháng chiến của quân ta.
- C. đánh chiếm khu vực Việt Bắc và kết thúc chiến tranh.
- D. tiêu diệt cơ quan lãnh đạo của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**Câu 8:** Khi quân Pháp tiến công lên Việt Bắc ngày 7-10-1947, Đảng ta có chỉ thị

- A. quyết tâm tiêu diệt quân Pháp.
- B. phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của Pháp.
- C. phải đánh nhanh thắng nhanh.
- D. phải chấp nhận đánh lâu dài với giặc Pháp.

**Câu 9:** Chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947 có ý nghĩa như thế nào?

- A. Buộc thực dân Pháp chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài.
- B. Quân ta làm chủ chiến trường chính ở Bắc Bộ, bộ đội ta lớn mạnh mọi mặt.
- C. Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng hơn bao giờ hết.
- D. Ta có thể liên lạc với các nước XHCN anh em.

**Câu 10:** Nội dung nào **không phải** là mục đích khi ta mở chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950?

- A. Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.
- B. Khai thông đường sang biên giới Trung Quốc và thế giới.
- C. Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.
- D. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

**Câu 11:** Mở đầu chiến dịch Biên giới thu đông 1950 ta tiến công vào cứ điểm nào của quân Pháp?

- A. Lạng Sơn.
- B. Thất Khê.
- C. Đông Khê.
- D. Cao Bằng

**Câu 12:** Ý nghĩa của chiến thắng Biên giới thu- đông 1950 ?

- A. Quân Pháp bắt đầu đi từ thất bại này đến thất bại khác .
- B. Ta giành quyền chủ động trên chiến trường chính.
- C. Từ đây quân ta nhận được sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.
- D. Bộ đội ta ngày càng trưởng thành và giành nhiều thắng lợi.

**Câu 13:** Mục đích quan trọng nhất của Pháp khi tiến công lên Việt Bắc năm 1947 là

- A. tiêu diệt quân chủ lực của ta.
- B. bao vây, cô lập căn cứ địa Việt Bắc.
- C. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- D. triệt đường liên lạc quốc tế của ta.

**Câu 14:** Pháp khi tiến công lên Việt Bắc năm 1947 nhằm thực hiện kế hoạch gì?

- A. Đánh lâu dài.
- B. Đánh nhanh thắng nhanh.
- C. Dùng người Việt đánh người Việt.
- D. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

**Câu 15:** Trong các chiến thắng sau chiến thắng nào đã đưa quân ta giành thế chủ động chiến trường?

- A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.
- C. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 16:** trận đánh quyết định trong chiến dịch Biên Giới thu đông năm 1950?

A. Lạng Sơn.

B. Thất Khê.

C. Đông Khê.

D. Cao Bằng

**Câu 17:** Chiến dịch nào ta loại khỏi vòng chiến đấu 6000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay thu nhiều phương tiện chiến tranh của địch?

A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954

B. Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 18:** Chiến dịch nào ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 tên địch, giải phóng vùng biên giới rộng lớn chọc thủng hành lang đông tây?

A. Chiến dịch Thượng Lào năm 1954

B. Chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu đông năm 1950.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

**Câu 19:** “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc...” là những câu được trích từ tài liệu nào?

A. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.

B. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”

C. “Tuyên ngôn độc lập”.

D. “Chỉ thị toàn dân kháng chiến”.

**Câu 20:** Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp 12/1946 là do

A. Việt Nam đã tranh thủ được sự ủng hộ của quốc tế.

B. quá trình chuẩn bị lực lượng của Việt Nam đã hoàn tất.

C. Pháp ráo riết chuẩn bị lực lượng quân sự để xâm lược Việt Nam.

D. Việt Nam không thể sử dụng biện pháp hòa bình với Pháp được nữa.

**Câu 21:** Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống Pháp 12/1946 ngay sau khi

A. Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ.

B. Pháp chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn.

C. Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam.

D. cuộc đàm phán ở Phôngtennoblô thất bại.

**Câu 22:** Ngày 12 -12-1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị

A. Toàn dân kháng chiến.

B. Kháng chiến kiến quốc.

C. Kháng chiến toàn diện.

D. Trường kì kháng chiến.

**Câu 23:** “...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân pháp càng lấn tới” thể hiện nội dung gì sau đây?

A. Thiện chí hòa bình của Đảng, chính phủ ta.

B. Quyết tâm chống Pháp của nhân dân ta.

C. Quyết tâm xâm lược của Pháp.

D. Tội ác của thực dân Pháp.

**Câu 24:** Hãy cho biết những thắng lợi tiêu biểu của ta trong chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947 ?

A. Đông Khê, Thất Khê, Na Sầm.

B. Bông Lau, Đuan Hùng, Khe Lau.

C. Bông Lau, Đai Thị, Chiêm Hóa.

D. Chợ Đồn, Bắc Cạn, Bông Lau.

**Câu 25:** Điểm khác nhau của chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu-đông 1950 của quân dân Việt Nam là về

A. loại hình chiến dịch.

B. địa hình tác chiến.

C. đối tượng tác chiến.

D. lực lượng chủ yếu.

**Câu 26:** Chiến thắng Việt Bắc năm 1947 của quân dân Việt Nam đã buộc thực dân Pháp phải chuyển từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh sang

A. phòng ngự chiến lược.

B. chiến tranh tổng lực.

C. vừa đánh vừa đàm.

D. đánh lâu dài.

**Câu 27:** Chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) là chiến dịch

A. Việt Bắc năm 1947.

B. Biên giới năm 1950.

C. Thượng Lào năm 1954.

D. Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 28:** Đông Khê được chọn là nơi mở đầu chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950 của quân dân Việt Nam vì đó là vị trí

A. quan trọng nhất và tập trung binh lực cao nhất của Pháp.

B. án ngữ Hành lang Đông-Tây của thực dân Pháp.

C. ít quan trọng nên Pháp không chú ý phòng thủ.

D. có thể đột phá chia cắt tuyến phòng thủ của quân Pháp.

**Câu 29:** Nội dung nào dưới đây, **không** phản ánh đúng ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947?

A. Chứng tỏ sự đúng đắn trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.

B. Buộc thực dân Pháp chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài.

C. Quân đội Việt Nam giành quyền chủ động trên chiến trường chính ở Bắc bộ.

D. Mở ra một giai đoạn phát triển mới của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

**Câu 30:** Anh hùng đánh bộc phá cứ điểm Đông Khê trong chiến dịch Biên giới 1950 là

A. Cù Chính Lan.

B. La Văn Cầu.

C. Nguyễn Quốc Trị.

D. Phan Đình Giót.

**Câu 31:** Nội dung nào sau đây không phải là mục đích của Việt Nam khi mở chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950?

A. Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

B. Tạo thế và lực cho cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán.

C. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực quân Pháp.

D. Khai thông đường sang Trung Quốc và các nước trên thế giới.

**Câu 32:** Sau khi đã kí Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), thực dân Pháp đã

A. đẩy mạnh chiến tranh xâm lược nước ta.

B. thi hành nghiêm chỉnh những điều khoản đã kí kết.

C. tiếp tục đàm phán bằng phương pháp hoà bình.

D. dựa vào các văn kiện kí kết để thu lợi.

**Câu 33:** Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...” được hiểu là

A. yêu cầu bức thiết đặt ra cho cách mạng Việt Nam.

B. những nét cơ bản về cách đánh của nhân dân.

C. những loại vũ khí cơ bản của nhân dân trong kháng chiến.

D. những nét cơ bản của đường lối chiến tranh nhân dân.

**Câu 34:** Đường lối kháng chiến toàn quốc chống Pháp của Đảng đã xác định mục đích kháng chiến là

A. đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập hoàn toàn.

B. đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và bọn phản cách mạng.

C. tịch thu hết ruộng đất của phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”.

D. hai nhiệm vụ chiến lược là đánh đổ phong kiến và đế quốc quan hệ khăng khít với nhau.

**Câu 35:** Đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược lần thứ hai năm 1946 của Đảng thể hiện tính chất

A. dân tộc dân chủ.

B. toàn dân, toàn diện,

C. tự vệ chính nghĩa.

D. hoà bình, hữu nghị .

**Câu 36:** Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng xác định phương châm của cuộc kháng chiến toàn quốc là

A. tiến ăn chắc, đánh ăn chắc, không chắc thắng thì không đánh.

B. đánh nhanh, thắng nhanh, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Pháp tiến bộ.

C. trường kì và tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

D. phải tập trung nhanh nhất lực lượng và binh khí để đánh Pháp.

**Câu 37: Đầu năm 1947, để tiếp tục thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, thực dân Pháp đã đề ra kế hoạch**

- A. tiến công biên giới. B. tiến ra miền Bắc,  
C. tiến công thủ đô Hà Nội. D. tiến công Việt Bắc.

**Câu 38: Khi tiến công Việt Bắc năm 1947, thực dân Pháp sử dụng chiến thuật**

- A. ném bom căn cứ địa Việt Bắc.  
B. sử dụng các chiến thuật mới do Mỹ chỉ đạo.  
C. mở cuộc tiến công lớn ở Bắc bộ.  
D. tạo thành hai gọng kìm để bao vây Việt Bắc.

**Câu 39: Những trận thắng lớn bẻ gãy hai gọng kìm đông và tây bao vây Việt Bắc trong thu - đông năm 1947 là**

- A. trận Ngân Sơn và Khe Lau. B. trận đèo Bông Lau và trận Khe Lau.  
C. trận Chợ Đồn và trận đèo Bông Lau. D. trận Chợ Mới và trận Khe Lau.

**Câu 40: Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 là chiến dịch**

- A. phản công lớn đầu tiên của quân ta trong kháng chiến chống Pháp.  
B. phòng ngự tích cực của quân dân trong kháng chiến chống Pháp.  
C. phản công, đầu tiên của quân ta trên các chiến trường chính.  
D. tiến công lớn đầu tiên của quân ta trong kháng chiến chống Pháp.

**Câu 41: Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 đã làm thất bại hoàn toàn**

- A. âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn của giặc Pháp.  
B. ý đồ “đánh nhanh thắng nhanh” của giặc Pháp.  
C. mục tiêu phá căn cứ địa cách mạng Việt Nam của Pháp.  
D. ý đồ tiêu diệt quân chủ lực và triệt đường liên lạc quốc tế của ta.

**Câu 42: Một trong những thuận lợi mới cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam sau thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là**

- A. đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương.  
B. một số nước ở Đông Nam Á lần lượt được công nhận độc lập.  
C. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá thế độc quyền của Mỹ.  
D. Trung Quốc và Liên Xô lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

**Câu 43: Được sự giúp đỡ của Mỹ, tháng 5/1949, Chính phủ Pháp quyết định tiến công Việt Bắc lần thứ hai với kế hoạch mới là**

- A. kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh. B. kế hoạch Rove.  
C. kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi. D. kế hoạch Nava.

**Câu 44: Bước vào năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam gặp những khó khăn, thử thách mới là**

- A. chiến tranh Đông Dương ngày càng chịu tác động của hai phe TBCN và XHCN.  
B. Mỹ công nhận Chính phủ Bảo Đại (thành lập 7/1949).  
C. căn cứ địa Việt Bắc bị bao vây, vùng tự do của ta bị thu hẹp.  
D. Mỹ can thiệp sâu và “dính líu” trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.

**Câu 45: Để thực hiện kế hoạch Rove, từ tháng 6/1949, thực dân Pháp đã**

- A. tăng cường đánh chiếm căn cứ địa và các vùng tự do của ta.  
B. tăng cường phòng ngự trên Đường số 4, thiết lập “Hành lang Đông - Tây”.  
C. thành lập các binh đoàn lớn và mở rộng đánh chiếm vùng đồng bằng.  
D. tiến công chiến lược để bình định ở Trung Bộ và Nam Đông Dương.

**Câu 46: Nguồn động viên lớn nhất của bộ đội và chiến sĩ tham gia chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là**

- A. cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có sự ủng hộ của quốc tế.  
B. chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở được tăng cường.  
C. nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc đạt được nhiều thành tựu to lớn.  
D. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra trận để chỉ đạo chiến dịch và động viên bộ đội.

**Câu 47: Để khắc phục khó khăn, đưa cuộc kháng chiến phát triển lên một bước mới, tháng**

6/1950, Đảng và Chính phủ ta đã quyết định

- A. phát động toàn quốc kháng chiến.
- C. mở chiến dịch Biên giới.

- B. thành lập Ủy ban Kháng chiến Hành chính.
- D. mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới.

## BÀI 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953)

**Câu 1:** Tháng 12/1950 Mĩ kí với Pháp “Hiệp định Phòng thủ chung Đông Dương” nhằm mục đích gì ?

- A. Kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam.
- B. Mĩ hắt cẳng Pháp độc chiếm Đông Dương.
- C. Mĩ tham chiếm trực tiếp với Pháp ở Đông Dương.
- D. Mĩ từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

**Câu 2:** Ngày 23/12/1950 Mĩ kí với Pháp văn bản nào sau đây?

- A. Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương.
- B. Hiệp ước công nhận chính phủ Bảo Đại.
- C. Hiệp định viện trợ kinh tế tài chính.
- D. Hiệp ước hợp tác kinh tế Mĩ-Pháp.

**Câu 3:** Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam cuối năm 1950, Pháp đề ra kế hoạch quân sự Đờ lát Đờátxinhi với mong muốn là

- A. tăng cường tiềm lực của Pháp ở Đông Dương.
- B. củng cố và phát triển ngụy quân.
- C. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- D. giành quyền chủ động trên chiến trường Đông Dương.

**Câu 4:** Kế hoạch quân sự Đờ lát Đờátxinhi đã có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc kháng chiến của ta?

- A. Ta có thể đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- B. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày càng thuận lợi hơn.
- C. Làm cho cuộc kháng chiến của ta trở nên khó khăn và phức tạp.
- D. Ta có thể đàm phán với Pháp để chấm dứt chiến tranh.

**Câu 5:** Tại Đại hội đại biểu Đảng lần thứ II của ĐCS Đông Dương, Đảng ta ra hoạt động công khai với tên gọi

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Đảng Xã hội Việt Nam.

**Câu 6:** Nội dung nào **không** phản ánh đúng âm mưu của Mĩ ở Đông Dương trong những năm 1951-1954?

- A. Ngăn chặn ảnh hưởng của Chủ nghĩa xã hội.
- B. Đưa quân đội tham chiến trực tiếp.
- C. Từng bước thay chân Pháp.
- D. Quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương.

**Câu 7:** Năm 1953, thực dân Pháp gặp khó khăn nào trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Bước đầu để mất quyền chủ động.
- B. Mĩ cắt giảm nguồn viện trợ.
- C. Vùng chiếm đóng bị thu hẹp.
- D. Bị Mĩ ép kết thúc chiến tranh.

**Câu 8:** Điểm chung về mục đích của Kế hoạch Rơ-ve và kế hoạch quân sự Đờ Lát đờ Tátxinhi trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam 1945-1954 của thực dân Pháp là

- A. chuẩn bị tiến công lên Việt Bắc.
- B. giành quyền chủ động trên chiến trường.
- C. nhanh chóng kết thúc chiến tranh.
- D. khóa chặt biên giới Việt Trung.

**Câu 9:** Tháng 9/1951 Mĩ kí với Bảo Đại văn bản nào dưới đây nhằm ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ?

- A. Hiệp định Phòng thủ chung Đông Dương.
- B. Hiệp ước Công nhận chính phủ Bảo Đại.
- C. Hiệp định Viện trợ kinh tế tài chính.

D. Hiệp ước Hợp tác kinh tế Việt - Mỹ.

**Câu 10:** Trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương, từ 1950 đến 7/1954 Chính phủ Pháp đã nhận viện trợ của nước nào?

- A. Nhật                                      B. Mỹ.                                      C. Anh.                                      D. Đức.

**Câu 11:** Nhận định chung về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta từ năm 1951 đến năm 1953 là

- A. quân ta trưởng thành về mọi mặt, ta tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường.  
B. cuộc kháng chiến của ta ngày càng khó khăn do Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương.  
C. ta nhận được nhiều viện trợ từ các nước XHCN như Liên Xô, Cuba, Trung Quốc.  
D. quân đội ta chiến thắng khắp các mặt trận buộc Pháp ngày càng sa lầy ở Đông Dương.

**Câu 12:** “Gấp rút tập trung quân Âu - Phi nhằm xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh” là một trong những nội dung quan trọng của kế hoạch nào sau đây của Pháp thực hiện trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?

- A. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.                                      B. Kế hoạch Rơ ve.  
C. Kế hoạch Na Va.                                      D. Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.

**Câu 13:** Tại Đại hội đại biểu lần thứ II của ĐCS Đông Dương (2/1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thông qua văn kiện

- A. “Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam”.                                      B. “Báo cáo chính trị”  
C. “Luận cương chính trị”.                                      D. “ Tuyên ngôn, điều lệ Đảng”

**Câu 14:** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2/1951) có ý nghĩa là

- A. Đại hội xây dựng Chủ nghĩa xã hội.                                      B. Đại hội kháng chiến thắng lợi.  
C. Đại hội kháng chiến toàn dân.                                      D. Đại hội xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 15:** Cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam là

- A. báo Đại đoàn kết.                                      B. báo Thanh niên.  
C. báo Nhân dân.                                      D. Tạp chí cộng sản.

**Câu 16:** Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2/1951) quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một

- A. Đảng Mác-Lê nin.                                      B. Mặt trận thống nhất.  
C. Chính phủ liên hiệp.                                      D. lực lượng vũ trang.

**Câu 17:** Dựa vào đâu mà Pháp thực hiện kế hoạch quân sự Đờ Lát đơ Tátxinhi vào cuối năm 1950 ?

- A. Viện trợ của Mỹ.  
B. Sức mạnh quân sự của Pháp.  
C. Lực lượng người Việt trong quân đội Pháp.  
D. Kinh tế nước Pháp đã khôi phục sau chiến tranh.

**Câu 18:** Để vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh xâm lược Việt Nam, trong kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi (1950) thực dân Pháp chú trọng

- A. tập trung xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh.  
B. tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiếm.  
C. xây dựng phòng tuyến công sự bằng xi măng cốt sắt.  
D. đánh phá hậu phương kháng chiến bằng biệt kích, thổ phi.

**Câu 19:** Việc Mỹ đồng ý với Pháp thực hiện kế hoạch Rove (5-1949) là mốc mở đầu cho

- A. chính sách xoay trục của Mỹ sang khu vực châu Á-Thái Bình Dương.  
B. thời kì Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu ở khu vực Đông Nam Á.  
C. quá trình Mỹ dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.  
D. sự hình thành liên minh quân sự giữa hai cường quốc Pháp và Mỹ.

**Câu 20:** Từ năm 1950 đến năm 1954, Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương nhằm mục đích

- A. giúp đỡ Pháp.                                      B. giúp đỡ Việt Nam.  
C. thay thế Pháp.                                      D. kéo dài chiến tranh.

**Câu 21:** Cuối năm 1950, dựa vào sự viện trợ của Mỹ thực dân Pháp đề ra kế hoạch

- A. Bôlae.                      B. Rove.                      C. Đờ Lát đơ Tátxinhi.                      D. Nava.

**Câu 22:** Trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), sự kiện đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương là

- A. Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng.  
B. Đại hội thống nhất Mặt trận Liên Việt.  
C. Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất.  
D. Hội nghị thành lập Liên minh chiến đấu Việt — Miên - Lào.

## **BÀI 20: CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC PHÁP KẾT THÚC (1953-1954)**

**Câu 1:** Theo kế hoạch Nava, từ thu đông 1954 thực dân Pháp tiến công chiến lược ở Bắc Bộ nhằm giành thắng lợi quyết định về

- A. ngoại giao.                      B. chính trị và ngoại giao.                      C. quân sự.                      D. chính trị.

**Câu 2:** Tháng 9/1953, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương tập trung mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng mà lực lượng tương đối yếu nhằm

- A. làm thất bại kế hoạch tập trung binh lực của Pháp.  
B. giải phóng vùng Tây Bắc nhằm tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.  
C. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân sự của Pháp.  
D. buộc Pháp đàm phán kết thúc chiến tranh.

**Câu 3:** Trong thời kì 1945-1954, thắng lợi nào của quân đội và nhân dân Việt nam đã làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava của thực dân Pháp ?

- A. Chiến dịch Việt Bắc.                      B. Chiến dịch Thượng Lào.  
C. Chiến dịch Điện Biên Phủ.                      D. Chiến dịch Biên giới.

**Câu 4:** Ngày 7/5/1953, được sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp đề ra kế hoạch Nava trong điều kiện

- A. Pháp ngày càng sa lầy và thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.  
B. mong muốn kết thúc chiến tranh trong danh dự.  
C. thực dân Pháp đã giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.  
D. cuộc chiến tranh đang ở thế giằng co, bất phân thắng bại.

**Câu 5:** Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, thắng lợi nào đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi?

- A. Chiến dịch Việt Bắc.  
B. Cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953-1954.  
C. Chiến dịch Điện Biên Phủ.  
D. Chiến dịch Biên giới.

**Câu 6:** Tháng 5/1953, được sự thỏa thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử tướng Nava làm

- A. Cao ủy Pháp ở Đông Dương.  
B. Toàn quyền Pháp ở Đông Dương.  
C. Đại sứ Pháp ở Đông Dương.  
D. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

**Câu 7:** Điểm then chốt của kế hoạch Nava trong thu - đông 1954 của thực dân Pháp ở Đông Dương là

- A. tiến công chiến lược ở Trung bộ và Nam Đông Dương.  
B. tập trung binh lực, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.  
C. chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ, giành thắng lợi quân sự quyết định tại đây.  
D. điều quân viễn chinh từ Bắc Phi sang, đề xuất Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự.

**Câu 8:** Thủ tướng Pháp Lanien nói “Kế hoạch này chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mĩ cùng tán thành. Nó cho phép hi vọng mọi điều”. Đó là hi vọng của Pháp về kế hoạch nào?

- A. Kế hoạch tấn công lên Việt Bắc.
- B. Kế hoạch Rove.
- C. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi.
- D. Kế hoạch Nava.

**Câu 9:** Trước âm mưu mới của Pháp – Mĩ ở Đông Dương, chủ trương chiến lược của ta trong đông – xuân 1953 – 1954 là

- A. tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.
- B. tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch có lực lượng đông, mạnh.
- C. sẵn sàng giao chiến quyết định với Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ để giành thắng lợi kết thúc chiến tranh.
- D. phân tán lực lượng tiến hành chiến tranh du kích nhằm tiêu diệt sinh lực địch để giảm thế mạnh của Pháp.

**Câu 10:** Tháng 9/1953, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương tập trung mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng mà lực lượng tương đối yếu nhằm

- A. tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.
- B. bẻ gãy lực lượng quân sự mạnh của địch.
- C. giải phóng Lào và vùng Tây bắc Việt Nam.
- D. buộc Pháp đàm phán kết thúc chiến tranh.

**Câu 11:** Tháng 9/1953, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chủ trương tập trung mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng mà lực lượng tương đối yếu nhằm

- A. phát triển lực lượng.
- B. giải phóng đất đai .
- C. giải phóng Lào và vùng Tây bắc Việt Nam.
- D. buộc Pháp đàm phán kết thúc chiến tranh.

**Câu 12:** Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, trong đông – xuân 1953- 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch ở

- A. Tây Nguyên và Nam Trung bộ.
- B. Tây Nguyên và Đông Nam bộ.
- C. hầu khắp các chiến trường Đông Dương.
- D. đồng bằng Bắc Bộ và Thượng Lào.

**Câu 13:** Ý nghĩa của cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân ta làm cho

- A. bộ đội chủ lực ta ngày càng trưởng thành.
- B. Pháp bị đẩy sâu vào tình thế bị động.
- C. kế hoạch Nava phá sản hoàn toàn.
- D. kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

**Câu 14:** Kế hoạch Nava của thực dân Pháp đến năm 1953 bước đầu bị phá sản thể hiện ở chỗ

- A. lực lượng của chúng bị phân tán thành 5 nơi.
- B. lực lượng của chúng bị tổn thất lớn lao.
- C. thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ.
- D. ngày càng sa lầy trong cuộc chiến tranh Đông Dương.

**Câu 15:** Năm 1953, Pháp thực hiện kế hoạch quân sự Nava với hi vọng

- A. tiêu diệt toàn bộ quân đội chủ lực của nhân dân ta.
- B. thực hiện kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh.
- C. chiếm lấy vị trí chiến lược ở Điện Biên Phủ.
- D. giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

**Câu 16:** Sau năm 1950, Mĩ tiếp tục can thiệp vào cuộc chiến Đông Dương vì

- A. Đông Dương là bộ phận quan trọng của chiến lược toàn cầu của Mĩ.
- B. để từng bước xâm lược Đông Dương gạt Pháp ra khỏi nơi này.



C. Pháp là đồng minh của Mĩ .

D. Pháp bị sa lầy trong cuộc chiến Đông Dương.

**Câu 17:** Chiến dịch nào được đánh dấu là “mốc son chói lọi bằng vàng của lịch sử” chống Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam 1945-1954?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950.

C. Chiến dịch Thượng Lào tháng 1/1954.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

**Câu 18:** Theo nội dung Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Việt Nam lấy vĩ tuyến nào làm giới tuyến quân sự tạm thời?

A. Vĩ tuyến 15.

B. Vĩ tuyến 16.

C. Vĩ tuyến 17.

D. Vĩ tuyến 18.

**Câu 19:** Theo nội dung Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, khi nào Việt Nam thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử có sự giám sát của Ủy ban quốc tế?

A. Một năm sau khi kí hiệp định.

B. Hai năm sau khi kí hiệp định.

C. Ba năm sau khi kí hiệp định.

D. Hai mươi năm sau khi kí hiệp định.

**Câu 20:** Sự kiện đánh dấu thắng lợi cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp (1945-1954) kết thúc là

A. chiến thắng Điện Biên Phủ 1954

B. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương được ký kết.

C. chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ.

D. bắt sống toàn bộ bộ chỉ huy của Pháp ở Điện Biên Phủ.

**Câu 21:** “56 ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt, máu trộn bùn non, gan không núng, chí không mòn...”. là nói về chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

B. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

C. Chiến dịch Tây Nguyên.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 22:** Nguyên tắc cơ bản nhất của Việt Nam trong việc kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Hiệp định Giơnevơ 1954 là

A. phân hóa và cô lập kẻ thù.

B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

C. đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng.

D. không vi phạm chủ quyền quốc gia.

**Câu 23:** Điểm chung kế hoạch Rove 1949, Kế hoạch Đờ Lát đờ Tátxinhi 1950 và kế hoạch Nava 1954 của thực dân Pháp là

A. tiếp tục thống trị lâu dài Việt Nam.

B. kết thúc chiến tranh trong danh dự .

C. muốn xoay chuyển cục diện chiến tranh.

D. phô trương thanh thế, sức mạnh.

**Câu 24:** Từ cuối năm 1953 đến đầu năm 1954, để công phá kế hoạch Nava ta phân tán địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu, Xê nô, Điện Biên Phủ, Ninh Bình.

B. Biện Biên Phủ, Thà khẹt, Plâyku, Kon Tum.

C. Xê nô, Điện Biên Phủ, Luông Phabang, Mùng Thanh.

D. Điện Biên Phủ, Luông Phabang, Plâyku, Xê nô.

**Câu 25:** Trong đợt tiến công lần 3 từ ngày 1-5 đến 7-5-1954 của chiến dịch Điện Biên Phủ quân ta đồng loạt tiến công vào khu vực nào của địch?

A. Cự điểm Him Lam và phân khu Bắc.

B. Các cứ điểm phía đông khu trung tâm.

C. Khu Trung tâm và phân khu Nam.

D. Khu trung tâm và phân khu Bắc.

**Câu 26:** Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 có ý nghĩa như thế nào?

A. Kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược.

B. Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

C. Buộc Pháp phải rút quân xâm lược khỏi Đông Dương.

D. Ta đã thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của Pháp.

**Câu 27:** Trong thời kì 1945-1954, các chiến dịch của quân đội và nhân dân Việt Nam đều nhằm

A. củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

B. phá âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của giặc Pháp.

C. hỗ trợ chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm.

D. tiêu diệt một bộ phận sinh lực của thực dân Pháp.

**Câu 28:** Điểm chung về hoạt động quân sự của quân dân Việt Nam trong các chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947, Biên giới thu-đông 1950 và Điện Biên Phủ năm 1954 là có sự kết hợp giữa

- A. đánh điểm diệt viện và đánh vận động.
- B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- C. tiến công quân sự và nổi dậy của nhân dân.
- D. bao vây, đánh lấn và đánh công kiên.

**Câu 29:** Trong cuộc tiến công chiến lược Đông xuân 1953-1954, quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện kế sách gì để đối phó với kế hoạch Nava?

- A. Lừa địch để đánh địch.
- B. Đánh điểm diệt viện.
- C. Đánh vận động và đánh công kiên.
- D. Điều địch để đánh địch.

**Câu 30:** Trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), quân đội Việt Nam thực hiện

- A. lấy nhiều đánh ít.
- B. lấy lực thắng thế.
- C. lấy nhỏ đánh lớn.
- D. lấy ít địch nhiều.

**Câu 31:** Tại sao Pháp lại chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Giơnevơ?

- A. Do sức ép của Liên Xô.
- B. Pháp sợ Trung Quốc đưa quân sang.
- C. Pháp thất bại ở Điện Biên Phủ.
- D. Dư luận của nhân dân thế giới.

**Câu 32:** Hiệp định Giơnevơ là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền nào cho các nước Đông Dương?

- A. Quyền được hưởng độc lập, tự do.
- B. Các quyền dân tộc cơ bản.
- C. Quyền chuyên quân, tập kết theo giới tuyến.
- D. Quyền tổ chức tổng tuyển cử.

**Câu 33:** Nguyên nhân cơ bản quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 là

- A. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Hồ Chí Minh.
- B. truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.
- C. căn cứ hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.
- D. tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

**Câu 34:** Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 của nhân dân Việt Nam thắng lợi đã tác động như thế nào đến các nước ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh?

- A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào hòa bình.
- C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào dân chủ.
- D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào không liên kết.

**Câu 35:** Căn cứ địa trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam ( 1945-1954) **không** phải là

- A. nơi đứng chân của lực lượng vũ trang.
- B. một loại hình hậu phương kháng chiến.
- C. trận địa tiến công quân xâm lược.
- D. nơi đối phương bất khả xâm phạm.

**Câu 36:** Trong những năm 1953-1954, để can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương, Mĩ đã

- A. kí với Pháp Hiệp định Phòng thủ chung Đông Dương.
- B. Viện trợ cho Pháp triển khai kế hoạch Rơ ve.
- C. Công nhận chính phủ Bảo Đại do Pháp dựng lên.
- D. tăng cường viện trợ cho Pháp thực hiện kế hoạch Na va.

**Câu 37:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai chiến thắng nào của nhân dân Việt Nam đã giải phóng miền Bắc nước ta, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, Phi và Mĩ Latinh?

- A. Điện Biên Phủ năm 1954.
- B. Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).
- C. Kháng chiến chống Mĩ (1954-1975).
- D. Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Câu 38:** Ở Việt Nam, căn cứ địa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hậu phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đều là nơi

- A. tiếp nhận viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. có thể bị đối phương bao vây và tiến công.
- C. đứng chân của lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- D. cung cấp sức người, sức của cho tiền tuyến.

**Câu 39:** Quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam được ghi nhận trong Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954) là

- A. một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.
- B. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- C. tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- D. độc lập, thống nhất và tự do.

**Câu 40:** Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là văn bản pháp lí ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân

- A. miền Bắc Việt Nam
- B. Việt Nam, Lào, Campuchia.
- C. miền Nam Việt Nam.
- D. Việt Nam.

**Câu 41:** Phân khu Trung tâm của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đặt tại

- A. Mường Thanh, Hồng Cúm.
- B. Bản Kéo, Hồng Cúm.
- C. Độc Lập, Nà Sản.
- D. Mường Thanh.

**Câu 42:** Đối với thế giới, chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) có ý nghĩa

- A. Đánh dấu bước phát triển của phong trào giành độc lập trên thế giới.
- B. đập tan âm mưu câu kết của các thế lực phản động quốc tế.
- C. đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.
- D. mở đầu thời kì tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa.

**Câu 43:** Nhân tố quyết định thắng lợi tại Hội nghị Giơnevơ, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia là

- A. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. thắng lợi trong chiến dịch Biên giới năm 1950.
- C. chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.
- D. sự đoàn kết ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

**Câu 44:** Việc thực hiện phương hướng chiến lược của ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 sẽ có tác dụng

- A. làm cho địch tập trung quân chủ lực, giúp ta tiêu diệt toàn bộ lực lượng chủ lực của chúng.
- B. khiến địch phải tập trung vào vùng đồng bằng, giúp ta sử dụng lối đánh du kích.
- C. đánh lạc hướng tiên công của địch, tạo so sánh lực lượng có lợi cho ta.
- D. khiến địch phải bị động phân tán tạo điều kiện thuận lợi cho ta.

**Câu 45:** Xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh, chấp nhận giao chiến với ta tại Điện Biên Phủ, Pháp - Mĩ âm mưu

- A. giành lại thế chủ động tại chiến trường Tây Bắc.
- B. bảo vệ Tây Bắc Việt Nam, ngăn liên lạc của ta với Lào.
- C. thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.
- D. uy hiếp tinh thần của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến.

**Câu 46:** Các phân khu của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là

- A. phân khu Mường Thanh, Bản Kéo, Nam.
- B. phân khu Bắc, Trung tâm, Nam.
- C. phân khu Bắc, Bản Kéo, Nam.
- D. phân khu Trung tâm, Mường Thanh, Bản Kéo.

**Câu 47:** Sau khi Liên quân Việt - Lào mở cuộc tiến công địch ở Thượng Lào (1/1954), Nava buộc phải tăng cường lực lượng cho

- A. Luông Phabang và Mường Sài.
- B. Xavannakhét và Xê nô.
- C. thị xã Lai Châu và Điện Biên Phủ.
- D. Kon Tum và Plâyku.

**Câu 48: Nội dung cơ bản của kế hoạch Nava trong thu - đông năm 1953 và xuân năm 1954 là**

- A. phòng ngự ở Bắc Bộ, tiến công bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương.
- B. chuyên lực lượng ra Bắc Bộ, tạo thế lực trên bàn đàm phán.
- C. tập trung lực lượng tiến công để giành lại thế chủ động
- D. mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng rừng núi, biên giới.

**Câu 49: Một trong những khó khăn khi Pháp - Mĩ thực hiện kế hoạch Nava là**

- A. xây dựng lực lượng cơ động chiến lược.
- B. thực hiện tiến công chiến lược quy mô lớn.
- C. tập trung và phân tán lực lượng.
- D. thế và lực mạnh trên chiến trường.

**Câu 50: Kế hoạch Nava khi mới ra đời đã hàm chứa yếu tố thất bại, bởi vì**

- A. Mĩ bất đồng vì ý đồ của Mĩ muốn thay Pháp ở Đông Dương.
- B. Pháp không đủ quân để xây dựng lực lượng chiến lược như trong kế hoạch.
- C. Pháp mất hoàn toàn quyền chủ động trên chiến trường Đông Dương.
- D. nó ra đời trong thế bị động, mâu thuẫn giữa thế và lực với mục tiêu chiến lược của Pháp.

**Câu 51: Nội dung lúc đầu chưa được đề cập trong kế hoạch Nava là**

- A. xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.
- B. tập trung lực lượng quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ là 44 tiểu đoàn.
- C. mở rộng hoạt động thổ phỉ, biệt kích ở vùng núi, biên giới.
- D. mở cuộc tiến công lớn vào vùng giáp Ninh Bình, Thanh Hoá.

**Câu 52: Một trong những nhiệm vụ chính được Đảng Lao động Việt Nam đề ra trong kế hoạch quân sự Đông - Xuân 1953 - 1954 là**

- A. mở rộng căn cứ địa.
- B. tiêu diệt sinh lực địch.
- C. giữ vững thế chủ động.
- D. giữ vững vùng tự do.

**Câu 53: “Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu”, là phương hướng chiến lược của ta trong**

- A. chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- B. chiến dịch Hoà Bình đông - xuân 1951 - 1952.
- C. cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.
- D. chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

## **BÀI 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM ( 1954-1965)**

**Câu 1:** Đặc điểm về chính trị nổi bật của Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền Nam – Bắc.
- B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
- C. Miền Nam chịu sự chiếm đóng của Mĩ – Diệm.
- D. Miền Nam thực dân Anh dọn đường cho Pháp trở lại xâm lược.

**Câu 2:** Sau năm 1954, Mĩ chống phá Hiệp định Giơnevơ năm 1954 bằng việc

- A. không chịu ký và không thừa nhận Hiệp định Giơnevơ.
- B. xây dựng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.
- C. bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.
- D. kí với Bảo Đại các Hiệp ước Hợp tác kinh tế, văn hóa.

**Câu 3:** Từ năm 1954 đến năm 1965, nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc nước ta là

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. cải cách ruộng đất.
- C. hàn gắn vết thương chiến tranh.
- D. làm hậu phương cho miền Nam.

**Câu 4:** Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) xác định cách mạng miền Bắc đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp chống Mĩ, chính quyền Sài Gòn và thống nhất đất nước?

- A. Hậu phương.
- B. Quyết định trực tiếp.

C. Quyết định nhất.

D. Hỗ trợ cho miền Nam.

**Câu 5:** Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) của xác định cách mạng miền Nam đóng vai trò như thế nào trong sự nghiệp chống Mỹ, chính quyền Sài Gòn và thống nhất đất nước?

A. Hậu phương.

B. Quyết định trực tiếp.

C. Quyết định nhất.

D. Hỗ trợ cho miền Nam.

**Câu 7:** Từ sau năm 1954-1975, âm mưu của Mỹ ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Xây dựng chính quyền tay sai thân Mỹ.

B. Thực hiện Chiến lược toàn cầu.

C. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. Chia cắt Việt Nam thành hai miền.

**Câu 8:** Nhiệm vụ trọng tâm của nhân dân miền Nam Việt Nam từ 1954-1975 là

A. tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. tiếp tục cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. thực hiện Hiệp định Giơnevơ.

D. thực hiện cải cách kinh tế phát triển văn hóa xã hội.

**Câu 9:** Hình thức đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơnevơ 1954, chủ yếu là gì?

A. Đấu tranh vũ trang.

B. Đấu tranh chính trị, hòa bình,

C. Khởi nghĩa giành chính quyền.

D. Dùng bạo lực cách mạng.

**Câu 14:** Các chiến thuật mới như “trực thăng vận”, “thiết xa vận” được Mỹ áp dụng trong Chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

A. “Chiến tranh đặc biệt”.

B. “Chiến tranh cục bộ”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D. “Chiến tranh đơn phương”.

**Câu 15:** Trong những năm 1957 -1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn bởi

A. bộ đội chủ lực tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ.

B. Mỹ - Diệm vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơnevơ, chống phá nhiều nơi.

C. ta không lường hết âm mưu của kẻ thù, quá chú trọng đấu tranh hòa bình.

D. Ngô Đình Diệm ban hành chính sách đàn áp khủng bố những người yêu nước.

**Câu 16:** Hội nghị nào đã quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm?

A. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939.

B. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 tháng 5/1941.

C. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 tháng 1/1959.

D. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 tháng 7/1973.

**Câu 17:** Nghị quyết Trung ương 15 xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với

A. đấu tranh ngoại giao.

B. đấu tranh hòa bình.

C. tổng khởi nghĩa.

D. đấu tranh vũ trang.

**Câu 18:** Trong thời kỳ 1954-1975, thắng lợi nào là mốc đánh dấu bước chuyển của cách mạng miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

A. Vạn Tường (1965).

B. “Đồng Khởi” (1959-1960).

C. Tây Nguyên (3-1975).

D. Mậu Thân (1968).

**Câu 19:** Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào Đồng Khởi (1959-1960) là gì?

A. Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Đưa nhân dân ta lên làm chủ ở nhiều thôn xã.

D. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

**Câu 20:** Đáp ứng yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam năm 1961 Đảng đã chủ trương thành lập

- A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- C. Trung ương Cục miền Nam, Quân giải phóng miền Nam.
- D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

**Câu 22:** Đại hội lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) chủ trương tiến hành đồng thời

- A. cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.
- B. cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam và cách mạng ruộng đất ở miền Bắc.
- C. cách mạng DTDCND ở miền Bắc và cách mạng tư sản dân quyền ở miền Nam.
- D. cách mạng ruộng đất ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

**Câu 23:** Đại hội lần III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định và đánh giá là

- A. “Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”.
- B. “Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc”.
- C. “Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam”.
- D. “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam”.

**Câu 24:** Đối với cách mạng miền Nam, Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) chủ trương

- A. sử dụng bạo lực cách mạng.
- B. đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử.
- C. đẩy mạnh chiến tranh du kích.
- D. kết hợp đấu tranh chính trị và ngoại giao.

**Câu 25:** Lực lượng tham chiến chủ yếu trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ thực hiện ở Việt Nam là

- A. quân đội tay sai Sài Gòn.
- B. quân đội Mỹ và quân chư hầu.
- C. quân đội Sài Gòn, quân đội Mỹ và quân chư hầu.
- D. biệt đội Sài Gòn.

**Câu 26:** Bình định miền Nam trong 18 tháng là mục tiêu của kế hoạch

- A. Xtalây – Taylo
- B. Giôn xơn – Mác Namara.
- C. dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- D. tiến công vào “đất thánh Việt cộng”.

**Câu 27:** Biện pháp được Mỹ và chính quyền Sài Gòn xem như “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm.
- B. tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.
- C. tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.
- D. trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại.

**Câu 28:** Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

- A. “dùng người Việt đánh người Việt”.
- B. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
- C. dùng người Việt đánh người Đông Dương.
- D. dùng người Đông Dương đánh người Việt.

**Câu 29:** Mỹ – Diệm xây dựng hệ thống “Áp chiến lược” nhằm mục đích gì ?

- A. Làm cho chiến tranh tàn lụi dần.
- B. Tách dân khỏi cách mạng, nhằm cô lập lực lượng cách mạng.
- C. Hỗ trợ chương trình “bình định” miền Nam của Mỹ – Diệm.
- D. Kim kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.

**Câu 30:** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và tay sai, quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược là

- A. Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.
- B. Quảng Trị, Sài Gòn, Đông Nam Bộ.
- C. rừng núi, nông thôn và đồng bằng.
- D. rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

**Câu 31:** “Một tác không đi, một li không rời” là quyết tâm của nhân dân miền Nam trong phong trào

- A. Đồng Khởi.
- B. phá “ấp chiến lược”.

C. chống “bình định, lấn chiếm”.

D. chống chiến dịch “ vết dầu loang, tràn ngập lãnh thổ”.

**Câu 32:** Chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và tay sai (1961-1965), quân dân miền Nam nổi dậy tiến công địch bằng cả ba mũi là

A. chính trị, quân sự, binh vận.

B. chính trị, kinh tế, văn hóa.

C. chính trị, quân sự, kinh tế.

D. chính trị, kinh tế, binh vận.

**Câu 33:** Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ra đời sau thất bại ở

A. Đông Khởi (1959-1960).

B. “Chiến tranh cục bộ”.

C. Vạn Tường.

D. Xuân Mậu thân 1968.

**Câu 34:** Chiến thắng quân sự nào mở đầu khẳng định quân dân miền Nam có khả năng đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ?

A. Ấp Bắc (2/1/1963).

B. Bình Giã (2/12/1964).

C. Đồng Xoài (6/1965).

D. Vạn Tường (8/1965).

**Câu 35:** Chiến thắng quân sự nào khẳng định quân dân miền Nam trong đông xuân 1964-1965 góp phần làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Ấp Bắc (2/1/1963).

B. Bình Giã (2/12/1964).

C. Đồng Xoài (6/1965).

D. Vạn Tường (8/1965).

**Câu 36:** Lực lượng nòng cốt mà Mĩ sử dụng để thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam là

A. quân đội Sài Gòn do cố vấn Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

B. quân viễn chinh Mĩ do cố vấn Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

C. quân đội các nước đồng minh Mĩ, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

D. liên quân Mĩ và đồng minh, dựa vào vũ khí trang thiết bị của Mĩ.

**Câu 37:** Nhân dân miền Nam Việt Nam sử dụng bạo lực cách mạng trong phong trào Đông Khởi (1959-1960) vì

A. lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

B. không thể tiếp tục đấu tranh bằng con đường bạo lực.

C. cách mạng miền Nam đã chuyển hẳn sang thế tiến công.

D. mọi xung đột chỉ có thể giải quyết bằng vũ lực.

**Câu 38:** Phong trào Đông Khởi (1959-1960) nổ ra trong hoàn cảnh cách mạng miền Nam Việt Nam đang

A. giữ vững và phát triển thế tiến công.

B. gặp muôn vàn khó khăn và tổn thất.

C. chuyển sang đấu tranh chính trị.

D. chuyển hẳn sang tiến công chiến lược.

**Câu 40:** Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam, Mĩ và chính quyền Sài Gòn không thực hiện biện pháp nào dưới đây?

A. Triển khai hoạt động chống phá miền Bắc.

B. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét.

C. Mở những cuộc hành quân “Tìm diệt”.

D. Tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược.

**Câu 41.** Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9-1960), Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương nào sau đây?

A. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở hai miền Bắc-Nam.

B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở hai miền Bắc-Nam.

C. Tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền Bắc-Nam.

D. Tiến hành chiến tranh nhân dân trên cả hai miền Bắc-Nam.

**Câu 42:** Ngày 16/5/1955, toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng), đã đánh dấu bước ngoặt

A. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.

B. Việt Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Pháp thực thi Hiệp định Giơnevơ.

D. Hải Phòng hoàn toàn giải phóng.

**Câu 43:** Khi rút khỏi miền Nam (5/1956), Pháp chưa thực hiện điều khoản nào của Hiệp định Giơnevơ?

A. Ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

- B. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.
- C. Thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- D. Cam kết không can thiệp vào nội bộ của ba nước Đông Dương.

**Câu 44: Hậu quả nghiêm trọng nhất mà Mĩ gây ra ở Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ là**

- A. Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ khác nhau.
- B. cuộc nội chiến giữa lực lượng cách mạng với các phe đối lập.
- C. cả nước trở thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ.
- D. miền Nam Việt Nam trở thành nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 45: Lí do cơ bản dẫn đến tình trạng chia cắt đất nước Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ là**

- A. hai miền Nam, Bắc có sự khác biệt cơ bản về kinh tế, xã hội.
- B. Mĩ và tay sai không chịu thi hành Hiệp định Giơnevơ.
- C. mâu thuẫn về quyền lợi của các cường quốc ở Việt Nam
- D. Pháp không thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử.

**Câu 46: Tính chất độc đáo chưa từng có trong tiền lệ cách mạng Việt Nam thuộc giai đoạn 1954-1975 là**

- A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền.
- B. tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.
- C. tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
- D. chỉ tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

**Câu 47: Từ năm 1957 đến năm 1959, cách mạng miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị, hoà bình sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng là do**

- A. Mĩ - Diệm tiếp tục cuộc “trung cầu dân ý”, “bầu cử Quốc hội”.
- B. kẻ thù khủng bố dã man những người yêu nước, không thể đấu tranh hoà bình nữa.
- C. qua thực tiễn đấu tranh, lực lượng chính trị được bảo tồn và phát triển.
- D. thời kì ổn định của Mĩ - Diệm đã kết thúc, nhân dân sẵn sàng nổi lên.

**Câu 48: Ba xã điểm ở huyện Mộ Cày mở đầu cho cuộc “Đồng khởi” tại Bến Tre là**

- A. Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh.
- B. Thành An, Thạch Ngãi, Thanh Tân.
- C. Hoà Lộc, Phú Mỹ, Tân Bình.
- D. Phước Mỹ Trung, Thạch Ngãi, Khánh Thanh Tân.

**Câu 50: Sau thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960), tổ chức mặt trận đoàn kết toàn dân ở miền Nam ra đời, đó là**

- A. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.
- B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- C. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- D. Mặt trận Dân chủ miền Nam.

**Câu 52: Trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, quân Mĩ có vai trò**

- A. là cố vấn chỉ huy.
- B. trực tiếp tham chiến,
- C. là lực lượng dự bị.
- D. giữ vai trò chủ yếu.

**Câu 53: Nội dung cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trên lĩnh vực chống phá “áp chiến lược” gắn liền với**

- A. đấu tranh vũ trang.
- B. xây dựng làng chiến đấu.
- C. đấu tranh đòi ruộng đất.
- D. cách mạng ruộng đất.

**Câu 54: Sự kiện diễn ra ở Sài Gòn để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, gây xúc động mạnh trong nhân dân là**

- A. cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.
- B. Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.
- C. cuộc đấu tranh của “đội quân tóc dài”.
- D. 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.

**Câu 55: Các tầng lớp nhân dân tham gia chống “Chiến tranh đặc biệt” trên mặt trận đấu tranh chính trị ở những đô thị lớn Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng nổi bật là**

- A. nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị.
- B. nông dân, học sinh, sinh viên.



C. tăng ni, Phật tử, học sinh, sinh viên.

D. công nhân, trí thức, sinh viên, học sinh.

**Câu 56: Thắng lợi của phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị và phong trào chống, phá “áp chiến lược” ở nông thôn miền Nam trong cuộc đấu tranh chống “Chiến tranh đặc biệt” đã**

A. làm tăng thêm mâu thuẫn giữa chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ.

B. làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

C. thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

D. làm cho chính quyền Sài Gòn khủng hoảng triền miên.

**Câu 57: Chiến thắng “Áp Bắc” (Mĩ Tho) tháng 1 năm 1963 có ý nghĩa to lớn như thế nào?**

A. Đánh bại hoàn toàn chiến “thuật trực thăng vận”, “thiết xa vận”.

B. Chứng tỏ khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt”.

C. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

D. Cho thấy sự lúng túng của chính quyền Sài Gòn.

**Câu 58: Sự kiện đánh dấu chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ bị thất bại hoàn toàn là**

A. chiến thắng “Áp Bắc” (Mĩ Tho).

B. cuộc đấu tranh của “đội quân tóc dài”.

C. chiến dịch tiến công đông - xuân 1964 - 1965.

D. 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.

**Câu 59: Để triển khai chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” trong khoảng thời gian 1963 - 1965, Mĩ thực hiện kế hoạch**

A. Xtalây - Tay lo.

B. Rove - Mác Namara.

C. Mác san - Đờ Lat đơ Tát xin hi.

D. Giôn xơn - Mác Namara.

**Câu 60: Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt”, đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam là**

A. chiến thắng Áp Bắc (Mĩ Tho).

B. chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

C. Chiến thắng An Lão (Bình Định).

D. chiến thắng Đồng Xoài (Biên Hòa).

**Câu 61: Phong trào thi đua nào đã được mở ra sau chiến thắng Áp Bắc?**

A. “Tìm Ngụy mà đánh, lùng Mĩ mà diệt”

B. “Thi đua Áp Bắc, giết giặc lập công”

C. “Dũng sỹ diệt Mĩ”

D. “Tìm Mĩ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt”

## BÀI 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ XÂM LƯỢC (1965-1973)

**Câu 1:** Ngày 8/3/1965, mở đầu lực lượng lính thủy đánh bộ của Mĩ đổ bộ xuống miền Nam Việt Nam ở bãi biển

A. Thuận An (Huế).

B. Xuân Thiều (Đà Nẵng).

C. Quy Nhơn (Bình Định).

D. Nha Trang (Khánh Hòa).

**Câu 2:** Từ năm 1965 đến năm 1968, Mĩ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở Việt Nam?

A. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

C. “Chiến tranh cục bộ”.

D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 3:** Một trong những thủ đoạn Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) ở Việt Nam là

A. mở các cuộc hành quân tìm diệt và bình định.

B. dồn dân lập ấp chiến lược.

C. bình định miền Nam trong 18 tháng.

D. phong tỏa biên giới để ngăn chặn sự chi viện cho miền Nam.

**Câu 4:** Hành động của Mĩ trong chiến tranh cục bộ 1965-1968 là

A. quân đội viễn chinh Mĩ và quân chư hầu trực tiếp tham chiến.

B. mở những cuộc hành quân “tìm diệt” vào vùng “đất thánh Việt cộng”.

C. viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

D. dùng chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận”.

**Câu 5:** Giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, làm cho chiến tranh tàn lụi dần... là âm mưu của Mĩ nằm trong chiến lược

- A. “Chiến tranh đơn phương”.
- B. “Chiến tranh đặc biệt”.
- C. “Chiến tranh cục bộ”.
- D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 6:** Âm mưu của Mĩ khi thực hiện “Chiến tranh cục bộ” là nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực, hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta, giành thế chủ động trên chiến trường để

- A. “dùng người Việt đánh người Việt”.
- B. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.
- C. đẩy quân ta về thế phòng ngự bị động.
- D. nhanh chóng giành thắng lợi quyết định và kết thúc chiến tranh.

**Câu 7:** Lực lượng quân đội được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

- A. lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu.
- B. trang bị vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại.
- C. lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ, chư hầu và quân đội Sài Gòn.
- D. quân đội Sài Gòn và quân các nước Đông Dương.

**Câu 8:** Chiến thắng đầu tiên của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là

- A. Ấp Bắc (Mĩ Tho).
- B. Núi Thành (5/1965).
- C. Vạn Tường (Quảng Ngãi).
- D. An Lão (Bình Định).

**Câu 9:** Chiến thắng nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân đội Mĩ, mở đầu cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

- A. Ấp Bắc (1-1963).
- B. Vạn Tường (8-1965).
- C. An Lão (Bình Định).
- D. Mậu Thân 1968.

**Câu 10:** Trong mùa khô thứ nhất (1965 -1966), địch mở 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chiến lược chính là

- A. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. Đông Nam Bộ và Liên khu V.
- C. Đông Nam Bộ và Quảng Trị.
- D. Liên khu V và Tây Nguyên.

**Câu 11:** Mĩ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất trong khi thực hiện chiến tranh nào ở Việt Nam?

- A. “Chiến tranh cục bộ”.
- B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.
- C. “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 12:** Mĩ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai trong khi thực hiện chiến tranh nào ở Việt Nam?

- A. “Chiến tranh cục bộ”.
- B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.
- C. “Việt Nam hóa chiến tranh”.
- D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 13:** Nội dung nào dưới đây là một trong những điểm khác nhau giữa chiến lược Chiến tranh cục bộ (1965-1968) và Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của Mĩ ở Việt Nam?

- A. Là loại hình chiến tranh thực dân kiểu mới.
- B. Nằm trong chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt”.
- C. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc qui mô lớn.
- D. Dựa vào viện trợ kinh tế, quân sự của Mĩ.

**Câu 15:** Nội dung nào dưới đây là một trong những điểm khác nhau giữa chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của Mĩ ở Việt Nam?

- A. Được tiến hành bằng lực lượng quân viễn chinh Mĩ.
- B. Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn.
- C. Thực hiện âm mưu dùng người Việt đánh người Việt.
- D. Là loại hình chiến tranh thực dân kiểu mới.

**Câu 16.** Thủ đoạn nào sau đây **không được** Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”?

- A. Trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại.
- B. Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

C. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

D. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chú trọng nhanh chóng chiếm ưu thế.

**Câu 17:** Điểm giống nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ ở Việt Nam là

A. Sử dụng quân đội Mĩ là chủ yếu.

B. Thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định”.

C. Nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

D. Sử dụng quân đội Sài Gòn là chủ yếu.

**Câu 18:** Chiến tranh cục bộ (1965-1968) của Mĩ diễn ra với quy mô lớn và ác liệt hơn Chiến tranh đặc biệt (1961-1965) là do

A. được tiến hành quân đội Sài Gòn, quân viễn chinh Mĩ, với vũ khí của Mĩ.

B. được tiến hành lực lượng mạnh, quân đông, vũ khí hiện đại, mở rộng ra cả hai miền.

C. được tiến hành quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp của hỏa lực và không quân Mĩ.

D. thực hiện nhiệm vụ của một cuộc chiến tranh tổng lực.

**Câu 19:** Đẩy lui cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và hạ nhiều máy bay là kết quả của chiến thắng

A. Ấp Bắc (2/1/1963).

B. Núi Thành (5/1965)

C. Vạn Tường (18/8/1965).

D. Ấp Bình Giã (2/12/1964).

**Câu 20:** Sau trận Vạn Tường (1965), khả năng đánh thắng quân Mĩ trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của quân dân ta tiếp tục được thể hiện trong

A. cuộc Tiến công chiến lược hè năm 1972.

B. trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.

C. hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

D. chiến dịch Đường số 14 – Phước Long.

**Câu 21:** Đến cuối năm 1967, tổ chức nào có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa, và cương lĩnh được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức khu vực ủng hộ?

A. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Việt Minh.

C. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 22:** Thắng lợi nào đã buộc Mĩ phải tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh, thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”?

A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)

B. Đập tan 2 cuộc phản công chiến lược trong 2 mùa khô (1965 -1966 và 1966 -1967).

C. Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 .

D. Tiến công chiến lược hè 1972.

**Câu 23:** Xuất phát từ tương quan so sánh lực lượng có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống, ta chủ trương

A. mở chiến dịch Tây Nguyên.

B. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

C. mở cuộc Tiến công chiến lược hè 1972.

D. mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**Câu 24:** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968 của quân dân Việt Nam **không** tác động đến việc

A. Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc

B. Mĩ chấp nhận đến đàm phán để bàn về chấm dứt chiến tranh Việt Nam.

C. Mĩ phải tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. Mĩ bị lung lay ý chí xâm lược.

**Câu 25:** Việc Mĩ tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam là đánh dấu sự thất bại chiến lược chiến tranh nào?

A. “Chiến tranh cục bộ”.

C. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

B. “Đông Dương hóa chiến tranh”.

D. “Chiến tranh đặc biệt”.

**Câu 26:** Lực lượng chủ yếu tham gia trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ là

A. quân viễn chinh Mĩ.

C. quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.

B. quân đội Sài Gòn.

D. quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.

**Câu 27:** Chiến lược chiến tranh nào Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích ở Đông Dương?

A. “Chiến tranh đơn phương”.

C. “Chiến tranh cục bộ”.

B. “Chiến tranh đặc biệt”.

D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 28:** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”?

A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như lực lượng xung kích.

B. Mở rộng chiến tranh xâm lược toàn Đông Dương.

C. Mở các cuộc hành quân tìm diệt và bình định.

D. Bắt tay với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa.

**Câu 31:** Giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường, đồng thời tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn nhằm tận dụng xương máu người Việt là âm mưu của Mĩ trong chiến lược chiến tranh nào?

A. “Chiến tranh đơn phương”.

C. “Chiến tranh cục bộ”.

B. “Chiến tranh đặc biệt”.

D. “Việt Nam hóa chiến tranh”.

**Câu 32:** Trong quá trình thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”, hoạt động nào của Mĩ gây bất lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

A. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

B. “Dùng người Việt đánh người Việt”.

C. Bắt tay với các nước lớn trong phe chủ nghĩa xã hội.

D. Sử dụng hỏa lực và không quân.

**Câu 33:** Thủ đoạn nào sau đây **không** được Mĩ sử dụng trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”?

A. Sử dụng quân đội Sài Gòn như một lực lượng xung kích ở Đông Dương.

B. Gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Mĩ và chư hầu nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế.

D. Thỏa hiệp, hòa hoãn với các nước lớn trong phe xã hội chủ nghĩa nhằm cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

**Câu 34:** Vừa ra đời đã được 23 nước công nhận, trong đó 21 nước đặt quan hệ ngoại giao là thắng lợi của

A. Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

C. Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam.

D. Mặt trận Việt Minh.

**Câu 35:** “Cuộc kháng chiến chống Mĩ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn...” là đoạn trích trong nội dung của

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. Nghị quyết Trung ương lần thứ 15.

B. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Thư chúc tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Câu 36:** Sự kiện nào biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ?

A. Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương.

B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương tháng 4/1970.

C. Hội nghị Pari năm 1973.

D. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương tháng 7/1973.

**Câu 37:** Từ ngày 30/4 đến ngày 30/6/1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân nước nào đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn?

- A. Phối hợp với quân dân Lào. B. Phối hợp với quân Liên Xô.  
C. Phối hợp với quân Trung Quốc. D. Phối hợp với quân Campuchia.

**Câu 38:** Quảng Trị được chọn để mở màn cho cuộc tiến công nào trong kháng chiến chống Mĩ?

- A. Cuộc phản công chiến lược trong mùa khô 1967 - 1968.  
B. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.  
C. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.  
D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**Câu 39:** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, ta đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch là:

- A. Quảng Trị, Quảng Nam, Tây nguyên. B. Quảng Nam, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.  
C. Quảng Trị, Bình Thuận, Tây nguyên. D. Quảng Trị, Tây nguyên, Đông Nam Bộ.

**Câu 40:** Chiến thắng nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”)?

- A. Chiến thắng Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.  
B. Chiến thắng Tiến công chiến lược năm 1972.  
C. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972.  
D. Chiến thắng chiến dịch Tây nguyên.

**Câu 41:** Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” 1969-1973 được tiến hành bằng chủ yếu bằng

- A. lực lượng quân đội Sài Gòn. B. lực lượng quân Mĩ.  
C. lực lượng quân Mĩ và quân đội Sài Gòn. D. đồng minh của Mĩ.

**Câu 42:** Ý nghĩa lớn nhất của trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972 là gì?

- A. Buộc Mĩ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.  
B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.  
C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.  
D. Buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

**Câu 43:** Nội dung nào trong hiệp định Pari năm 1973 có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

- A. Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.  
B. Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam.  
C. Các bên đề cho nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.  
D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

**Câu 44:** Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam?

- A. Là văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.  
B. Mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  
C. Là thắng lợi của cuộc đấu tranh quân sự chính trị, ngoại giao.  
D. Tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tiến lên giải phóng miền Nam.

**Câu 45:** Trong thời kì 1954-1975, sự kiện nào là mốc đánh dấu nhân dân Việt Nam đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mĩ cút”?

- A. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972.  
B. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972.  
C. Hiệp định Pari về Việt Nam được kí kết năm 1973.  
D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**Câu 46.** Năm 1970, Mĩ sử dụng quân đội Sài Gòn tiến công xâm lược Campuchia nhằm thực hiện âm mưu nào sau đây?

- A. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.  
B. Thiết lập trở lại Liên bang Đông Dương.

C. Gạt ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương.

D. Mở rộng chiến tranh ra toàn khu vực Đông Nam Á.

**Câu 47:** Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân Việt Nam thắng lợi buộc Mĩ phải

A. tuyên bố “phi Mĩ hóa” chiến tranh xâm lược Việt Nam.

B. thừa nhận sự thất bại của chiến lược Chiến tranh cục bộ.

C. tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. thừa nhận sự thất bại của chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

**Câu 48:** Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” được thực hiện dưới thời Tổng thống Mĩ

A. Kennơđi.

B. Giôn-xơn.

C. Truman.

D. Aixenhao.

**Câu 49:** Trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, quân đồng minh của Mĩ tham gia ở miền Nam Việt Nam gồm

A. Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Pháp, Niu Dilân.

B. Philíppin, Ôxtrâyliya, Niu Dilân, Anh, Pháp.

C. Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâyliya, Niu Dilân.

D. Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâyliya.

**Câu 50:** Khi thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mĩ đưa quân Mĩ và đồng minh Việt Nam nhằm

A. thay quân đội Sài Gòn tham chiến trên chiến trường.

B. tạo ưu thế về binh lực, hỏa lực áp đảo quân chủ lực của ta.

C. ngăn chặn chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Á.

D. chuẩn bị những hoạt động phá hoại miền Bắc.

**Câu 51:** Cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” lớn nhất trong mùa khô thứ hai (đông xuân 1966 - 1967) của địch là

A. cuộc hành quân “Ánh sáng sao”.

B. cuộc hành quân Áttonborơ.

C. cuộc hành quân Gianxon Xiti.

D. cuộc hành quân Xêđaphôn.

**Câu 52:** Điểm chung về mục tiêu các cuộc hành quân trong hai mùa khô (1965 - 1966 và 1966 - 1967) của Mĩ là

A. tiêu diệt cơ quan đầu não của ta.

B. tiêu diệt quân chủ lực của ta.

C. lấy lại thế chủ động ở vùng ven biển.

D. giành thắng lợi quân sự gây áp đảo trên bàn đàm phán.

**Câu 53:** Điểm mới trong phong trào đấu tranh ở đô thị chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) so với phong trào đấu tranh ở đô thị chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) là

A. sự tham gia của đông đảo tín đồ Phật giáo và “đội quân tóc dài”.

B. sự tham gia của đông đảo học sinh, sinh viên, tín đồ Phật giáo.

C. kết quả các cuộc đấu tranh làm rung chuyển chính quyền Sài Gòn.

D. mục tiêu đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ.

**Câu 58:** Năm 1959, tuyến đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được khai thông, đã có tác dụng

A. phát triển giao thông vận tải.

B. nối các vùng kinh tế trong nước,

C. tạo sự thông thương hai miền Bắc - Nam.

D. nối liền hậu phương với tiền tuyến.

**Câu 59:** Mĩ thực hiện “Việt Nam hoá chiến tranh” nhằm

A. tận dụng xương máu người Việt Nam, rút dần quân Mĩ về nước.

B. tạo điều kiện phát huy vai trò của quân đội Sài Gòn trên chiến trường.

C. từng bước thoát khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

D. tập trung toàn lực lượng quân Mĩ xâm lược Lào và Campuchia.

**Câu 60:** Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6/6/1969 có ý nghĩa

A. cuộc kháng chiến của Việt Nam được nhân dân tiến bộ thế giới ủng hộ.

B. Mĩ đã bị thất bại trên phương diện đấu tranh ngoại giao.

C. tạo thế cân bằng về so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng.

D. là Chính phủ hợp pháp, đại diện cho nhân dân miền Nam.

**Câu 61: Thắng lợi của quân dân miền Bắc, đập tan cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng được coi như**

A. trận Điện Biên Phủ năm 1954.

B. một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỉ XX.

C. trận “Điện Biên Phủ trên không”.

D. trận Oatéclo ở Pháp.

**Câu 63: Ý nào sau đây phản ánh không đúng điểm giống nhau giữa “Chiến tranh cục bộ” và “Chiến tranh đặc biệt”?**

A. Đều là chiến tranh xâm lược chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới.

B. Đều hoạt động phối hợp gây chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Đều phối hợp hoạt động quân sự với chính trị và ngoại giao.

D. Đều có quân Mỹ vừa trực tiếp chiến đấu vừa là cố vấn chỉ huy.

**Câu 64: Với chiến lược quân sự “tìm diệt”, Mỹ có âm mưu gì trong cục diện chiến tranh ở chiến trường miền Nam giai đoạn 1965-1968?**

A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh xâm lược ở miền Nam.

B. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

C. Tạo lợi thế trên mặt trận ngoại giao.

D. Đẩy quân đội cách mạng lâm vào thế phòng ngự, bị động rồi tàn lụi dần.

## **BÀI 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973- 1975)**

**Câu 1:** Sắp xếp các sự kiện dưới đây theo trình tự thời gian:

1. Cuộc Tổng tiến công Xuân Mậu Thân;

2. Chiến dịch Hồ Chí Minh;

3. Chiến dịch Tây Nguyên;

4. Hiệp định Pari được kí;

A. 1, 4, 3, 2.

B. 1, 3, 4, 2.

C. 1, 2, 3, 4.

D. 1, 3, 2, 4.

**Câu 2:** Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam (7/1973) khẳng định phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng là do

A. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

B. đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

C. Mỹ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari.

D. vùng giải phóng của cách mạng ở miền Nam càng bị thu hẹp.

**Câu 3:** Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam được Hội nghị lần thứ 21 (7/1973) của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam xác định là

A. giải phóng miền Nam trong năm 1975.

B. chỉ đấu tranh chính trị để thống nhất đất nước.

C. tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. tiến hành cách mạng ruộng đất.

**Câu 4:** Hội nghị lần thứ 21 (7/1973) của Ban Chấp hành Đảng Lao động Việt Nam chủ trương đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên cả ba mặt trận

A. quân sự, kinh tế, ngoại giao.

B. quân sự, ngoại giao, văn hóa.

C. quân sự, chính trị, ngoại giao.

D. chính trị, kinh tế, văn hóa.

**Câu 5:** Trích đoạn: “...trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao” là quyết định của hội nghị

- A. lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1/1959).
- B. Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21(7/1973).
- C. Bộ chính trị mở rộng bàn về kế hoạch giải phóng miền Nam.
- D. Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960).

**Câu 6:** Biện pháp cơ bản mà Mỹ thực hiện xuyên suốt trong các chiến lược chiến tranh giai đoạn 1961-1973 là

- A. tiến hành chiến tranh tổng lực.
- B. sử dụng quân đội đồng minh.
- C. ra sức chiếm đất, giành dân.
- D. sử dụng quân đội Mỹ làm nòng cốt.

**Câu 7:** Sau khi kí hiệp định Pari, rút quân về nước, Mỹ có hành động gì để thực hiện âm mưu kéo dài cuộc chiến tranh ở Việt Nam?

- A. Giữ lại 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự ở miền Nam và tiếp tục viện trợ cho Chính quyền Sài Gòn.
- B. Tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn.
- C. Tăng cường quân một số nước đồng Minh của Mỹ.
- D. Tăng cường viện trợ thiết bị vũ khí, phương tiện chiến tranh cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 8:** Dựa trên điều kiện nào cuối năm 1974 đầu năm 1975 mà Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam?

- A. So sánh tương quan lực lượng có lợi cho cách mạng,
- B. Sau hiệp định Pari, Mỹ rút quân về nước không can thiệp quân sự đến nước ta.
- C. Mỹ không còn viện trợ kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.
- D. Miền Bắc đã hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9:** Trong chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam, luận điểm nào thể hiện sự đúng đắn, linh hoạt trong lãnh đạo cách mạng của Đảng ta?

- A. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975,1976.
- B. Xác định cả năm 1975 là thời cơ.
- C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.
- D. Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

**Câu 10:** Việc Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn (18/4/1975) chứng tỏ điều gì?

- A. Chính quyền Sài Gòn bắt đầu khủng hoảng
- B. Chính quyền Sài Gòn đã sụp đổ hoàn toàn.
- C. Sự sa sút tột độ về mặt tinh thần, ý chí trong nội bộ Mỹ và chính quyền Sài Gòn.
- D. Chính quyền Sài Gòn đã đầu hàng vô điều kiện.

**Câu 11:** Tháng 1 năm 1975, quân dân Việt Nam giành thắng lợi nào sau đây?

- A. Huế-Đà Nẵng.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đường 9 -Nam Lào.
- D. Đường 14-Phước Long.

**Câu 12:** Chiến thắng đường số 14 Phước Long (6/1/1975) **không** khẳng định nội dung nào sau đây?

- A. Quân đội Sài Gòn đã bất lực.
- B. Sự can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ rất hạn chế.
- C. Mỹ đã hoàn toàn từ bỏ chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. Sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân ta.

**Câu 13:** Sau chiến thắng đường số 14 Phước Long (6/1/1975) của quân dân Việt Nam chính quyền Sài Gòn đã

- A. đưa quân đến hòng chiếm lại nhưng thất bại.
- B. phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa từ xa.
- C. nhanh chóng rút quân để bảo toàn lực lượng.
- D. phối hợp với quân Mỹ phản công chiếm lại.





**Câu 27:** Trong chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), địa bàn tác chiến của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam là

- A. rừng núi.                      B. đô thị.                      C. đồng bằng.                      D. trung du.

**Câu 28:** Nét nổi bật về nghệ thuật chỉ đạo trong chiến tranh cách mạng của Đảng Lao động Việt Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là

- A. lựa chọn đúng địa bàn và chủ động tạo thời cơ chiến tranh.  
B. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên chiến tranh cách mạng.  
C. kết hợp giữa tiến công và khởi nghĩa của lực lượng vũ trang.  
D. kết hợp đánh thẳng nhanh và đánh chắc, tiến chắc.

**Câu 29:** Điểm tương đồng trong các chiến lược chiến tranh của Mỹ thực hiện ở Việt Nam từ 1961-1975 là

- A. sử dụng quân Mỹ và các nước đồng minh làm nòng cốt.  
B. sử dụng quân đội Sài Gòn làm lực lượng nòng cốt.  
C. âm mưu chia cắt nước ta lâu dài và nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ.  
D. thực hiện âm mưu dùng người Việt đánh người Việt.

**Câu 30.** Thắng lợi đó “*mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người... như một chiến công vĩ đại ở thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc*”. Đó là thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam?

- A. Cách mạng tháng Tám năm 1945.  
B. Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)  
C. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).  
D. Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).

**Câu 31:** Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là về

- A. sự huy động cao nhất lực lượng.                      B. kết cục quân sự.  
C. mục tiêu tiến công.                      D. quyết tâm giành thắng lợi.

**Câu 32:** Một trong những điểm khác nhau giữa chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 với chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là về

- A. quyết tâm giành thắng lợi.                      B. kết cục quân sự.  
C. địa bàn mở chiến dịch.                      D. sự huy động cao nhất lực lượng.

**Câu 33:** Nét tương đồng về nghệ thuật quân sự của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. tập trung lực lượng, bao vây, tổ chức tiến công, hợp đồng binh chủng.  
B. chia cắt từng bước đánh chiếm các cơ quan đầu não của đối phương.  
C. từng bước xiết chặt vòng vây, kết hợp đánh tiêu diệt và đánh tiêu hao.  
D. bao vây, đánh lấn, kết hợp tiến công quân sự và nổi dậy quần chúng.

**Câu 34:** Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) đều

- A. có sự kết hợp nổi dậy của quần chúng.                      B. có sự điều chỉnh phương châm tác chiến.  
C. tiêu diệt mọi lực lượng của đối phương.                      D. là những trận quyết chiến lược.

**Câu 35:** Điểm chung của các chiến lược chiến tranh do Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam trong thời kì 1954-1975 là

- A. dựa vào quân đội các nước thân Mỹ.  
B. Kết hợp với ném bom phá hoại miền Bắc.  
C. dựa vào lực lượng quân sự Mỹ.  
D. có sự tham chiến của quân Mỹ.

**Câu 36:** Bài học kinh nghiệm nào trong chống Pháp 1945-1954 được Đảng tiếp tục vận dụng trong kháng chiến chống Mỹ?

- A. Kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và dân vận.  
B. Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại, trong nước và quốc tế.

C. Tranh thủ sự đồng tình của dư luận quốc tế.

D. Tăng cường đoàn kết trong nước và thế giới.

**Câu 37:** Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam góp phần xóa bỏ chủ nghĩa thực dân trên thế giới?

A. Cách mạng tháng Tám 1945 và chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

B. Kháng chiến chống Pháp 1946-1954 và kháng chiến chống Mỹ 1954-1975.

C. Tổng tiến công nổi dậy Xuân 1975.

D. Cách mạng tháng Tám 1945 và kháng chiến chống Mỹ 1975.

**Câu 38:** Đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam 1930-1975 do Đảng đề ra và thực hiện thành công là

A. tiến hành cách mạng XHCN.

B. độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

C. giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

D. cải cách ruộng đất gắn liền với giải phóng giai cấp.

**Câu 39:** Điểm tương đồng Hiệp định Giơnevơ 1954 và Hiệp định Pari 1973 là

A. là văn bản mang tính pháp lí quốc tế công nhận quyền tự do của nhân dân Việt Nam.

B. Có sự tham gia các nước Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Thỏa thuận ngừng bắn, tập kết chuyên quân.

D. Các nước cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

**Câu 40:** Bài học kinh nghiệm về nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam 1930-1975)

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

B. xây dựng chính quyền của dân do dân và vì dân.

C. Sự lãnh đạo đúng đắn, linh hoạt, chủ động của Đảng.

D. truyền thống đoàn kết, yêu nước của dân tộc.

**Câu 41:** Nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954-1975) là

A. hậu phương miền Bắc được xây dựng vững chắc.

B. tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

C. sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

D. sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 42:** Trong thời kì 1954-1975, cuộc Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam vì cuộc cách mạng này

A. bảo vệ vững chắc hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

B. làm thất bại hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mỹ.

C. trực tiếp xóa bỏ ách áp bức bóc lột của tư sản địa chủ miền Nam.

D. trực tiếp đánh đổ ách thống trị của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

**Câu 43:** Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ở Việt Nam có điểm chung là

A. xóa bỏ được tình trạng chia cắt đất nước.

B. hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới.

**Câu 44:** Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống xâm lược (1945-1975) ở Việt Nam có điểm chung là

A. đấu tranh đồng thời trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao.

B. phong trào đấu tranh ở nông thôn với phong trào đấu tranh ở đô thị.

C. tác chiến trên cả ba vùng rừng núi nông thôn đồng bằng và đô thị.

D. hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích.

**Câu 45:** Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược (1945-1975) của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi bằng việc

- A. dùng sức mạnh của nhiều nhân tố thắng sức mạnh quân sự và kinh tế.
- B. dùng sức mạnh vật chất đánh thắng sức mạnh của ý chí và tinh thần.
- C. lấy lực lượng số đông thắng vũ khí hiện đại.
- D. lấy lực thắng thế, lấy ít thắng nhiều về quân số.

**Câu 46:** Trong thời kì 1954-1975, đâu là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho Việt Nam trở thành nơi diễn ra “sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”?

- A. Phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam chống Mĩ.
- B. Hiệp định Giơnevơ chia cắt Việt Nam thành hai miền.
- C. Việt Nam chịu sự chi phối của cục diện hai phe hai cực.
- D. Mĩ chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu sang Việt Nam.

**Câu 47:** Quá trình kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam có điểm gì khác nhau?

- A. Kết hợp giữa sức mạnh truyền thống với sức mạnh hiện tại.
- B. Cách thức kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
- C. Huy động mọi nguồn lực để tạo nên sức mạnh giành thắng lợi.
- D. Lấy đấu tranh quân sự làm yếu tố quyết định thắng lợi.

**Câu 48:** Trong thời kì 1954-1975, nhân dân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ chiến lược nào?

- A. Hoàn thành cải cách ruộng đất và triệt để giảm tô giảm tức.
- B. Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. Chống chính sách tở cộng, diệt cộng của chính quyền Sài Gòn.
- D. Chống việc tổ chức bầu cử riêng rẽ của chính quyền Sài Gòn.

**Câu 49:** Đặc điểm lớn nhất, độc đáo nhất của cách mạng Việt Nam thời kì 1954-1975 là một Đảng lãnh đạo nhân dân

- A. tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền.
- B. thực hiện nhiệm vụ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- C. hoàn thành cách mạng dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.
- D. hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân trong cả nước.

**Câu 50:** Điểm chung của cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), và kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

- A. đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.
- B. lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.
- C. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.
- D. của lực lượng vũ trang ba thứ quân.

**Câu 51:** Trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, lực lượng chính trị giữ vai trò

- A. hỗ trợ lực lượng vũ trang.
- B. quyết định thắng lợi.
- C. nòng cốt.
- D. xung kích.

**Câu 52:** Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam thắng lợi là một sự kiện có tầm quốc tế to lớn, có tính thời đại sâu sắc vì đã

- A. giáng đòn mạnh mẽ vào âm mưu nô dịch của chủ nghĩa thực dân.
- B. tạo ra tác động cơ bản làm sụp đổ trật tự hai cực I-an ta.
- C. tạo nên cuộc khủng hoảng tâm lí sâu sắc đối với các cựu binh Mĩ.
- B. dẫn đến khủng hoảng kinh tế chính trị nghiêm trọng ở Mĩ.

**Câu 53.** Một trong những biểu hiện của vai trò quyết định nhất của cách mạng miền Bắc đối với sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước ở Việt Nam (1954-1975) là

- A. hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất-kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- B. trực tiếp đánh thắng các chiến lược chiến tranh của Mĩ.
- C. giành thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược, kết thúc chiến tranh.
- D. làm nghĩa vụ hậu phương của chiến tranh cách mạng.

**Câu 54.** Thực tiễn 30 năm chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975) chứng tỏ kết quả đấu tranh ngoại giao

- A. chỉ phản ánh kết quả của đấu tranh chính trị và quân sự.
- B. luôn phụ thuộc vào quan hệ và sự dàn xếp giữa các cường quốc.
- C. có tác động trở lại các mặt trận quân sự và chính trị.
- D. không thể góp phần làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường.

**Câu 55.** Một trong những điểm tương đồng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945-1975) ở Việt Nam là

- A. lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định thắng lợi.
- B. lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định thắng lợi.
- C. có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. có sự sáng tạo trong phương thức sử dụng lực lượng.

**Câu 56:** Sau Hiệp định Pari, nhân dân miền Nam vẫn phải đấu tranh chống địch “bình định - lấn chiếm” là do

- A. Mĩ và chính quyền Sài Gòn âm mưu phá hoại Hiệp định Pari.
- B. chính quyền Sài Gòn âm mưu chuẩn bị tiến công miền Bắc.
- C. chính quyền Sài Gòn âm mưu chuẩn bị chiếm lại các vùng bị mất.
- D. Mĩ âm mưu biến miền Nam thành quốc gia tự trị.

**Câu 57:** Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari bởi vì

- A. so sánh lực lượng có lợi cho quân.đội Sài Gòn.
- B. được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ.
- C. được nhân dân miền Nam ủng hộ.
- D. quân dân ta chưa có chủ trương dùng bạo lực.

**Câu 58:** Những hành động của chính quyền Sài Gòn như tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, mở những cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm” vào vùng giải phóng của ta cho thấy

- A. sức mạnh áp đảo của chính quyền Sài Gòn.
- B. Mĩ và quân đội Sài Gòn thực hiện Hiệp định Pari (1973).
- C. Mĩ vẫn đang theo đuổi chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.
- D. so sánh lực lượng đang có lợi cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 59:** Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (7/1973) nhận định kẻ thù của cách mạng miền Nam là

- A. quân Mĩ và quân đồng minh.
- B. quân đội và chính quyền Sài Gòn.
- C. Mĩ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu.
- D. chính quyền Sài Gòn và bọn phản động lưu vong.

**Câu 60:** Hội nghị Bộ Chính trị (10/1974) đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian

- A. hai năm (1974 -1975).
- B. trước mùa mưa năm 1975.
- C. trước mùa mưa năm 1976.
- D. hai năm (1975 - 1976).

**Câu 61:** Tuy đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian 2 năm (1975 - 1976), nhưng Bộ Chính trị nhấn mạnh.

- A. “cả năm 1975 là năm thời cơ” và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.
- B. thời cơ chiến lược đến nhanh và hết sức thuận lợi, trước tiên là mở các chiến dịch giải phóng Huế và Đà Nẵng.
- C. ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, phải kịp thời kế hoạch giải phóng giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam.
- D. “phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa”.

**Câu 62:** Thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam là

- A. kẻ thù chính là đế quốc Mĩ đã bị đánh bại hoàn toàn.
- B. việc Mĩ rút quân làm cho quân đội Sài Gòn suy yếu nghiêm trọng.
- C. phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới phát triển mạnh.
- D. phong trào phản chiến của nhân dân Mĩ dâng cao.

**Câu 63: Chính quyền và quân đội Sài Gòn ít chú ý phòng thủ Tây Nguyên là do**

- A. chúng cho rằng Tây Nguyên không phải là vùng chiến lược quan trọng.
- B. chúng cho rằng Tây Nguyên nhiều núi rừng không phát huy được hỏa lực.
- C. Tây Nguyên xa trung tâm, nên không cần phòng thủ chặt.
- D. nhận định sai hướng tiến công của ta, nên ít chú trọng phòng thủ.

**Câu 64: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi có ý nghĩa**

- A. chuyển cuộc tiến công chiến lược thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.
- B. đánh dấu quá trình sụp đổ hoàn toàn của quân đội và chính quyền Sài Gòn.
- C. làm cho hệ thống phòng thủ của địch rung chuyển, tạo điều kiện để ta tiến công.
- D. làm cho quân địch mất tinh thần, tạo thời cơ thuận lợi cho ta tiến lên giải phóng miền Nam.

**Câu 66: Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định lấy tên Chiến dịch Hồ Chí Minh làm chiến dịch giải phóng**

- A. Biên Hoà.
- B. Phan Rang.
- C. Sài Gòn - Gia Định.
- D. Xuân Lộc.

**Câu 67: Phương châm tác chiến của chiến dịch Hồ Chí Minh là**

- A. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.
- B. đánh nhanh, thắng nhanh.
- C. đánh bất ngờ, bí mật.
- D. thần tốc, bất ngờ, táo bạo, chắc thắng.

**Câu 68: Phương pháp và hình thức tiến hành chiến dịch Hồ Chí Minh là**

- A. kết hợp tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng.
- B. tiến công của lực lượng quân sự vũ trang.
- C. kết hợp đấu tranh chính trị ở thành thị với nổi dậy ở nông thôn.
- D. kết hợp đấu tranh chính trị ở thành thị với đấu tranh ngoại giao.

**Câu 69: Mục tiêu của chiến dịch Hồ Chí Minh là**

- A. nhằm vào mục tiêu quân sự.
- B. nhằm vào cơ quan đầu não của kẻ thù.
- C. nhằm vào mục tiêu chính trị.
- D. nhằm vào nơi địch bố phòng sơ hở.

**Câu 70: Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định, ta tấn công căn cứ bảo vệ Sài Gòn ở phía Đông là**

- A. Xuân Lộc và Phan Rang.
- B. Xuân Lộc và Biên Hoà.
- C. Phan Rang và Phan Thiết.
- D. Ninh Thuận và Biên Hoà.

**Câu 71: Đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 là**

- A. Chiến dịch Tây Nguyên.
- B. Chiến dịch Huế.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Chiến dịch Đà Nẵng.

**Câu 72: Ý nghĩa quyết định của chiến thắng Đường 14-Phước Long (1-1975) đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta là**

- A. làm lung lay ý chí chiến đấu của quân đội Sài Gòn.
- B. giáng một đòn mạnh vào quân đội và chính quyền Sài Gòn.
- C. tạo tiền đề thuận lợi hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam.
- D. giúp Bộ Chính trị trung ương Đảng hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam.

**Câu 73: Sự kiện nào đánh dấu sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)?**

- A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện (30-4-1975).
- B. Xe tăng và bộ binh của quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập (30-4-1975).
- C. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập (30-4-1975).
- D. Châu Đốc là địa phương cuối cùng của miền Nam được giải phóng (2-5-1975).

## **BÀI 24. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975**

**Câu 1:** Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là

- A. khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
- B. ổn định tình hình chính trị, xã hội ở miền Nam.
- C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

**Câu 2:** Việt Nam thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975 vì

- A. muốn tạo sức mạnh tổng hợp để tham gia xu thế toàn cầu.
- B. đó là một điều khoản phải thi hành của Hiệp định Pari.
- C. phải hoàn thành triệt để cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- D. đó là ý chí nguyện vọng thiết tha của toàn dân tộc.

**Câu 3:** Tại sao Việt Nam thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Cần có cơ quan quyền lực đại diện chung cho nhân dân.
- B. Phù hợp với xu thế phát triển “ Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”
- C. Mỗi miền tồn tại hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
- D. Nhân dân ta mong muốn được sum họp có một chính phủ thống nhất.

**Câu 4:** Việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1976) đã

- A. tạo khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- B. đánh dấu việc hoàn thành khắc phục hậu quả chiến tranh.
- C. tạo điều kiện hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân.
- D. đánh dấu hoàn thành thống nhất đất nước về hệ thống chính trị.

**Câu 5:** Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là

- A. nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
- B. có miền Bắc xây dựng XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.
- C. đất nước được độc lập, thống nhất.
- D. các nước XHCN tiếp tục ủng hộ.

**Câu 6:** Tổ chức nào giữ vai trò tập hợp, đoàn kết toàn dân Việt Nam sau khi thống nhất đất nước (1976)?

- A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- B. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.
- C. Việt Nam độc lập đồng minh.
- D. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

**Câu 7:** Ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975, nội dung nào **không** phải là điều kiện thuận lợi công cuộc xây dựng đất nước ta là

- A. miền Bắc xây dựng được cơ sở vật chất kĩ thuật của ban đầu của chủ nghĩa xã hội.
- B. cuộc cách mạng dân chủ nhân dân đã hoàn thành.
- C. nhiều nước trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- D. miền Nam đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả chiến tranh.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây là điều kiện thuận lợi của Việt Nam ngay sau đại thắng mùa Xuân 1975?

- A. Đất nước thống nhất về lãnh thổ.
- B. Hậu quả chiến tranh đã khắc phục xong.
- C. Mĩ đã bình thường hóa quan hệ với Việt Nam.
- D. Nền kinh tế bước đầu có tích lũy nội bộ.

**Câu 9:** Sự kiện nào đánh dấu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam?

- A. Đại thắng mùa Xuân năm 1975.
- B. Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa VI.
- C. Kỳ họp thứ nhất quốc hội khóa VI.
- D. Quyết định đặt tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Câu 10:** Sự thành công của kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI (1976) có ý nghĩa

- A. đưa nước ta chuyển sang giai đoạn độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- B. bầu ra chức vụ cao nhất trong bộ máy lãnh đạo của nhà nước.
- C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. tạo ra sức mạnh to lớn để bảo vệ đất nước.

**Câu 11:** Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất quyết định tên nước là

A. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

B. Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

C. Việt Nam Cộng hòa.

D. Việt Nam Độc lập đồng minh.

**Câu 12:** Thắng lợi nào đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước, những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên CNXH và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới?

A. Thắng lợi của việc ký Hiệp định Pa-ri 1973.

B. Thắng lợi của đại thắng mùa Xuân 1975.

C. Thắng lợi của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

D. Việt Nam gia nhập Liên Hợp Quốc.

**Câu 13:** Đây là khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau năm 1975?

A. Nạn đói hoành hành khắp nơi.

B. Bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy chống phá.

C. khoản 95% dân số mù chữ.

D. Hậu quả của chiến tranh để lại rất nặng nề.

**Câu 14:** Ngày 20 – 9 – 1977, nước ta trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức nào?

A. ASEAN.

B. WTO.

C. Liên Hợp Quốc.

D. APEC.

**Câu 15:** Hội nghị nào đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Hội nghị Hiệp thương chính trị tổ chức tại Sài Gòn.

B. Hội nghị lần thứ 24 BCH TƯ Đảng (9 – 1975).

C. Hội nghị lần thứ 21 BCH TƯ Đảng (7 – 1973).

D. Hội nghị TƯ lần thứ 15.

**Câu 16:** Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1975) đã đề ra nhiệm vụ

A. xây dựng chủ nghĩa xã hội ở hai miền Nam, Bắc.

B. hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

C. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

D. hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế xã hội sau chiến tranh.

**Câu 17:** Cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

A. Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

B. Chính phủ.

C. Quốc hội.

D. Tòa án nhân dân tối cao.

**Câu 18:** Sau mùa Xuân 1975, nguyện vọng tình cảm thiêng liêng của nhân dân 2 miền Nam – Bắc là

A. giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. mong muốn có một chính phủ thống nhất.

C. tiến hành CMXHCN trên cả nước.

D. gia nhập các tổ chức quốc tế.

**Câu 19:** Hãy sắp xếp sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

2. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước;

3. Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên;

4. Tổng tuyển của bầu Quốc hội chung cả nước.

A. 1,3,2,4.

B. 1,2,3,4.

C. 1,2,4,3.

D. 2,1,3,4.

**Câu 20:** Nội dung nào dưới đây giải thích **không** đúng về ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước?

A. Tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cả dân tộc.

B. Tạo điều kiện thuận lợi để thống nhất các lĩnh vực còn lại.

C. Tạo ra khả năng to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

D. Tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam gia nhập ASEAN.

**Câu 21.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam (1975-1976)?

A. Đánh dấu việc hoàn thành thống nhất các tổ chức chính trị.

B. Tạo điều kiện để tăng cường an ninh-quốc phòng của đất nước.



- C. Là điều kiện trực tiếp để Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN.
- D. Tạo điều kiện hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

## **BÀI 26. ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)**

**Câu 1:** Đại hội lần thứ VI (12-1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam là đại hội của

- A. đổi mới.
- B. bảo vệ Tổ quốc.
- C. xây dựng CNXH.
- D. xây dựng nền văn hóa dân tộc.

**Câu 2:** Một trong những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới từ tháng 12 – 1986 là

- A. tình trạng lạc hậu của các nước Đông Nam Á.
- B. sự phát triển nhanh chóng của các tổ chức ASEAN.
- C. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô.
- D. cuộc khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế thế giới.

**Câu 3:** Một trong những nguyên nhân cơ bản tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới từ tháng 12 – 1986 là do

- A. các nước xã hội chủ nghĩa cuộc khủng hoảng trầm trọng.
- B. cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật trên thế giới phát triển nhanh chóng.
- C. nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài, cần khắc phục.
- D. Trung Quốc thành công trong công cuộc cải cách tác động đến nước ta.

**Câu 4:** Đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 hiểu như thế nào cho đúng?

- A. Không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà thông qua đó phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa để thực hiện mục tiêu đó.
- B. Không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là cho mục tiêu ấy có hiệu quả bằng những bước đi và biện pháp thích hợp.
- C. Thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội cho phù hợp với hoàn cảnh của đất nước và xu thế của thế giới.
- D. Xác định đúng mục tiêu thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội để thực hiện đạt kết quả khả thi.

**Câu 5:** Trọng tâm đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 là về

- A. pháp luật.
- B. chính trị.
- C. kinh tế.
- D. tư tưởng.

**Câu 6:** Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân do dân vì dân là nội dung trong đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ 12-1986) về

- A. chính trị.
- B. văn hóa.
- C. dịch vụ.
- D. trí tuệ.

**Câu 7:** Nội dung trọng tâm của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 phù hợp với xu thế phát triển của thế giới

- A. mở rộng hợp tác, đối thoại, thỏa hiệp.
- B. thiết lập quan hệ đồng minh với các nước lớn.
- C. lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm.
- D. tham gia mọi tổ chức khu vực và quốc tế.

**Câu 8:** Vì sao trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm?

- A. Kinh tế phát triển là cơ sở để đổi mới các lĩnh vực khác.
- B. Một số nước lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. Hậu quả chiến tranh kéo dài, nước ta còn nghèo nàn lạc hậu.
- D. Những khó khăn của đất nước bắt nguồn từ khó khăn về kinh tế.

**Câu 9:** Nội dung của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 là

- A. thay đổi toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới chính trị.
- B. thay đổi toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới kinh tế.

C. thay đổi toàn bộ mục tiêu chiến lược.

D. đổi mới lần lượt trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa.

**Câu 10:** Trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương

A. tập trung đổi mới kinh tế, xã hội.

B. đổi mới căn bản và toàn diện.

C. đổi mới toàn diện và đồng bộ.

D. tập trung đổi mới chính trị và tư tưởng.

**Câu 11:** Trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương hình thành cơ chế kinh tế

A. thị trường.

B. tập trung.

C. bao cấp.

D. kế hoạch hóa.

**Câu 12:** Trong đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng

A. kinh tế tập trung.

B. kinh tế thị trường.

C. xã hội chủ nghĩa.

D. phân phối theo lao động.

**Câu 13:** Quan điểm đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12 – 1986 **không** nội dung nào dưới đây?

A. Lấy đổi mới chính trị làm trọng tâm.

B. Đi lên chủ nghĩa xã hội bằng những biện pháp phù hợp.

C. Không thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

**Câu 14:** Chủ trương đổi mới về kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12 – 1986 là

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trên cơ sở phát triển công nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa, điện đại hóa đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

C. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo định hướng XHCN.

D. Khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đẩy mạnh cách mạng XHCN tiến lên.

**Câu 15:** Một trong những mục tiêu của đường lối đổi mới ở Việt Nam đề ra từ tháng 12 – 1986 là

A. bước đầu khắc phục hậu quả chiến tranh.

B. đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. hoàn thiện cơ chế quản lý đất nước.

D. hoàn thành công cuộc cải cách ruộng đất.

**Câu 16:** Nội dung đổi mới về kinh tế của Việt Nam (từ 12-1986) và Chính sách kinh tế mới của nước Nga (NEP, 1921) có điểm tương đồng là

A. ưu tiên phát triển công nghiệp nặng và giao thông vận tải.

B. xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước.

C. xây dựng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, kiểm soát bằng pháp luật.

D. thay thế chế độ trung thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực.

**Câu 21:** Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12/1986 đã đề ra chủ trương xây dựng nhà nước

A. xã hội chủ nghĩa.

B. pháp quyền XHCN.

C. cộng hòa dân chủ.

D. dân chủ XHCN.

**Câu 23:** Bài học kinh nghiệm là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến năm 2000 là

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. xây dựng chính quyền của dân do dân và vì dân.

C. sự lãnh đạo đúng đắn, linh hoạt, chủ động của Đảng.

D. truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc và quốc tế.

**Câu 24:** Bài học kinh nghiệm quý báu được rút ra từ thực tiễn cách mạng Việt Nam trong thế kỉ XX là

A. nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

B. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

C. thực hiện mục tiêu dân tộc và ruộng đất cho dân cày.

D. giải quyết tốt mối quan hệ giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.

**Câu 25:** Tại sao trong đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

A. Việt Nam có điều kiện phát triển kinh tế thị trường.

B. Tận dụng được nhiều nguồn lực để phát triển đất nước.

C. Tạo điều kiện để kinh tế tư bản tư nhân phát triển.

D. Thu hút vốn và khoa học công nghệ nước ngoài.

**Câu 26:** Nguyên nhân quyết định thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay là

A. sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam.

C. sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. sự năng động thích nghi của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

**Câu 27:** Tư tưởng cốt lõi của xuyên suốt cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản ra đời đến nay là

A. độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

B. chống đế quốc gắn liền với chống phong kiến.

C. giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

D. xây dựng nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

**Câu 28:** “Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác” là quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình thực hiện

A. xây dựng đất nước ở thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

B. đường lối đổi mới đất nước từ năm 1986.

C. xây dựng đất nước trong giai đoạn công nghiệp hóa-hiện đại hóa.

D. điều chỉnh chính sách đối ngoại thời kì sau Chiến tranh lạnh.

**Câu 30:** Một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho tình hình đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng trong những năm 80 thế kỉ XX nước ta là

A. các thế lực thù địch chống phá.

B. không áp dụng khoa học kĩ thuật trong sản xuất.

C. bị chiến tranh tàn phá nặng nề trong thời gian dài.

D. sai lầm về chủ trương chính sách lớn của Đảng.

**Câu 31:** Một trong những nhân tố khách quan tác động đến quyết định đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 12-1986 là

A. đất nước khủng hoảng kinh tế-xã hội.

B. cách mạng khoa học-kĩ thuật đạt nhiều thành tựu.

C. yêu cầu bức thiết của nhân dân.

D. công cuộc đổi mới của Liên Xô đạt nhiều thành tựu.

#### IV. ĐÁP ÁN LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919-2000

##### BÀI 12

1-B	2-B	3-B	4-B	5-D	6-D	7-A	8-B	9-C	10-A	11-C
12-C	13-B	14-A	15-C	16-A	17-A	18-B	19-B	20-C	21-C	22-D
23-C	24-C	25-D	26-B	27-C	28-A	29-B	30-B	31-C	32-C	33-C
34-D	35-A	36-A	37-B	38-B	39-A	40-A	41-A	42-C	43-A	44-D
45-C	46-B	47-B	48-A	49-C	50-C					

##### BÀI 13

1-A	2-B	3-D	4-C	5-B	6-C	7-D	8-A	9-A	10-A	11-C
12-A	13-B	14-D	15-D	16-B	17-C	18-A	19-B	20-C	21-D	22-C
23-A	24-B	25-D	26-C	27-B	28-A	29-A	30-D	31-B	32-D	33-D
34-D	35-A	36-C	37-B	38-A	39-C	40-A	41-C	42-D	43-D	44-A
45-C	46-A	47-C	48-D							

##### BÀI 14

1-D	2-B	3-B	4-B	5-B	6-C	7-D	8-B	9-C	10-B	11-A
12-D	13-A	14-B	15-C	16-C	17-D	18-A	19-B	20-D	21-C	22-A
23-A	24-C	25-A	26-A	27-B	28-B	29-C	30-A	31-B	32-D	33-B
34-C	35-B									

##### BÀI 15

1-B	2-C	3-C	4-C	5-D	6-C	7-C	8-C	9-C	10-B	11-B
12-C	13-B	14-C	15-D	16-B	17-C	18-A	19-C	20-C	21-D	22-C
23-B	24-C	25-B	26-A	27-C	28-D	29-C	30-A	31-C	32-B	33-C
34-A	35-C									

##### BÀI 16

1-A	2-D	3-D	4-A	5-A	6-D	7-B	8-D	9-C	10-A	11-B
12-D	13-C	14-A	15-D	16-D	17-D	18-D	19-C	20-B	21-D	22-D
23-B	24-B	25-B	26-D	27-A	28-B	29-C	30-C	31-D	32-A	33-D
34-C	35-A	36-A	37-B	38-D	39-A	40-C	41-A	42-B	43-D	44-C
45-D	46-A	47-A	48-B	49-D	50-B	51-C	52-C	53-C	54-B	55-B
56-C	57-A	58-B	59-B	60-D	61-A	62-D	63-B	64-C	65-C	

##### BÀI 17

1-D	2-C	3-B	4-B	5-B	6-B	7-D	8-A	9-C	10-C	11-C
12-B	13-A	14-A	15-A	16-D	17-A	18-C	19-B	20-D	21-D	22-B
23-C	24-A	25-B	26-C	27-A	28-B	29-B	30-D	31-A	32-B	33-C
34-D	35-A	36-A	37-D	38-D	39-B	40-B	41-B	42-C	43-A	44-B
45-C	46-C	47-C								

##### BÀI 18

1-A	2-D	3-C	4-B	5-C	6-D	7-D	8-B	9-A	10-D	11-C
12-B	13-C	14-B	15-C	16-C	17-B	18-C	19-B	20-D	21-C	22-A
23-A	24-B	25-A	26-D	27-B	28-D	29-C	30-B	31-B	32-A	33-D
34-A	35-B	36-C	37-D	38-D	39-B	40-A	41-B	42-D	43-B	44-D
45-B	46-D	47-C								

### BÀI 19

1-D	2-A	3-C	4-C	5-B	6-B	7-C	8-C	9-D	10-B	11-A
12-A	13-B	14-B	15-C	16-A	17-A	18-B	19-C	20-C	21-C	22-A

### BÀI 20

1-C	2-A	3-C	4-A	5-C	6-D	7-C	8-D	9-A	10-A	11-B
12-C	13-D	14-A	15-D	16-A	17-D	18-C	19-B	20-B	21-B	22-D
23-C	24-D	25-C	26-B	27-D	28-B	29-D	30-A	31-C	32-B	33-A
34-A	35-D	36-D	37-B	38-B	39-B	40-B	41-D	42-D	43-C	44-D
45-A	46-B	47-A	48-A	49-C	50-D	51-A	52-B	53-C		

### BÀI 21

1-A	2-B	3-A	4-C	5-B	6-D	7-C	8-A	9-B	10-A	11-A
12-A	13-B	14-A	15-D	16-C	17-D	18-B	19-D	20-C	21-C	22-A
23-A	24-A	25-A	26-A	27-C	28-A	29-B	30-D	31-B	32-A	33-A
34-A	35-B	36-A	37-B	38-B	39-D	40-C	41-C	42-A	43-B	44-A
45-C	46-A	47-B	48-A	49-D	50-C	51-A	52-A	53-B	54-B	55-C
56-C	57-B	58-C	59-D	60-A						

### BÀI 22

1-B	2-C	3-A	4-B	5-C	6-C	7-C	8-B	9-B	10-B	11-D
12-A	13-C	14-B	15-A	16-B	17-C	18-B	19-C	20-C	21-C	22-C
23-B	24-C	25-A	26-B	27-D	28-C	29-D	30-B	31-D	32-C	33-C
34-B	35-B	36-B	37-D	38-C	39-D	40-B	41-A	42-D	43-B	44-A
45-C	46-A	47-C	48-B	49-C	50-B	51-C	52-B	53-D	54-D	55-A
56-B	57-C	58-D	59-A	60-D	61-C	62-A	63-D	64-D		

### BÀI 23

1-A	2-D	3-C	4-C	5-B	6-C	7-A	8-A	9-C	10-C	11-D
12-C	13-A	14-C	15-B	16-B	17-A	18-B	19-C	20-B	21-C	22-C
23-B	24-D	25-C	26-C	27-B	28-A	29-C	30-D	31-C	32-C	33-A
34-D	35-C	36-B	37-B	38-B	39-D	40-C	41-C	42-D	43-A	44-B
45-A	46-D	47-B	48-B	49-A	50-B	51-A	52-A	53-D	54-C	55-D
56-A	57-B	58-C	59-C	60-D	61-A	62-B	63-D	64-A	65-B	66-C
67-D	68-A	69-B	70-A	71-C	72-D	73-D				

### BÀI 24

1-C	2-D	3-C	4-A	5-C	6-A	7-D	8-A	9-C	10-C	11-A
12-C	13-D	14-C	15-B	16-B	17-C	18-B	19-C	20-D	21-B	

### BÀI 26

1-A	2-C	3-C	4-B	5-C	6-A	7-C	8-D	9-B	10-C	11-A
12-C	13-A	14-C	15-B	16-B	17-C	18-D	19-C	20-A	21-B	22-C
23-C	24-A	25-B	26-A	27-A	28-B	29-B	30-D	31-B	32-B	33-B
34-A	35-B									